

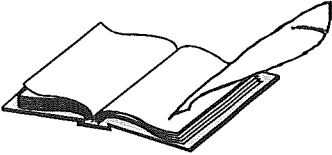
THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHI LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy

Xã luận

ISSN 1145-9557 - Số 195 - Năm thứ 18, tháng 09-2005



THẾ GIỚI TRƯỚC CUỘC THÁCH ĐỐ NĂNG LƯỢNG

Nếu sáu tháng trước đây có người nói rằng giá dầu thô có thể sẽ đạt mức 70 USD một thùng thì chắc hẳn người đó sẽ bị đánh giá là bi quan. Hiện nay mức này đã đạt tới và có mọi triển vọng sẽ bị vượt qua trong một tương lai rất gần.

Giá dầu đã tăng vọt vì hai lý do chính, một là Trung Quốc quá thiếu nhiên liệu và hầu như sẵn sàng mua dầu với bất cứ giá nào, hai là những bất ổn tại Trung Đông, đặc biệt là tại Iraq, cùng với những trận bão lớn tại các vùng khai thác dầu, như cơn bão Katrina đang hoành hành trong vịnh Mexico. Thêm vào đó là viễn ảnh các giếng dầu sẽ cạn trong một nửa thế kỷ tới.

Tuy nhiên, nếu không để cho sự hốt hoảng xâm chiếm, người ta có thể coi việc giá dầu tăng vọt thực ra là một cơ may để các chính quyền có thể bắt tay vào việc giải quyết thực sự một vấn đề đang nào cũng phải giải quyết: thay thế dầu lửa như là nguồn năng lượng chính. Tình thế không đến nỗi đen tối. Ngay lúc này thế giới đã có thể sản xuất dầu thực vật, etanol và biodiel, năng suất cao hơn và ít ô nhiễm hơn, với giá 25 USD/thùng. Theo các nghiên cứu, dầu thực vật có thể nhanh chóng thay thế 50% dầu mỏ và với sự gia tăng của nó cùng với sự cải tiến các động cơ, dầu mỏ sẽ lùi dần về địa vị của một

nguồn năng lượng phụ. Brazil hiện đang xuất khẩu dầu thực vật với giá này. Sở dĩ dầu thực vật chưa được thúc đẩy đúng mức là do áp lực của nhiều tổ hợp mà quyền lợi gắn bó với dầu mỏ và của các hiệp hội nông dân lo sợ sự cạnh tranh của các nước chưa phát triển. Nhưng với giá dầu thô 70 USD một thùng thì các áp lực này trở thành quá vô lý để có thể tiếp tục. Điều này có nghĩa là thế giới sẽ mau chóng, trong vài thập niên, chuyển từ nền văn minh dầu mỏ sang nền văn minh dầu thực vật, trước khi đi vào một kỷ nguyên văn minh hydro.

Đây sẽ là một chuyển biến trọng đại trong chiều hướng đáng mừng, và bắt buộc, cho tương lai nhân loại, dù trong nhất thời nó đòi hỏi nhiều cố gắng để thích nghi, đặc biệt là nhìn lại và làm lại các thiết bị và động cơ.

Đáng tiếc là chúng ta chưa có may mắn để có những lo âu lớn và chính đáng như vậy. Vấn đề trước mắt của chúng ta vẫn còn là vất bỏ một chế độ độc tài, một tàn dư còn sót lại của một giai đoạn mà nhân loại chưa đủ văn minh.

Phải cảnh giác, thế giới không chờ đợi chúng ta, tiến bộ không chờ đợi chúng ta. Phải có dân chủ, và phải có thật sớm, nếu chúng ta muốn tồn tại như một quốc gia xứng đáng để tồn tại.

Thông Luận

Chính sách năng lượng của Trung Quốc

Đầu tháng 8-2005, hai tai nạn sụp hầm tại Quảng Đông và Quý Châu làm thiệt mạng 147 thợ mỏ. Càng ngày dư luận quốc tế càng lo ngại cho số phận những phu mỏ khác đang làm việc trong các mỏ than thiếu mọi an toàn. Chính quyền Trung Quốc cho biết mỗi năm có hơn 6.000 phu mỏ bị thiệt mạng trong các tai nạn hầm mỏ nhưng những nguồn tin độc lập khác cho biết con số chết thực sự hàng năm cao gấp ba lần con số chính thức, khoảng 20.000 người. Mặc dầu có tỷ lệ tử vong cao, lợi tức do than đá mang lại quá cao để giới chủ nhân ngừng sản xuất, và số người làm việc trong các hầm mỏ ngày càng đông vì lợi tức kiếm được (khoảng 100 USD/tháng) cao hơn lợi tức do canh tác nông nghiệp mang lại.

Trung Quốc hiện đang đứng đầu thế giới về mức sản xuất than đá : 1,5 tỷ tấn/năm - gấp đôi Hoa Kỳ (892 triệu tấn) và gấp năm lần Ấn Độ (340 triệu tấn/năm) với hơn 25.000 mỏ than lớn nhỏ, trong đó trung ương sở hữu 3.200 mỏ lớn, các chính quyền địa phương và tư nhân sở hữu 22.000 mỏ nhỏ còn lại. Mặc dù rất có hại cho môi trường, than đá cung cấp 80% nhu cầu điện năng toàn quốc, 20% còn lại đến từ các đập thủy điện (13,5%), các nhà máy nhiệt điện (4,2%) và 9 lò điện phát điện nguyên tử (2,3%).

Với tỷ lệ tăng trưởng kinh tế 9,5%/năm, Trung Quốc thiếu năng lượng trầm trọng, trong đó dầu lửa là năng lượng chủ yếu để chạy các động cơ mà Trung Quốc không có để bảo đảm sự liên tục của sinh hoạt kinh tế. Chính nỗ lực tăng cường nguồn cung cấp năng lượng của mình bằng mọi giá này của Trung Quốc làm thế giới phương Tây, đặc biệt là Hoa Kỳ, quan ngại. Bắc Kinh đã cử người đi khắp nơi để mua dầu, từ Trung Đông đến Trung Á, từ châu Phi đến Nam Mỹ, và sẵn sàng mua lại những công ty khai thác dầu thua bị lỗ (như Yunocal của Hoa Kỳ) hay thương lượng với những quốc gia bị thế giới phương Tây điểm mặt (vì vi phạm nhân quyền hay tình nghi ủng hộ khủng bố) để bảo đảm nguồn cung cấp dầu của mình.

Hiện nay Trung Quốc nhập 40% lượng dầu thô cần thiết, năm 2025 lượng dầu thô nhập khẩu sẽ là 80%. Sự lệ thuộc vào nguồn dầu nhập từ nước ngoài này buộc Trung Quốc phải xây dựng cho mình một chiến lược nhập khẩu ổn định và lâu dài. Để tăng cường khả năng vận chuyển, Trung Quốc sẽ tăng cường đội tàu thuyền chở dầu (tanker) và hạm đội quân sự trên Biển Đông để chống nạn hải tặc, đặc biệt là tại eo biển Malacca (Indonesia).

Tại Trung Đông, tháng 10-2004, hai công ty lớn của Trung Quốc đã ký hợp đồng thăm dò và khai thác mỏ dầu Yadabaran ở Iran trong 25 năm và nhập 250 triệu tấn khí đốt thiên nhiên. Đổi lại Trung Quốc sẽ bảo vệ Iran tại Liên Hiệp Quốc trong việc triển khai vũ khí hạch nhân mà thế giới phương Tây lên án.

Tại Trung Á, Trung Quốc thành lập công ty hợp doanh với Uzbekistan để khai thác dầu mỏ (tháng 5-2005), ký hiệp ước hợp tác với công ty khai thác dầu hỏa của Nga,

đặc biệt tại vùng Tây Siberia (tháng 6 và 7-2005). Trong cùng thời gian, Trung Quốc đã ký nhiều hiệp ước khai thác dầu thô với Oman, các tiểu vương quốc Ả Rập (UAE), Nigeria. Tại châu Mỹ, hai công ty dầu hỏa lớn của Trung Quốc mua lại những cổ phần của một công ty Canada chuyên khai thác cát có trộn dầu thô (oilsand).

Trên Biển Đông, Trung Quốc tiến hành khai thác mỏ khí đốt Xuân Thiên, cạnh đường vận chuyển hàng hóa của Nhật. Ngày 20-7-2005, Hồ Cẩm Đào thúc Trần Đức Lương chấp nhận kế hoạch khai thác năng lượng ở Trường Sa chung với Trung Quốc và Philippines.

Ngoài ra, Trung Quốc còn dự định xây dựng một hệ thống đường ống dẫn dầu và khí đốt từ các hải cảng của Miến Điện đến Côn Minh. Kế hoạch xây dựng đường ống này sẽ bắt đầu từ Iran qua Pakistan, Ấn Độ rồi đến Miến Điện, gọi là "Tây khí Đông du". Lý do là để giảm thiểu áp lực nguồn dầu hỏa nhập từ Trung Đông (Ả Rập Saudi, Oman, Iran) chiếm khoảng 60% tổng lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc và cũng để tránh sự dòm ngó của Hoa Kỳ trên biển cả.

Hiện nay lượng dầu thô nhập từ các nước châu Phi chiếm 20% tổng lượng dầu nhập khẩu, phần lớn từ Sudan và Angola, hai nước vi phạm nhân quyền đang bị thế giới lên án, nhưng Trung Quốc bất chấp vì châu Phi là "vùng ngoại giao chiến lược quan trọng". Chính sách ngoại giao này gồm hai điểm : quốc gia cung cấp dầu hỏa quan trọng hơn dư luận quốc tế và dầu hỏa đổi lấy vũ khí, hàng hóa tiêu dùng và gạo. Cũng nên biết, năm 1996, Trung Quốc phủ quyết một nghị quyết của Liên Hiệp Quốc buộc Sudan giao trả thủ phạm tình nghi ám sát không thành tổng thống Ai Cập, đổi lại năm 1997 Trung Quốc được Sudan cấp quyền đầu tư vào mỏ dầu lớn nhất nước. Từ sau ngày đó, Trung Quốc áp dụng chiến lược ngoại giao khai thác mỏ dầu đối với các nước đang phát triển tại châu Phi. Từ đầu năm 2005 đến nay, Trung Quốc đã liên tiếp ký kết hiệp ước hợp tác với Kenya, cộng hòa Congo, Angola (tháng 2-2005), cộng hòa dân chủ Congo, tức Zaire cũ (tháng 3-2005), đặc biệt là ký với Nigeria, nước châu Phi đông dân nhất, hiệp ước hợp tác khai thác khí đốt (tháng 4-2005).

Để bảo đảm nguồn cung cấp dầu hỏa ổn định cho mình trong trường kỳ, Trung Quốc đang tăng cường quan hệ ngoại giao với các quốc gia độc tài từ Trung Á đến Trung Đông, từ châu Phi đến châu Mỹ la-tinh (Venezuela). Tại Trung Đông, để lấy lòng người Ả Rập không ưa Mỹ, Trung Quốc còn công khai lên tiếng chỉ trích các chính sách của Mỹ tại khu vực này trước các diễn đàn quốc tế. Điều này cho thấy, vì sự sống còn của mình, thay vì đầu tư lâu dài vào các nguồn năng lượng thay thế khác như nguyên tử, ánh nắng và gió, Trung Quốc sẵn sàng làm bất cứ những gì, kể cả việc giúp Iran sản xuất vũ khí nguyên tử, bất chấp sự an nguy của các quốc gia khác, để có dầu khí.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Quá trễ và chưa đủ

Nguyễn Sơn Bá

Báo *Nhân Dân*, cơ quan chính thức của Đảng Cộng Sản Việt Nam, số ra ngày 29-8-2005 có đăng bài "Đại đoàn kết dân tộc, cội nguồn sức mạnh của chúng ta", trong đó ông Kiệt viết "đất nước không là của riêng một đảng nào" và kêu gọi "ngồi lại với nhau" để thực hiện "hòa hợp dân tộc". Ông Kiệt cũng viết là những người thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa trước đây cũng là những người tốt và lấy làm tiếc về chính sách tàn nhẫn đối với họ, cũng như chính sách cải tạo tư sản.

Khoảng cách giữa những người dân chủ trong và ngoài nước, và giữa người Việt trong và ngoài nước nói chung, có thể nhận thấy qua phản ứng về bài báo của ông Võ Văn Kiệt. Đối với người trong nước, bài báo của ông Kiệt là một biến cố đặc biệt, đối với người ở nước ngoài nó chỉ là một bước tiến khiêm nhường. Cả hai bên đều có lý.

Nhận định một cách khách quan, ông Võ Văn Kiệt chỉ là một cấp lãnh đạo cộng sản đã về hưu, và không còn quyền thế như ông Trần Độ, hơn nữa đã nói lên quá muộn những gì ông Trần Độ đã nói từ lâu và nói mạnh hơn nhiều. Ông Kiệt cũng thua xa ông Trần Xuân Bách, ông đã chỉ lên tiếng một cách thận trọng về độc quyền chính trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam ("*đất nước không là của riêng một đảng nào*"), ông không dám thẳng thắn kêu gọi dân chủ đa nguyên như các ông Trần Xuân Bách và Trần Độ. Riêng ông Trần Xuân Bách còn dám lên tiếng tán thành dân chủ đa nguyên 14 năm về trước, ngay vào lúc ông được đề bạt làm tổng bí thư đảng cộng sản, để rồi bị cách chức khỏi của bộ chính trị lẫn ban bí thư và ban chấp hành trung ương đảng. Thêm vào đó, bài báo của ông Kiệt được viết trong một bối cảnh chính trị hỗn loạn, tranh chấp trong nội bộ đảng cộng sản ngày càng căng thẳng, kỷ luật nội bộ đang suy yếu. Không hiểu đây là có phải những suy nghĩ thật lòng của ông Kiệt hay không? Dư luận có quyền đặt câu hỏi vì tất cả những điều ông viết hoàn toàn mâu thuẫn với những gì ông đã làm trước đây, khi còn cầm quyền.

Điểm đáng chú ý là bài báo của ông Kiệt đã được đăng trên tờ *Nhân Dân*, thuộc quyền kiểm soát trực tiếp ông Nguyễn Khoa Điềm, một người thuộc phe Lê Đức Anh. Ông Kiệt, kể từ khi thất thế trước Lê Đức Anh sau đại hội 8, đã hầu như bị cấm cửa trên báo *Nhân Dân*. Việc báo *Nhân Dân* đăng bài của ông có thể chứng tỏ phe Lê Đức Anh không còn kiểm soát được bộ máy tuyên truyền của đảng nữa. Sự kiện này có nghĩa là những tranh chấp nội bộ đảng sẽ được bộc lộ một cách công khai trước dư luận trong những ngày sắp tới, và tất cả đều có thể xảy ra.

Ông Võ Văn Kiệt, qua nội dung bài báo nói trên, chỉ đã phát biểu quá trễ những suy nghĩ đáng lẽ phải có từ lâu, ông đã nói chưa hoàn toàn đúng và chắc chắn là chưa đủ.

Ông Kiệt vẫn chỉ nói tới "hòa hợp dân tộc", một khẩu hiệu đã cũ rích của chính Đảng Cộng Sản Việt Nam. Hòa hợp dân tộc chỉ có nghĩa là đoàn kết dân tộc, như chính ông

Kiệt cũng nhìn nhận ngay trong bài báo này. Nhưng làm sao có thể có đoàn kết dân tộc nếu trước đó không có hòa giải, sau những sai lầm và đổ vỡ quá lớn mà toàn dân đã chịu đựng, đã là nạn nhân, đặc biệt là những người đã sống dưới chế độ miền Nam trước đây?

Ông Kiệt phải là người biết rõ điểm này. Sau ngày 30-4-1975, ông đã là nhân vật cầm đầu miền Nam Việt Nam. Ông đã có vai trò quan trọng trong chính sách hạ nhục tập thể và bỏ tù hàng loạt. Kế tiếp là những vụ đổi tiền mà thực chất chỉ là cướp đoạt tài sản của nhân dân miền Nam, bởi vì mỗi gia đình chỉ được đổi 100 đồng. Nhiều người quá đau đớn đã tự tử. Rồi những đợt cải tạo công thương nghiệp. Chính ông Kiệt đã là người chủ xướng và chỉ huy đợt "vượt biên bán chính thức" trong hai năm 1978 và 1979, trong đó Đảng Cộng Sản Việt Nam hành động như một đảng cướp bắt giữ con tin, buộc dân chúng miền Nam nộp tiền để có thể ra đi thoát vòng kềm tỏa của đảng và nhà nước cộng sản. Tội tệ nhất là chính quyền cộng sản đã nhấn tâm chất hàng ngàn người trên những con thuyền ọp ẹp và không cho họ một vũ khí nào để tự vệ trước bọn cướp biển. Hàng trăm ngàn người đã là nạn nhân của bọn cướp biển. Rất nhiều người đã phải chứng kiến cảnh vợ và con gái mình bị hãm hiếp. Những vết thương này khó có thể hàn gắn, ngay cả với một cố gắng hòa giải quả quyết và thực tình. Tuy vậy Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn chưa có một lời xin lỗi.

Cá nhân ông Kiệt càng có lý do để xin lỗi. Ngay sau khi chính quyền Việt Nam Cộng Hòa bị đánh gục và ông Kiệt trở thành một thứ toàn quyền của Hà Nội tại miền Nam, ông đã cho thủ hạ thành lập các đảng chống đối cuối, như Việt Nam Phục Quốc, để gài bẫy bắt các thanh niên có ý đồ chống đối. Dù biết rằng họ chỉ là nạn nhân sa bẫy của chính ông gài ra, ông Kiệt đã không ngần ngại đem xử bắn rất nhiều người.

Một việc làm vô đạo khác của chính ông Kiệt là đã cho đập phá nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi ở trung tâm Sài Gòn. Mục đích chỉ nhỏ mọn là muốn chiếm một mảnh đất khoảng một héc ta. Ban đêm ông để cho bọn côn đồ vào nghĩa trang đập phá, đào mồ để kiếm vàng. Thân nhân những người quá cố đành phải dời mồ, một số thi hài của những người quá cố không có thân nhân tại Việt Nam bị "xử lý", nghĩa là vứt đi. Vết thương này cũng khó hàn gắn và cá nhân ông Kiệt phải chịu trách nhiệm, vì đây không phải là bộ chính trị hay ban chấp hành trung ương đảng lấy quyết định này, mà chính là ông Kiệt.

Ngoài ra, mọi người cũng không quên là ông Kiệt là người đã ký sắc lệnh 31/CP cho phép công an quản chế tùy tiện bất cứ người nào không cần chứng cứ trong vòng hai năm. Chưa thấy ông Kiệt lên tiếng yêu cầu bỏ sắc lệnh này.

Nếu Đảng Cộng Sản Việt Nam chưa chịu xin lỗi thì ít ra cá nhân ông Kiệt cũng phải xin lỗi vì những hành động không đúng của chính ông.



Thư ngỏ gửi ông Võ Văn Kiệt

VỀ VẤN ĐỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Tiêu Dao Bảo Cự

Thưa ông,

Sau khi đọc bài "Đại đoàn kết dân tộc - cội nguồn sức mạnh của chúng ta" của ông đăng trên báo Tuổi Trẻ ngày 29-8-2005, tôi thấy cần viết lá thư ngỏ này gửi đến ông để trao đổi làm sáng tỏ một vài vấn đề và để rộng đường dư luận.

Bài viết của ông đã cho thấy một sự sáng suốt và thành tâm rất lớn khi nhận định về vấn đề đại đoàn kết dân tộc và chỉ ra những sai lầm của chế độ, của những người cầm quyền trong từng thời kỳ.

Về giai đoạn sau 1951, ông viết :

"Tiếc rằng một số năm sau đó, tư tưởng đại đoàn kết đã bị coi nhẹ, quan điểm giai cấp đã được vận dụng một cách máy móc, một chiều.

Trong các chiến dịch cải cách ruộng đất và cải tạo công thương nghiệp, nhiều nhân sĩ yêu nước, nhiều nhà kinh doanh có công với cách mạng đã không được coi như bạn nữa, gây những tổn thất lớn về chính trị và kinh tế.

Tư tưởng thành phần chủ nghĩa đã dẫn tới hai kết quả : làm mất đi nhiều tài năng của một bộ phận đáng kể trong dân tộc, đồng thời đưa một cách gượng ép những nhân tố tuy rất cơ bản về chính trị nhưng lại không đủ chất lượng trong quản lý và xây dựng".

Về giai đoạn sau năm 1975, ông viết :

"Rất tiếc là ý thức đoàn kết dân tộc lại một lần nữa bị phần nào xao nhãng bởi bệnh chủ quan và say sưa vì chiến thắng, bởi những cách nhìn hẹp hòi, biệt phái, bởi chuyện phân biệt thắng-thua, bởi những kỳ thị ta-ngụy..."

Tiếp đó, cuộc cải tạo công thương nghiệp tư nhân ở miền Nam và việc hợp tác hóa nông nghiệp một cách rập khuôn, mà sau này Đại hội Đảng lần thứ VI đã rút kinh nghiệm, là vừa đụng chạm tới cả những người đã từng có công đóng góp cho cách mạng, vừa triệt tiêu đi một nguồn lực kinh tế rất quan trọng.

Kinh tế khó khăn, đời sống bế tắc, cộng với những phương thức quản lý xã hội cứng nhắc và tình trạng kỳ thị thành phần.... đã làm cho cả một số người yêu nước, muốn đóng góp cho đất nước cũng đành dứt áo ra đi".

Cuối cùng ông kêu gọi mọi người hãy cùng nhau ôn lại và thực hiện tốt những bài học lớn sau đây :

" - Đất nước Việt Nam, giang sơn Việt Nam cùng mọi thành quả của nền văn hóa Việt Nam, không phải của riêng

ai, của một giai cấp hay đảng phái nào, mà là tài sản chung của mọi người Việt Nam, của cả dân tộc Việt Nam.

- Đã thế thì mọi người Việt Nam đều có trách nhiệm và có quyền được đóng góp vào việc tô điểm cho giang sơn đó, làm giàu thêm và đẹp thêm cho nền văn hóa đó.

- Lại vì thế nên phải làm sao để cho mọi người Việt Nam đều được sống với giang sơn gấm vóc này, được hưởng mọi giá trị vật chất và tinh thần của nền văn hóa này".

Tôi mạn phép trích dẫn hơi nhiều những đoạn trên trong bài viết của ông để chứng tỏ rằng ông có can đảm khi nhìn nhận sai lầm trong quá khứ và sáng suốt khi hướng về tương lai.

Với những sai lầm trong việc thực hiện tinh thần và bài học đại đoàn kết qua các giai đoạn, đặc biệt sau 1975, ông cũng đã nhận trách nhiệm về phần mình cũng như tập thể Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh khi ông là người đứng đầu đảng bộ này. Tuy hiện nay ông không còn đương chức nhưng cách nói của ông là một sự kiểm điểm nghiêm túc về trách nhiệm cá nhân và tập thể. Tuy nhiên những sự kiểm điểm nghiêm túc kiểu như thế, với những lời còn hoa mỹ hơn, đầy dẫy trong các văn kiện của Đảng. Còn ở Quốc Hội, trước đây trong các cuộc họp, người ta phân tích các sai lầm khuyết nhược điểm nhưng không quy trách nhiệm cho ai cả. Gần đây, có cái "mốt" là những người bị phê bình "nhận khuyết điểm, nhận trách nhiệm" nhưng không thấy ai bị kỷ luật hay sửa sai gì. Họp xong, nói xong, đầu vẫn hoàn đấy. Thật làm cho nhân dân chán ngán !

Tôi hi vọng với riêng ông, ông có thể làm hơn thế, mặc dù ông không còn đương chức đương quyền. Vì ngoài những vấn đề chung ông đã đề cập, với riêng ông, ông Võ Văn Kiệt, ông còn một món nợ lớn đối với nhân dân là việc ông ký nghị định 31/CP ngày 14-4-1997 về quản chế hành chính lúc ông làm Thủ Tướng chính phủ. Đây là nghị định cho phép giam giữ người dân tối đa hai năm không cần xét xử, đặt xã hội dưới chế độ công an trị. Một nghị định phản dân chủ, phản hiến pháp, phi đoàn kết đã bị bao nhiêu người lên án.

Hai người đầu tiên được "vinh dự" thực hiện nghị định này là ông Bùi Minh Quốc và tôi ở Đà Lạt, sau đó là hàng loạt những người bất đồng chính kiến và hoạt động tôn giáo khác. (Riêng Bùi Minh Quốc về sau lại được "hưởng" thêm nghị định này lần thứ hai).

già, không còn giữ quyền hành trong tay nữa mới nghĩ đến quyền lợi của dân tộc và đất nước ?

Người Việt Nam có thể quên và sẵn sàng quên những hận thù, nhưng với điều kiện là phải có sự sòng phẳng.

Nguyễn Sơn Bá (Paris)

Những đối tượng của nghị định 31/CP này là ai ? Là những cán bộ, đảng viên kỳ cựu, là những trí thức, văn nghệ sĩ, những nhà hoạt động tôn giáo đầy nhiệt tâm và trách nhiệm với vận nước, đã bày tỏ quan điểm của mình một cách ôn hòa, nhiều người chân thành đóng góp xây dựng đảng, nhà nước và không ít người ủng hộ chủ trương đổi mới của ông. Họ đã được đáp trả bằng cách bắt "ngồi tù tại gia" thì làm sao đoàn kết với ai được.

Tôi nêu ra vấn đề này không phải vì chuyện cá nhân. Tôi biết nếu thời gian đó ông không làm Thủ Tướng thì có thể một Thủ Tướng khác sẽ ký nghị định đó. Cũng như những người ký quyết định quản chế cụ thể đối với chúng tôi ở địa phương căn cứ vào nghị định 31/CP này không xa lạ gì với chúng tôi và họ cũng không ghét bỏ gì chúng tôi cả. Họ ở trong guồng máy nên họ phải thi hành.

Tuy nhiên, không thể đổ hết cho cơ chế, guồng máy vì cơ chế, guồng máy do con người tạo ra và chi phối, nhất là đối với những người lãnh đạo có quyền lực như ông. Hơn nữa ông lại là người có bản lĩnh và nhận thức sâu sắc, ông không thể không biết đến tầm quan trọng và tác hại sâu xa của nghị định phản động đó.

Tôi nêu ra vấn đề này vì hiện nay nghị định 31/CP vẫn còn hiệu lực và như thế những kiểm điểm nghiêm túc và lời hô hào tốt đẹp của ông về đại đoàn kết chẳng có ý nghĩa gì. Nếu ông không ngổ lời công khai xin lỗi và yêu cầu hủy bỏ nghị định này (dù ông không còn đương chức, ông vẫn có thể làm điều này), người ta sẽ không tin tưởng điều ông nói, dù ông chân thành đến đâu.

Trong những giai đoạn mà theo ông, đảng cộng sản đã thực hiện chính sách đại đoàn kết thành công, thực chất chỉ là sách lược đối với từng thời kỳ, từng đối tượng. Sách lược đó là đoàn kết với những ai có thể đoàn kết được, nghĩa là những người chấp nhận sự lãnh đạo của Đảng. Ngược lại, những thành phần khác, dù là tốt, cũng sẽ bị phân hóa, cô lập hay tiêu diệt để giữ vững độc quyền lãnh đạo.

Ngày nay điều đó không thể thực hiện được nữa vì mọi người đã nhìn thấy và hiểu rõ. Đại đoàn kết phải có nội dung và phương thức mới. Đại đoàn kết phải trên cơ sở hòa giải hòa hợp, bình đẳng, đồng thuận. Đại đoàn kết phải thành tâm vì lợi ích chung, không dùng thủ đoạn để triệt hạ những người khác quan điểm. Đại đoàn kết phải tôn trọng quyền tự do dân chủ của nhân dân và chia sẻ quyền lực với những người tài đức do nhân dân lựa chọn.

Rõ ràng chỉ có hành động mới chứng tỏ được giá trị của một con người, một chế độ. Nếu ông và những người cầm quyền hiện nay làm được như lời kêu gọi đại đoàn kết trong bài viết của ông, riêng tôi và tôi tin rất nhiều người sẽ sẵn sàng đại đoàn kết với các ông để chung sức xây dựng đất nước. Nếu không, như ông nói, khẩu hiệu "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, Thành công, thành công, đại thành công" trên quảng trường Ba Đình "chỉ là một khẩu hiệu bằng sắt, bằng gỗ, bằng vải màu" hoàn toàn vô nghĩa.

Kính chúc ông mạnh khỏe để tiếp tục sự nghiệp đại đoàn kết đang còn dang dở.

Tiêu Dao Bảo Cự
Sài Gòn, 29-8-2005

Thành công Thế kỷ 21 Dự án chính trị dân chủ đa nguyên 2001 của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Tài liệu này là một dự án xã hội, một lập trường dựng nước, một chương trình hành động và là một lời kêu gọi. Nó cũng chứa đựng một giấc mơ Việt Nam mà trên thêm thế kỷ 21 Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên muốn chia sẻ với đồng bào trong và ngoài nước.

"Nước Việt Nam sẽ là một nước lớn."

"Làm người Việt Nam trong thế kỷ 20 đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ 21 sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hạnh diện."

"Thế giới đã biết đến Việt Nam như là nạn nhân của hận thù và chia rẽ, của óc độc quyền lễ phải thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam sau này như là vùng đất của sự bao dung, như là một mẫu mực thành công của tình anh em tìm lại, của sự hồi sinh từ hoang tàn và đổ nát."

Tài liệu dày 143 trang, bìa màu. Giá bán (đã kể bưu phí) tại : **Châu Âu : 10 EUR ; Mỹ : 12 USD ; Úc : 15 AUD.**
Chi phiếu xin đề : **Vietnam Fraternité** và gửi về tòa soạn : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint-Georges - France.

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
Giá bán tại châu Âu : **35 EUR/năm.**

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité.*

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr: 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là **25 GBP.** Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thông Luận, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là **45 USD.** Ngân phiếu xin đề : *Nguyen Ngoc Oanh* (báo Thông Luận).

Tại Úc : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là **65 AUD.** Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (báo Thông Luận).

Tìm đọc Thông Luận trên internet :
<http://www.thongluan.org>

NĂM VỮNG NHỮNG LÝ LUẬN VỀ NHÂN QUYỀN

Cuốn "sách trắng" của Hà Nội về quyền con người chưa dừng những nhận định sai về khái niệm quyền con người, sự diễn giảng ép, vờ vào, những thách đố xác xược và những giải thích lúng túng.

LTS : Cuối tháng 8 vừa qua, Trọng Kim, chủ bút báo Ngày Nay phát hành tại Houston, thăm viếng Paris và nói chuyện với Nguyễn Gia Kiểng, thành viên Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, vào đúng lúc Hà Nội công bố cuốn "sách trắng" về quyền con người. Chúng tôi ghi nhận sau đây cuộc phỏng vấn này. Độc giả cũng có thể tham khảo bài "Quyền con người" của Nguyễn Gia Kiểng trong Thông Luận số 187, tháng 12-2004.

Trọng Kim (TK) - Xin cho biết phản ứng đầu tiên.

Nguyễn Gia Kiểng (NGK) - Trước hết, đây là một sự kiện đáng mừng. Lần đầu tiên chính quyền cộng sản Việt Nam đã chủ động công bố một tài liệu chính thức và qui mô về quyền con người. Từ trước tới nay, họ không quan tâm đến vấn đề này, mà chỉ phản ứng bằng ngôn ngữ của lưỡi gươm trước những tố giác của dư luận thế giới về những vi phạm nhân quyền tại Việt Nam.

Việc công bố cuốn sách trắng chứng tỏ rằng Hà Nội bắt đầu phải quan tâm đến vấn đề nhân quyền, bắt đầu ý thức rằng không thể tiếp tục thách thức dư luận được nữa. Cuộc thảo luận về quyền con người thực sự bắt đầu tại Việt Nam. Cho tới nay đã chỉ có những tổ chức quốc tế, những chính phủ dân chủ và những người dân chủ đặt ra vấn đề nhân quyền, đúng ra là phản đối những vi phạm nhân quyền trong khi chính quyền cộng sản Việt Nam bịt tai lại.

Đây cũng là dịp để những người dân chủ Việt Nam kiểm điểm lại vũ khí lý luận để có thêm sức thuyết phục. Cho đến nay, vì các quyền con người đã được mọi nước văn minh và mọi nhà tư tưởng nhìn nhận, nên nhiều khi chúng ta quên mất cơ sở lý luận của chúng mà chỉ có một cảm giác mơ hồ rằng đó là một điều hiển nhiên.

TK - Sách trắng về quyền con người của Hà Nội nói rằng quyền thiêng liêng căn bản nhất của con người là quyền được sống trong độc lập, tự do, và quyền được quyết định vận mệnh của mình...

NGK - Quyền con người không còn là một ý niệm mơ hồ có thể giải thích một cách tùy tiện được nữa. Cuộc thảo luận đã ngã ngũ. Các quyền con người được định nghĩa rõ ràng trong lời nói đầu và 30 điều khoản của bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, và được bổ túc bởi hai công ước quốc tế : một về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, một về các quyền dân sự và chính trị. Các văn bản này định nghĩa rõ rệt quyền con người là những quyền của mỗi cá nhân mà các nhà nước phải tôn trọng. Thí dụ như quyền được sống, được luật pháp bảo vệ, được có đời sống riêng không thể xâm phạm - thí dụ như thư tín được bảo mật... -, được tự do suy nghĩ và phát biểu, tự do tín ngưỡng, tự do thành lập và tham gia các tổ chức ; tự do bầu cử và ứng cử, được có một chính quyền xuất phát từ bầu cử tự do và lương thiện. Tất cả những quyền đó định nghĩa một không gian cá nhân mà nhà nước nào cũng phải tôn trọng. Các văn kiện này có mục đích bảo vệ cá nhân trước nhà nước ; chúng có mục đích giới hạn thẩm quyền của các chính quyền chứ không bảo vệ các chính quyền. Độc lập là một khái niệm trong liên hệ giữa các quốc gia, không liên hệ

với quyền con người.

TK - Tại sao chính quyền cộng sản Việt Nam lại nhất định coi độc lập là nền tảng của quyền con người ?

NGK - Hà Nội, cũng như mọi chế độ độc tài khác, coi độc lập như là quyền của các nhà nước để muốn làm gì tùy ý. Họ vẫn quan niệm quốc gia như là một vùng tự do lộng hành của các tập đoàn cầm quyền. Đó là một lập trường ngoan cố lỗi thời. Ngày nay thế giới văn minh coi quốc gia như một tình cảm, một không gian liên đới và một đồng thuận xây dựng và chia sẻ một tương lai chung.

Khái niệm độc lập trở thành rất tương đối trong thế giới liên lập ngày nay. Không có một quốc gia nào, kể cả Hoa Kỳ, là độc lập cả. Hà Nội không phải là không biết điều đó ; sở dĩ họ phải bám lấy khái niệm độc lập là để có thể giải thích lệch lạc tinh thần của bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền. Thí dụ quyền được quyết định vận mệnh của mình, đúng nghĩa là quyền được sống tự do, được tham gia vào các quyết định chung, nghĩa là được bầu cử và ứng cử tự do, thì lại được giải thích một cách xuyên tạc là quyền của nhà nước để quyết định một cách độc đoán và tùy tiện thay cho mọi người. Cách giải thích này chỉ duy trì được nếu họ dám bất chấp thế giới, nhưng Hà Nội thừa biết rằng họ phải tranh thủ sự chấp nhận của thế giới và họ không thể tiếp tục ngôn ngữ thách đố này.

TK - Có chắc là chính quyền cộng sản Việt Nam ý thức được như vậy không ? Sách trắng khẳng định : "không một nước nào có thể sử dụng quyền con người làm công cụ can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia gây sức ép chính trị, thậm chí sử dụng vũ lực hoặc đặt điều kiện trong các hợp tác kinh tế, thương mại với các nước khác" ?

NGK - Các quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc đã ký vào các văn kiện nhân quyền thì dĩ nhiên có bổn phận khi những quyền ấy bị vi phạm. Vấn đề có quyền can thiệp để bảo vệ nhân quyền hay không không đặt ra nữa ; trái lại, hiện nay đang xuất hiện một khái niệm mới : đó là "bổn phận phải can thiệp" khi các quyền căn bản của con người bị chà đạp...

TK - Kể cả bằng vũ lực như tại Afghanistan và Iraq ?

NGK - Can thiệp bằng vũ lực là một vấn đề khác. Đó là một cách can thiệp chỉ được dùng đến trong trường hợp vạn bất đắc dĩ để ngăn ngừa một nguy cơ lớn. Hoa Kỳ và các nước đồng minh không tấn công vào Afghanistan và Iraq vì quyền con người mà vì lý do an ninh. Mới đây các nước dân chủ, do sự thúc đẩy của nước Anh, đã đe dọa can thiệp bằng quân sự vào Sudan để ngăn chặn những cuộc thảm sát. Đe dọa này đã có tác dụng làm chính quyền

Khartum chấp nhận thương thuyết để chấm dứt nội chiến bằng hòa giải dân tộc.

TK - *Sách trắng nói rằng chính quyền cộng sản Việt Nam tôn trọng tự do ngôn luận, tự do báo chí và thông tin...*

NGK - Cuốn sách trắng này chứa đựng những nhận định sai về khái niệm nhân quyền, đồng thời cũng có những khẳng định xác xược, những suy diễn vơ vào rất trái với sự thực, và những biện luận lúng túng. Đây là một thông tin đối trá. Việt Nam không hề có tự do ngôn luận, tự do báo chí. Tất cả những nhật báo, tuần báo, nguyệt san, tạp chí, kể cả những nhà xuất bản, đều là của nhà nước. Không có báo tư nhân thì không thể nói đến tự do báo chí. Về quyền thông tin thì chúng ta đừng quên là Nguyễn Khắc Toàn bị xử 12 năm tù chỉ vì thông tin về tình trạng đồng bào miền quê rủ nhau lên Hà Nội khiếu kiện. Phạm Hồng Sơn bị 5 năm tù chỉ vì dịch và phổ biến một tài liệu có tính giáo dục về dân chủ. Nguyễn Vũ Bình bị 7 năm tù vì viết bài điều trần trước quốc hội Mỹ về tình trạng nhân quyền. Cả ba đều vẫn còn bị giam giữ, mặc dầu những phần đối phần nộ của công luận.

TK - *Xin cho một thí dụ về những suy diễn vơ vào trái sự thực mà ông vừa nói.*

NGK - Hà Nội khẳng định là Việt Nam có tự do tôn giáo, bằng cứ là các tôn giáo phát triển mạnh. Họ đưa ra con số 20 triệu người có tôn giáo trong năm 2003, tăng 4,5 triệu so với năm 1997. Trước hết phải nhận xét tính tùy tiện của các con số. Chính quyền cộng sản lấy tiêu chuẩn nào để nói rằng vào năm 1997 Việt Nam chỉ có 15,5 triệu người có tôn giáo và con số này là 20 triệu năm 2003? Việt Nam có 82 triệu dân; nếu hỏi mỗi người Việt Nam thì có quá phân nửa nói là họ có một tôn giáo nào đó. Việt Nam có nhiều người có tôn giáo hơn là con số 20 triệu. Nội một con số này cũng chứng tỏ thái độ thù địch của chính quyền cộng sản Việt Nam đối với các tôn giáo.

Mặc dầu vậy, phải lưu ý cách giải thích ngây ngô, vơ vào của sự gia tăng số tín đồ tổng cộng của các tôn giáo. Quả thực là số người có tôn giáo đã gia tăng trong những năm qua tại Việt Nam, nhưng điều này hoàn toàn không chứng tỏ là có tự do tín ngưỡng. Tôn giáo có đặc tính là càng bị chèn ép thì càng được hưởng ứng. Thiên Chúa Giáo mất nhiều tín đồ tại Tây Âu, nơi tự do tín ngưỡng hoàn toàn được tôn trọng, nhưng lại phát triển ở các nước cộng sản Đông Âu và Liên Xô, nơi nó bị bài xích như một thứ thuốc phiện ru ngủ quần chúng. Sự phát triển của các tôn giáo còn có một ý nghĩa khác. Các tôn giáo đều giống nhau ở ít nhất một điểm, đó là coi cuộc đời này không quan trọng bằng đời sau, hay kiếp sau. Như thế càng bị chà đạp, càng cảm thấy thất vọng và bế tắc trong cuộc sống này, người ta càng tìm đến với các tôn giáo. Sự kiện số người có tôn giáo gia tăng, ở một khía cạnh, chứng tỏ rằng con người bị hất hủi, nói cách khác quyền con người bị chà đạp.

TK - *Ông có nói tới những biện luận lúng túng, chẳng hạn như...*

NGK - Lập luận về tôn giáo trên đây là một thí dụ. Một thí dụ khác là về các tổ chức nhân quyền. Khi được hỏi tại sao các tổ chức nhân quyền như Amnesty International,

Human Rights Watch, không được đến Việt Nam, thứ trưởng Lê Văn Bằng, trong buổi họp công bố *Sách Trắng*, đã trả lời áp úng là Hà Nội sẽ "xem xét". Thế nào là xem xét? Tại sao phải xem xét? Một chính quyền không vi phạm nhân quyền không bao giờ phải lo sợ các tổ chức nhân quyền đến quan sát tại nước mình. Chúng ta cũng có thể lưu ý sự lúng túng của người đại diện chính quyền cộng sản Việt Nam khi được hỏi về tình trạng cơ cực của đồng bào miền núi. Ông ta nói là "hy vọng" sẽ được sự giúp đỡ của quần chúng và bạn bè quốc tế để cải thiện tình trạng này. Hy vọng không phải là một chính sách, cũng không phải là một biện pháp.

TK - *Về đồng bào miền núi, mà Hà Nội gọi là "miền sâu, miền xa", Hà Nội tuyên bố rằng các miền này đã tăng trưởng 14 % mỗi năm trong những năm qua, nghĩa là gấp đôi mức tăng trưởng quốc gia. Con số này có đáng tin cậy không?*

NGK - Có thể là đúng, nhưng không có nghĩa gì cả. Mức tăng trưởng vùng chỉ có tác dụng cải thiện đời sống dân chúng khi có ổn định về dân số. Thực tại ở các vùng núi và cao nguyên là chính quyền đã đem dân ở các vùng khác đến để chiếm đoạt đất đai sinh sống truyền thống của các sắc tộc thiểu số và lập các đồn điền. Đồng bào Thượng mất đất và lâm vào cảnh cơ cực bị đất, điều này giải thích sự phần nộ của họ qua các biến động tại Cao Nguyên Trung Phần. Mọi người Việt Nam đều là nạn nhân của những vi phạm nhân quyền, nhưng đồng bào các sắc tộc ít người tại Cao Nguyên Trung Phần là những nạn nhân đau đớn nhất.

TK - *Hà Nội tuyên bố họ công bố cuốn sách trắng không phải do áp lực quốc tế, mà là vì nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập chế độ, 30 năm thống nhất đất nước, và vì sắp có hội nghị thượng đỉnh Liên Hiệp Quốc kiểm điểm 5 năm thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ.*

NGK - Lý do thứ ba, sắp có hội nghị Liên Hiệp Quốc kiểm điểm mục tiêu thiên niên kỷ, đúng là một áp lực, bởi vì mục tiêu thiên niên kỷ cơ bản nhất là thực thi quyền con người. Hai lý do kia vừa ngây ngô vừa khô hài. Nhân quyền là một vấn đề nghiêm trọng, đâu phải là một trò trình diễn để mà liên kết nó với những ngày kỷ niệm.

TK - *Nhưng cũng phải nhìn nhận là có một vài thay đổi. Gần đây, Hà Nội đã phóng thích nhiều tù nhân; sắp tới họ cho biết sẽ còn phóng thích thêm nhiều tù nhân nữa. Các vụ án chính trị cũng đã bớt đi phần thô bạo. Trước đây có những người bị giam giữ hàng chục năm không xét xử; khi có xét xử thì các can phạm chính trị bị xử những bản án rất nặng, có người bị xử tử, những người khác 20 năm hay 15 năm tù. Trong năm qua, Phạm Quế Dương và Trần Khuê chỉ bị xử 19 tháng tù...*

NGK - Việc ân xá cho các can phạm không phải là cải thiện nhân quyền. Tùy theo can phạm nào được trả tự do. Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Khắc Toàn vẫn còn bị giam giữ. Lý do chính khiến Hà Nội phóng thích khá nhiều tù nhân chỉ là vì có quá nhiều tù nhân trong khi các nhà tù thì quá chật chội. Và họ cũng chỉ phóng thích tù hình sự. Dĩ nhiên ai cũng thấy là các bản án đã bớt phần

thô bạo, nhưng cần phân biệt sự vi phạm nhân quyền và cách vi phạm. Cách vi phạm có bớt đi phần thô bạo nhưng sự vi phạm vẫn còn nguyên.

TK - *Những vi phạm nhân quyền nào là nghiêm trọng nhất tại Việt Nam ?*

NGK - Tất cả các quyền căn bản của con người đều bị vi phạm một cách trắng trợn. Nhưng cần lưu ý đặc biệt là quyền thông tin và báo chí. Đặc tính của con người là ngôn ngữ và thông tin, con người sống bằng thông tin và sống trong thông tin. Thông tin là môi trường sinh thái của con người, như cá phải sống trong nước. Vi phạm tới ngôn luận và thông tin là xúc phạm tới chính bản chất của con người.

Sau đó phải đặc biệt quan tâm đến quyền thành lập và tham gia các tổ chức, thường được gọi một cách không chính xác là quyền tự do lập hội trong khi đáng lẽ phải gọi là tự do kết hợp. Theo tôi dư luận và các tổ chức nhân quyền chưa quan tâm đúng mức tới quyền này mặc dầu nó đang bị đàn áp dữ dội nhất. Tự do kết hợp là nền tảng của xã hội dân sự. Như tất cả các chính quyền độc tài, chế độ cộng sản Việt Nam nghiêm cấm các tổ chức để dễ thống trị một đám đông cô đơn. Cần lưu ý là các tập đoàn bạo ngược không cần người dân thương yêu chúng mà chỉ cần người dân đừng thương yêu nhau để kết hợp với nhau và có sức mạnh. Việc cấm đoán các kết hợp có hậu quả vô cùng tai hại cho đất nước. Khoa học tâm lý xã hội đã chứng tỏ một cách rất thuyết phục rằng các kết hợp là môi trường sản xuất ý kiến và sáng kiến và cũng là môi trường của thay đổi và tiến bộ. Một con người cô đơn không phát triển được trí năng, một xã hội trong đó kết hợp bị cấm đoán chắc chắn bị trì độn. Chắc chắn phải tranh đấu cho quyền kết hợp vì nó tối cần thiết cho tương lai đất nước và vì nó cũng là điều kiện không có không được để có thay đổi. Nguyễn Vũ Bình và Phạm Hồng Sơn không nói khác đa số thanh niên Việt Nam nhưng họ bị bách hại vì tham gia Hội Chống Tham Nhũng và Nhóm Dân Chủ.

Cũng phải lưu ý rằng hiện nay tham nhũng là một vi phạm nhân quyền rất nghiêm trọng. Tham nhũng là sự cướp đoạt tài sản của những người bắt buộc phải dút lót, nhưng trên thực tế cũng là sự ngăn cản thực hiện những dự định đã làm tốn nhiều trí tuệ, tài sản và công sức. Một hậu quả cụ thể của sự vi phạm nhân quyền qua tham nhũng là hiện nay, vì khối lượng tiền bẩn quá lớn mà xảy ra nạn đầu cơ nhà đất để tẩy tiền bẩn. Đối với một cặp vợ chồng trẻ, dù có bằng cấp và khả năng chuyên nghiệp cao, và dù có lương cao, thì một căn nhà vẫn là một ước mơ ngoài tầm tay. Họ trở thành những kẻ bơ vơ không nhà ngay trên chính đất nước mình. Quyền được có một nơi cư trú xứng đáng cũng là một quyền con người được qui định.

TK - *Có thể nói rõ hơn về vũ khí lý luận về nhân quyền không ?*

NGK - Cho tới nay vì đảng cộng sản không thảo luận nên những người đòi hỏi nhân quyền cũng không cần nhiều lý luận ; và lại nhân quyền đã được coi là một giá trị phổ cập nên chúng ta coi nó như là một điều hiển nhiên không cần chứng minh và lấy dư luận quốc tế làm trọng tài. Tình hình sẽ khác khi Đảng Cộng Sản Việt Nam bắt buộc phải

thảo luận và tranh luận về nhân quyền. Vấn đề quyền con người đặt ra ít nhất bốn câu hỏi : Con người nào, con người cá nhân hay con người thành viên của một tập thể ? Các quyền con người là các quyền nào ? Ai ban phát các quyền này và đâu là nền tảng chính đáng của chúng ? Các quyền này có ngang hàng với nhau không hay có một thứ tự quan trọng ? Tất cả những câu hỏi này cần được trả lời minh bạch nếu chúng ta muốn có sức thuyết phục.

TK - *Có điều gì tích cực trong cuốn sách trắng của Hà Nội không ?*

NGK - Có, đó là việc Hà Nội tuyên bố tiến dần đến việc bãi bỏ án tử hình. Hy vọng Việt Nam sẽ mau chóng hủy bỏ hình phạt dã man này, nó hạ thấp công lý và xã hội xuống ngang hàng với kẻ sát nhân. Hơn nữa Việt Nam hiện nay, nói về tỷ lệ, là một trong những nước hành quyết nhiều nhất và hành quyết một cách man rợ là xử bắn. Ngay cả những tội phạm kinh tế cũng bị xử bắn. Đây là một điều ô nhục. Một xã hội văn minh phải tự vệ bằng những vũ khí văn minh.

TK - *Phương châm của nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là độc lập, tự do hạnh phúc. Phải chăng đó cũng biểu lộ một định hướng nhân quyền, ít ra trong dài hạn ?*

NGK - Trước hết không thể chấp nhận cụm từ "xã hội chủ nghĩa". Ai thích chủ nghĩa xã hội là quyền của họ nhưng không thể áp đặt cho cả nước. Ngay trong tên nước của chế độ đã có vi phạm nhân quyền. Chúng ta sẽ chỉ là Cộng Hòa Việt Nam thôi. Độc lập là vấn đề giữa các quốc gia, không nằm trong phạm trù nhân quyền. Tự do rất đúng, với điều kiện được hiểu một cách lương thiện. Hạnh phúc là vấn đề thuộc về chọn lựa của mỗi người. Nhà nước có nhiệm vụ tạo điều kiện để mỗi người xây dựng hạnh phúc của riêng mình, theo ý mình, chứ không có quyền quyết định hạnh phúc cho mọi người, như thế cũng là xâm phạm nhân quyền. Những giá trị nền tảng cho một quốc gia lành mạnh là tự do, liên đới xã hội và lòng bao dung chấp nhận mọi khác biệt. Như thế, nếu cần chọn một phương châm cho chế độ dân chủ sắp tới thì phương châm đó có thể là tự do, đa nguyên, liên đới.

TK - *Ông nhận xét thế nào về các cố gắng tranh đấu cho nhân quyền của người Việt Nam hiện nay ?*

NGK - Khá tích cực. Có nhiều tổ chức tranh đấu cho nhân quyền và các tổ chức này thường phối hợp với nhau. Đó là điều rất đáng mừng và tự hào. Tuy nhiên cần giải tỏa một lẩn cấn : hình như đối với một số người vẫn còn sự phân biệt giữa đấu tranh cho nhân quyền được nhìn gần như một hoạt động từ thiện và đấu tranh cho dân chủ được coi là một hoạt động chính trị. Sự phân biệt này rất sai. Các quyền con người được qui định trong Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền và các văn bản bổ túc vạch ra một cách rất minh bạch một chế độ dân chủ. Bản tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền cũng là bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Dân Chủ. Dân chủ và nhân quyền chỉ là cùng một khái niệm nhìn dưới hai góc cạnh khác nhau. Dân chủ là nhân quyền nhìn dưới góc cạnh quốc gia, trong khi nhân quyền là dân chủ nhìn dưới góc cạnh cá nhân.

BÀI HỌC VỀ CHỮ DÂN, rút tĩa từ chặng đường 60 năm kinh tế Việt Nam

Đặng Phong

LTS : Chúng tôi nhận bài tham luận sau đây từ một vị có tham dự cuộc hội thảo Kỷ niệm 60 năm ngày Cách Mạng Tháng 8 tại Hà Nội. Đối với trí thức trong nước thì đây là một phát biểu mạnh bạo. Nhận xét này cho thấy vẫn còn một khoảng cách khá lớn cần phải vượt qua giữa những lập trường của những trí thức tiến bộ trong và ngoài bộ máy đảng và nhà nước cộng sản. Ích lợi chính của bài này là nó cho thấy tâm lý của đa số trí thức trong nước, đúng hơn là mức độ mà họ có thể phát biểu.

Ở nhiều đoạn, ông Đặng Phong trích dẫn những lời của Hồ Chí Minh như là những tư tưởng chính xác và đáng trân trọng. Phải chăng đây là một bùa hộ mệnh đối với trí thức trong nước để có thể nói lên những điều khác ?

Ông Đặng Phong không định nghĩa rõ khái niệm "Dân", coi nó như là một điều đã rõ ràng đối với mọi người. Điều này còn cần được thảo luận. Thí dụ như có thể tôn trọng dân mà không cần có dân chủ được không ? Hay vẫn có những điều không thể nói ra ?

Một điểm cần được thảo luận khác là ông Đặng Phong lên án chính quyền Ngô Đình Diệm khước từ tổng tuyển cử để đi đến thống nhất đất nước sau hiệp định Genève. Câu hỏi cần được đặt ra là có thể nói đến tổng tuyển cử được không hay chỉ là một trò hề bầu cử bịp bợm ? Một nửa thế kỷ đã trôi qua, nếu nhìn vào những cuộc bầu cử hiện nay thì ta có thể trả lời một cách dễ dàng. Tác giả cũng không gợi ý một giải pháp cụ thể nào. Đây cũng là một điều đáng ngạc nhiên ở địa vị một người như ông Đặng Phong.

Ông Đặng Phong, 69 tuổi, là viện trưởng Viện Kinh Tế Quốc Gia và khoa trưởng khoa kinh tế Đại Học Tổng Hợp Hà Nội. Ông là một người được chế độ trọng dụng, ông cũng đã từng có dịp xuất ngoại để quan sát, trao đổi và thuyết trình nhiều lần tại Mỹ và châu Âu. Trong các cuộc tiếp xúc, ông được đánh giá là một người hiểu biết và cởi mở.

Kể từ ngày thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đến nay, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua một chặng đường 60 năm. Trong 60 năm đó, đã hiện diện ba bốn thế hệ Việt Nam. Thế hệ của tôi, ngót 70 tuổi, có lẽ là thế hệ được nếm trải nhiều thứ "mùi vị" nhất của chặng đường đó.

Từ năm 1995 tôi may mắn được nhà nước giao biên soạn bộ "*Lịch sử 60 năm kinh tế Việt Nam 1945-2005*". Đến nay chúng tôi đã tiến hành công việc được đúng 10 năm. Hai tập đầu đã được xuất bản. Còn tập cuối cùng thì cũng đã gần xong bản thảo.

Hôm nay tôi xin thử rút tĩa từ lịch sử đó một bài học mà tôi tâm đắc nhất từ chặng đường 60 năm qua của nền kinh tế Việt Nam. Đó là bài học về chữ Dân

Nội dung của bài học này thì không phải là một phát hiện gì mới. Hầu như ai cũng biết cả rồi. Vấn đề chỉ là : thử kiểm điểm lại xem trong 60 năm qua ta đã thuộc bài đến đâu và ta đã vận dụng thế nào.

Nhìn lại chặng đường đã qua, nghiệm thấy rằng lúc nào và ở đâu chúng ta trân trọng chữ Dân trong các chính sách và biện pháp kinh tế thì ta thành công lớn, thậm chí có thể làm nên những kỳ tích. Còn ở đâu và lúc nào mà chữ Dân bị sao nhãng, thậm chí bị chà đạp, thì kinh tế ách tắc, đời sống khó khăn, xã hội không yên.

Như sau cách mạng, trong tình thế ngàn cân treo sợi tóc, không có súng, không có tiền, không có gạo, không có chữ..., nhưng nhờ dân mà ta có phong trào nhường cơm xẻ áo, tấc đất tấc vàng, có quỹ độc lập, có tuần lễ vàng, có hũ gạo cứu đói, ta đã chống đói thành công, ta đã xóa được nạn mù chữ, ta chế tạo và mua sắm được vũ khí, ta giữ vững được nền độc lập.

Rồi trong suốt tám năm kháng chiến gian khổ, cũng nhờ chữ Dân mà bộ đội, cơ quan có cơm ăn, áo mặc, có chỗ ở.

Mà bản thân bộ đội, cán bộ, dân công... thì cũng là từ dân mà ra.

Để kiểm nghiệm chân lý này, cũng phải kể rằng đã có lúc do ta ấu trĩ nên đã vi phạm chữ Dân. Ví như năm 1949, ta học tập kinh nghiệm về chủ nghĩa cộng sản thời chiến của Liên Xô mà áp dụng chính sách "hóa giá" trong toàn vùng kháng chiến. Chuyện đó ứng nghiệm lắm. Chính vị bộ trưởng thảo ra chủ trương đó trên đường đi công tác suốt từ Việt Bắc đến khu III gần hai ngày không có gì ăn, vì chợ không ai họp, hàng quán đóng cửa hết... Một tuần sau đó, chính chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký lệnh bãi bỏ chủ trương này thì chợ lại họp, hàng quán lại mở, đời sống lại bình thường trở lại...

Trong 20 năm kháng chiến chống Mỹ, ta đã dựa vào dân để gây những phong trào thanh niên ba sẵn sàng, phụ nữ ba đảm đang, vừa sản xuất vừa chiến đấu, củng cố hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn... Về sự nghiệp lớn lao này, khó nói cho hết nội dung được, nhưng một nhân tố quyết định của mọi thành công của sự nghiệp đó cũng vẫn là chữ Dân.

Ta lại so với chính quyền miền Nam thời đó, với các ông Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu... Xét về năng lực của những chính khách, thì có lẽ họ cũng không đến nổi kém cõi lắm. Đã thế, họ lại được chi viện tới mức mà tính ra con số thì chưa có một nước nào trên thế giới được chi viện nhiều đến thế (160 tỷ USD). Nhưng ý thế Mỹ, họ đã chà đạp lên nhân dân, coi dân như rơm như rác, tự cho mình cái quyền làm những việc như tát nước bắt cá, dồn dân, ủi làng, đốt phá, bắt bớ, tù đầy vô tội vạ, thậm chí định giam cầm toàn thể nhân dân trong những ấp chiến lược để cô lập cách mạng. Nhưng càng làm thế thì càng mất dân. Rút cuộc tuy họ có gần như đủ các thứ, nhưng lại thiếu một thứ,

đó là lòng dân, vì lòng dân quả vẫn cứ là "dân cụ Hồ". Cá không bắt được, mà nước cũng cứ "chảy về chỗ trũng". Bởi vậy họ không thể không thua, không thể không sụp đổ.

Sau khi hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, chúng ta đã có nhiều thành tựu lớn lao trong việc khắc phục những hậu quả của hai chục năm chiến tranh khốc liệt, mau chóng khôi phục kinh tế.

Tuy nhiên có một hậu quả nữa của chiến tranh mà chúng ta đã không khắc phục được kịp thời. Đó là : chiến thắng vĩ đại đã để lại ở nơi này nơi khác bệnh kiêu ngạo, chủ quan duy ý chí, tự coi ý mình đương nhiên phải là và đã là ý dân, nên đã tùy tiện đề ra và áp đặt nhiều biện pháp không hẳn là đã hợp lòng dân. Có thể là những biện pháp đó có động cơ cao đẹp. Nhưng nếu vì chủ quan, vì không chịu hiểu thực tế mà định đoạt sai, nếu dân chưa thuận, thì có khi những ý tưởng cao đẹp lại cho ta kết quả ngược lại. Ví như việc vội vàng áp đặt thể chế hợp tác xã trên phạm vi cả nước, ví như việc xây dựng vội vàng những pháo đài kinh tế, tưởng rằng cứ muốn là có thể tùy tiện sắp đặt lại giang sơn, ví như việc áp dụng giá mua và bán một cách chủ quan, xa rời thực tế, rồi bắt dân phải theo, đến nỗi bán không được, mua không được, sản xuất không được, tiêu dùng không được ; ví như việc ngăn sông cấm chợ và khám xét tràn lan... đều đã gây nhiều phản ứng trong dân. Dân phản ứng thì chính sách không thực hiện được, kinh tế đình đốn, lưu thông ách tắc, đời sống khó khăn... Điều đáng lưu ý là sự phản ứng của dân được thể hiện trên rất nhiều hình thức khác nhau. Có khi là chấp hành thụ động. Có khi là phá rào và làm lén. Có khi là phê bình không chính thức bằng ca dao, bằng truyện tiếu lâm... Đây là thời kỳ có lẽ có nhiều ca dao và tiếu lâm nhất. Nó phản ánh khá đúng tư duy và những phản ứng của dân. Trước những phản ứng đó, thay vì mỗi người hoạch định chính sách phải suy ngẫm lại mình thì lại chủ quan quy kết cho trình độ giác ngộ thấp của dân, có khi còn quy cho bàn tay địch... Khó có thể chỉ đơn giản coi đó là những chuyện do các thế lực phản cách mạng tung ra, vì nếu đó là của địch thì nó khó lòng được nhân dân truyền khẩu nhanh chóng và rộng rãi đến như vậy. Nếu chúng ta biết lắng nghe và tiếp thu thì có thể sớm điều chỉnh những biện pháp cho thích hợp hơn và có thể khắc phục sớm hơn những sai lầm.

Đó chính là một bài học.

Bài học này ứng nghiệm ngay trong thời kỳ đổi mới. Chúng ta biết, công cuộc đổi mới ở nước ta bắt nguồn từ hàng loạt mũi đột phá. Cách đột phá thì vô cùng phong phú. Nhưng ở đâu cũng có một động cơ chung và mục tiêu chung là: chữ dân. Hơn 5 năm qua, để viết về giai đoạn này, tôi đã có may mắn được gặp và phỏng vấn gần như tất cả các vị bí thư và chủ tịch các tỉnh có đột phá, gần như tất cả các giám đốc và bí thư đảng ủy của các xí nghiệp có đột phá. Đến đâu tôi cũng đặt một câu hỏi : "*Các đồng chí làm như vậy là có tham khảo một lý thuyết kinh tế nào không, có một chuyên gia kinh tế nào giúp không ?*". Tất cả đều trả lời gần như hoàn toàn giống nhau : "*Không ! Duy nhất chỉ vì : do gần dân, thấy dân cực quá, thấy có nhiều*

cơ chế không hợp ý dân, thấy có nhiều nguyên vọng và sáng kiến mới trong dân nên quyết tâm tháo gỡ". Có vị lãnh đạo tỉnh còn nói : "*Chúng tôi đứng trước một sự lựa chọn thật nghiệt ngã : thà chúng tôi bị kỷ luật về tội làm trái quy định, nhưng dân no, còn hơn là được giữ nguyên chức tước mà để dân đói*". Đó chính là sức mạnh của chữ Dân. Đó cũng chính là động cơ dẫn đến phá rào. Có nơi thì làm lén rồi báo cáo sau. Có nơi thì vừa làm vừa báo cáo. Có nơi thì báo cáo một, làm hai, ba... Nhưng tất cả các báo cáo đó đều có một luận cứ cơ bản gần như bất khả kháng là : vì thấy khổ cho dân quá, vì dân kêu, vì dân đòi, vì dân không chịu...

Nhưng xin chờ vì thế mà hiểu rằng như vậy có nghĩa là chỉ ở địa phương mới có chữ dân, còn ở trung ương thì không có. Cách hiểu này chính là một suy luận rất sai của một số nhà nghiên cứu kinh tế nước ngoài về con đường đổi mới của Việt Nam. Thực tế là ở trung ương chữ dân cũng không nhỏ. Không ít bộ óc ở cấp cao đã trần trở tìm giải pháp tháo gỡ và đồng tình với các cơ sở. Ngay cả những vị lãnh đạo đã từng lên án gay gắt những cuộc phá rào, đến khi thấu hiểu thực tế, đã vỡ nhẽ ra rằng trong những mũi đột phá quả là có chữ dân. Từ đó họ đã sẵn sàng chuyển từ phê phán sang đồng thuận. Con đường ngoạn mục này là phổ biến đối với hầu hết các mũi đột phá.

Có thể nói công cuộc đổi mới ở Việt Nam là con đường đi từ sự thấu hiểu ý dân đến chỗ lựa chọn giải pháp vì dân, do đó được lòng dân và tìm thấy sức mạnh ở dân. Và điều này cũng ứng nghiệm ngay : từ ngày đổi mới thấy ít hẳn ca dao phê bình và truyện tiếu lâm đả kích. Đó há chẳng phải là một trong những thước đo về "hàm lượng" của chữ Dân trong đường lối và chính sách của chúng ta ?

Trong những giai đoạn sắp tới, trong sự nghiệp đổi mới và phát triển của chúng ta, có thể tùy tình hình của từng giai đoạn mà ta có những thay đổi về các mục tiêu cụ thể, về bước đi và về nhịp độ phát triển, về cơ cấu kinh tế, về phương hướng đầu tư, về thể chế kinh tế, nhưng ở đâu và bao giờ thì chữ dân vẫn là cốt lõi.

Đó chính là một bài học có giá trị tuyệt đối và muôn thuở. Trong bài học lớn về chữ Dân, có một "bài học tham khảo bắt buộc", đó là bài học về đại đoàn kết dân tộc.

Đại đoàn kết chính là sự thể hiện chữ Dân trong đời sống chính trị, xã hội và kinh tế. Dân tất không thể chỉ là một hay một vài giai cấp xã hội nào, mà là dân tộc Việt Nam. Đại đoàn kết trong kinh tế có nghĩa là tận dụng, là thừa nhận mọi thành phần kinh tế nào ích nước lợi nhà, bất cứ ai có thể góp phần tạo ra sự phát triển đều được trân trọng và khuyến khích.

Nhìn lại lịch sử 60 năm qua, chúng ta nghiệm ra rất rõ rằng khi nào ta thực hiện đúng và thực hiện tốt tư tưởng này thì ta khai thác được thêm rất nhiều sức mạnh, ta thêm bạn bớt thù, kinh tế phát triển, mọi người phấn khởi, xã hội đồng thuận và đi lên. Khi nào chúng ta lấy ý chí chủ quan mà thiên lệch về riêng một vài thành phần nào đó, lấy tình cảm riêng mà cảnh giác và kỳ thị những thành phần kinh tế khác, thì chính là ta làm tê liệt một phần của cơ thể, ta xa rời cuộc sống, kinh tế không theo ý ta, cuộc sống cũng

không theo ý ta.

Nhớ lại những ngày đầu lập quốc, tư tưởng đại đoàn kết của chủ tịch Hồ Chí Minh đã được thực hiện trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong lĩnh vực kinh tế, bất cứ ai có thể tăng gia sản xuất, có thể góp công, góp của, góp nhân, tài, vật lực cho sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc đều được chính phủ khuyến khích và trân trọng. Chính nhờ tư tưởng đó mà có tuần lễ vàng, có quỹ độc lập, có phong trào nhường cơm sẻ áo, có phong trào mùa đông binh sĩ... Cũng nhờ tư tưởng đó mà hầu như toàn dân Việt Nam, kể cả những quan lại cũ, những nhà tư sản, những nhân hào thân sĩ đã cùng với cả nước dẫn thân cho sự nghiệp cách mạng và kháng chiến. Đã nhiều lần chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng chính phủ này không phải là của riêng một thành phần giai cấp nào, mà là của toàn thể nhân dân. Ngay từ năm 1945, để cứu đói, phải làm rất nhiều việc. Trong đó có việc trong yếu là đắp đê. Đắp đê thì không chỉ cần có tiền bạc và nhân công, mà phải dùng các nhà thầu khoán, vì họ mới có chuyên môn về lĩnh vực này. Cũng đã có ý kiến cho rằng thầu khoán là bóc lột, cách mạng không thể dùng những kẻ bóc lột. Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm nơi đắp đê và tuyên bố thẳng : "*Lúc này không phải là lúc xét nét chuyện đó. Lúc này đắp đê là yêu nước, là cứu dân*". Rồi đến năm 1947, một lần trả lời phỏng vấn của báo chí, chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "*Chúng tôi không chủ trương đấu tranh giai cấp. Trái lại chúng tôi chủ trương làm cho tư bản Việt Nam phát triển. Đồng thời chúng tôi rất hoan nghênh tư bản Pháp và tư bản của các nước khác thật thà cộng tác với chúng tôi...*" (Toàn tập, tập 5, tr. 170). Nhờ tinh thần đoàn kết đó, nhờ khắc phục tư tưởng biệt phái, kỳ thị giai cấp, nên cách mạng và kháng chiến đã tập hợp được mọi thành phần xã hội, cô lập kẻ thù, biến sức mạnh vượt trội của kẻ thù về vũ khí thành sự thất thế về chính trị và xã hội...

Trong sự nghiệp kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, sự giúp đỡ quốc tế có ý nghĩa vô cùng to lớn. Thành quả này cũng chính là kết quả rực rỡ của tư tưởng đại đoàn kết. Năm 1947, khi báo cáo về chính sách đối ngoại, chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời : "*Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai*" (tr. 220).

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, ngay trong thế giới xã hội chủ nghĩa đã có nhiều mâu thuẫn, nhưng hầu hết các nước bạn của chúng ta đều nhất trí với nhau trong việc giúp Việt Nam. Đặc biệt phong trào phản chiến ở các nước phương Tây, nhất là tại chính nước Mỹ, đã có tác dụng to lớn trong việc kiềm chế sự can thiệp của Mỹ vào miền Nam Việt Nam.

Trong khi đó, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa ở miền Nam đã vi phạm nghiêm trọng tinh thần đoàn kết dân tộc. Ngô Đình Diệm một mực khước từ tổng tuyển cử. Đã vậy lại luôn luôn hô hào Bắc tiến. Còn trong phần lãnh thổ miền Nam, họ tự gọi mình là chính phủ quốc gia. Nhưng trong thực tế thì quốc gia chỉ là vật tế thần cho một nhóm chính trị hạn hẹp của họ. Trong chính phủ Ngô Đình Diệm, thì đó là gia đình họ Ngô và những thành phần Công giáo chống cộng. Phật giáo bị chà đạp tàn bạo. Các giáo phái

khác được đối thoại bằng xe tăng và đại bác. Trong chính phủ Nguyễn Văn Thiệu thì cái quốc gia đó chỉ là một nhóm những tướng tá và chính khách tham nhũng và tư lợi, họ liên tục chống đối nhau và đảo chính nhau. Mỹ bao năm ao ước có một ai đó đoàn kết và tập hợp được các lực lượng ở miền Nam, nhưng cho đến khi miền Nam sụp đổ cũng vẫn chưa có ai dám đương đầu được việc đó. Mất đoàn kết là món ăn hàng ngày của chính quyền Nam Việt Nam. Trong những chuyến đi làm việc ở hải ngoại, tôi hay được nghe các chính khách của miền Nam cũ phàn nàn về chuyện miền Nam mất vào tay cộng sản. Đồng thời họ cũng rất thẳng thắn kể tội nhau về những chuyện tham nhũng, đấu đá cùng những thói nát của chính trường. Rất lạ là họ vẫn chưa liên kết được hai chuyện nhân quả này với nhau.

Còn ở miền Bắc thì đương nhiên khối đại đoàn kết dân tộc đã tạo nên sức mạnh vô địch của sự nghiệp kháng chiến cứu nước.

Tuy nhiên cũng có một số giai đoạn lịch sử không ngắn, tư tưởng đại đoàn kết này đã bị xao nhãng. Việc tiến hành cải tạo bằng cách xóa sổ một cách đơn giản và tùy tiện những nhà kinh doanh tư nhân ở miền Bắc cuối thập niên 50 và những việc làm tương tự ở miền Nam cuối thập niên 70 quả là đã không mang lại kết quả như mong muốn. Một mặt thì như vậy là đã sao nhãng tình nghĩa đối với những người đã thực sự đóng góp cho kháng chiến. Mặt khác nó đã triệt tiêu đi một nguồn lực kinh tế quan trọng rất cần cho sự phục hồi và chấn hưng kinh tế sau chiến tranh. Đồng thời nó cũng không đem lại lợi ích cho chính những thành phần cơ bản, vì nó không làm cho kinh tế thêm ổn định và phát triển. Mà đã ở trong nền kinh tế thiếu hụt thì chính những thành phần cơ bản lại là nạn nhân trước tiên của sự thiếu hụt đó.

Rất đáng mừng là từ Hội nghị trung ương lần thứ 6 vào tháng 9 năm 1979 chúng ta đã sớm thấy thối đùn và đã có những bước chuyển biến mạnh về tư tưởng kinh tế. Đó là chủ trương bung ra và cởi trói cho sản xuất. Chủ trương này chính là kích thích tố quyết định cho những mũi đột phá tiếp theo để đi tới công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế, mà một trong những nội dung cơ bản là thừa nhận mô hình kinh tế nhiều thành phần, cũng tức là chính thức phủ nhận sự kỳ thị đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Hiện chưa thể đo và cũng khó đo được vai trò của chủ trương này trong sự tăng trưởng ngoạn mục những năm qua. Nhưng chắc chắn là việc khôi phục lại tinh thần đại đoàn kết trong kinh tế đã góp một phần không nhỏ trong những thành tựu vừa qua.

Trên bình diện quốc tế, nếu trước đây chúng ta đã nhờ khối đoàn kết quốc tế mà giành được thắng lợi trong chiến tranh, thì trong thời kỳ đổi mới và phát triển, nhờ chủ trương làm bạn với mọi nước trên thế giới, chúng ta đã khắc phục được tình thế một mình một chợ, chúng ta đã tận dụng được ngoại lực để phát huy thêm nội lực. Cũng từ đó chúng ta lại được sống trong tình thân ái và trọng nể của bạn bè khắp năm châu.

Tưởng đó cũng là một bài học lớn nữa.

Đặng Phong (Hà Nội)

Chặng đường lịch sử vẻ vang của CÔNG ĐOÀN ĐOÀN KẾT BA LAN

Đinh Minh Đạo

Cách đây 25 năm, ngày 31-08-1980, thỏa thuận đầu tiên giữa Công Đoàn Đoàn Kết và chính quyền cộng sản Ba Lan đã được ký kết, mở đầu cho thắng lợi của cuộc đấu tranh đòi hỏi tự do dân chủ. Cuộc đấu tranh của Công Đoàn Đoàn Kết đầy dũng cảm và khôn khéo, bằng phương pháp bất bạo lực giành chính quyền, đưa Ba Lan từ một quốc gia dưới sự cai trị độc tài của cộng sản trở thành một quốc gia dân chủ với nền kinh tế và quốc phòng vững mạnh.

Thắng lợi của Công Đoàn Đoàn Kết còn có ý nghĩa quốc tế to lớn. Nó là bước đột phá làm sụp đổ các chế độ cộng sản Đông Âu, góp phần nhanh chóng phá bỏ bức tường Bá Linh và chấm dứt chiến tranh lạnh trên toàn thế giới. Ngoài ra, nó còn là bài học kinh nghiệm sống động cho các nước còn đang sống dưới chế độ độc tài cộng sản đấu tranh chuyển đổi sang chế độ tự do dân chủ.

Công Đoàn Đoàn Kết là một phong trào chính trị xã hội được hình thành vào khoảng cuối năm 1980 đầu năm 1981 để đấu tranh chống lại sự lãnh đạo độc tài và tồi đở của Đảng Công Nhân Thống Nhất, tức đảng cộng sản Ba Lan. Đó là một tổ chức công đoàn độc lập, được gọi ngắn gọn là "Đoàn Kết" (Solidarnosc), với biểu tượng là chữ Solidarnosc màu đỏ, trên cấm quốc kỳ Ba Lan.

Giữa năm 1980, sau gần 35 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, xã hội Ba Lan lâm vào khủng hoảng. Sản xuất công nghiệp đình đốn, lương thực, thực phẩm khan hiếm, bộ máy nhà nước độc tài, quan liêu và kém hiệu quả. Đầu tháng 7-1980, công nhân một số nhà máy thuộc tỉnh Lublin ở phía đông-nam Ba Lan đình công đòi tăng lương và phản đối các chính sách kinh tế, chính trị và xã hội của nhà nước. Giữa tháng 8, những cuộc đình công lan đến vùng bờ biển phía đông-bắc, đặc biệt là cuộc đình công của công nhân Nhà Máy Đóng Tàu Lenin tại thành phố Gdansk trên bờ biển Baltic đã biến thành cuộc tổng đình công trên toàn lãnh thổ Ba Lan. Ủy Ban Đình Công Toàn Quốc đã được thành lập mà nòng cốt là Ủy Ban Đình Công Nhà Máy Đóng Tàu Lenin, do Lech Walensa làm chủ tịch. Tham gia Ủy Ban Đình Công Toàn Quốc gồm các tổ chức : Ủy Ban Bảo Vệ Công Nhân (KOR), Liên Hiệp Thanh Niên Ba Lan, Hội Đồng Chính Trị Các Giáo Đường Ba Lan v.v. Chính quyền cộng sản đã dùng bạo lực để giải tán các cuộc đình công, bắt giam và quản thúc các nhà lãnh đạo... Nhưng trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng, được lãnh đạo chặt chẽ, chính phủ cộng sản đã nhượng bộ và chấp nhận gặp Ủy Ban Đình Công để thảo luận. Sau nhiều cuộc đàm phán căng thẳng, ngày 31-8-1980 chính quyền cộng sản Ba Lan đã ký một thỏa thuận thỏa mãn các đòi hỏi của Ủy Ban Đình Công (đại diện cho hơn 700 nhà máy, xí nghiệp toàn quốc) như : tăng lương, trả tự do cho những người bị bắt trong các cuộc đình công, thả hết các tù nhân chính trị... Ủy Ban Đình Công đổi tên thành Ủy Ban Trù Bị để thành lập ngày 24-

9-1980 Liên Hiệp Công Đoàn Độc Lập "Đoàn Kết", gọi tắt là Công Đoàn Đoàn Kết.

Từ đó, 31-8-1980 đã trở thành một ngày lịch sử quan trọng của phong trào đấu tranh cho tự do và dân chủ tại Ba Lan. Trong hơn 30 năm cầm quyền, đảng cộng sản đã nhiều lần thẳng tay đàn áp và dập tắt trong máu lửa nhiều phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ như tại Poznan năm 1958, Gdansk năm 1970... Lần này chính quyền cộng sản buộc phải đàm phán và ký kết thỏa thuận.

Ngay sau ngày 24-9-1980, Công Đoàn Đoàn Kết xin đăng ký tại Tòa Án Thành Phố Warszawa để được chính thức hoạt động, nhưng bị từ chối vì lý do điều lệ của Công Đoàn không phù hợp với hiến pháp hiện hành. Liên tức thì Ủy Ban Toàn Quốc của Công Đoàn cảnh báo sẽ tổ chức tổng đình công để phản đối quyết định của tòa án. Trước sự kiên quyết của các nhà lãnh đạo Công Đoàn Đoàn Kết, thủ tướng lúc đó là Pinkowski đã đến gặp họ để dàn xếp. Để được hoạt động hợp pháp, những nhà lãnh đạo Công Đoàn Đoàn Kết đã đồng ý sửa lại điều lệ : công nhận hiến pháp hiện hành và vai trò của đảng cộng sản đối với nhà nước Ba Lan. Ngày 10-11-1980, Tòa Án Tối Cao Ba Lan chính thức công nhận Công Đoàn Đoàn Kết là một tổ chức hợp pháp.

Từ sau ngày đó, cơ sở của Công Đoàn Đoàn Kết được thành lập hầu hết ở các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ..., gồm đủ các ngành nghề trừ hai ngành công an và quân đội. Thời gian này tổng số đoàn viên công đoàn đã lên tới từ 8 đến 10 triệu người, chiếm 80% tổng số cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước. Trong số những đoàn viên công đoàn, nhiều người là đảng viên cấp tiến của đảng cộng sản và một số đảng viên do đảng cộng sản bí mật cử ra để theo dõi hoạt động của Công Đoàn Đoàn Kết. Hệ thống tổ chức được chia thành 38 vùng trên toàn quốc với cấp lãnh đạo cao nhất là Ủy Ban Toàn Quốc do Lech Walesa làm chủ tịch và các ủy viên : B. Geremek, A. Michnik, Z. Bujak, J. Onyszkiewicz, W. Frasyniuk... Tuần báo "Solidarnosc" (Đoàn Kết) được công khai xuất bản với tổng biên tập là T. Mazowiecki.

Trước sự phát triển và lớn mạnh nhanh chóng của Công Đoàn Đoàn Kết, những nhà lãnh đạo cộng sản Liên Xô và Đông Âu lúc đó vô cùng lo lắng. Ngày 1-12-1980 chính phủ Liên Xô đã trao cho chính phủ Ba Lan kế hoạch đưa quân đội Liên Xô vào Ba Lan, dưới hình thức một cuộc tập trận "Đồng Minh 81", để dập tắt phong trào đấu tranh và giải thể Công Đoàn Đoàn Kết bằng bạo lực. Ngày 5-12-1980, cuộc họp khẩn cấp những nhà lãnh đạo các nước thuộc Hiệp Ước Warszawa tại Moskva bàn định kế hoạch đưa quân đội vào Ba Lan do Liên Xô đề xuất. Hơn ai hết, những nhà lãnh đạo Ba Lan hiểu rằng việc đưa quân đội nước ngoài vào Ba Lan sẽ dẫn đến tình trạng nghiêm trọng, cuộc chiến tranh chống sự chiếm đóng của quân đội

nước ngoài sẽ nổ ra. Tướng Jaruzelski, chủ tịch hội đồng nhà nước Ba Lan, đề nghị để quân đội Ba Lan tự đảm nhiệm việc giải thể Công Đoàn Đoàn Kết, kế hoạch đưa quân đội nước ngoài vào Ba Lan được bãi bỏ.

Ngày khi phái đoàn đảng và chính phủ Ba Lan trở về từ Moskva, 45 sĩ quan cao cấp của bộ quốc phòng và nội vụ cùng với 2 cán bộ cao cấp của trung ương đảng được triệu tập để lập kế hoạch giải thể Công Đoàn Đoàn Kết. Trong thời gian này Công Đoàn Đoàn Kết vẫn tiếp tục lớn mạnh. Từ 5 đến 10-9-1981, đại hội lần thứ nhất với 865 đại biểu đã họp tại Gdansk bầu Lech Walesa làm chủ tịch.

Sau nhiều tháng chuẩn bị, ngày 13-12-1981, hội đồng nhà nước ban bố "tình trạng chiến tranh và thiết quân luật trong toàn quốc". Hội Đồng Quân Sự Cứu Nguy Dân Tộc được thành lập để lãnh đạo bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương. Trong cuộc biểu tình ngày 16-12-1981 của công nhân mỏ than "Wujek" tại Katowice, 9 công nhân bị bắn chết, nhiều người bị thương.

Ngày 18-10-1982, Quốc Hội Ba Lan ra nghị quyết giải thể Công Đoàn Đoàn Kết. Từ sau ngày đó, tổ chức này bước vào giai đoạn vô cùng khó khăn, nhiều cán bộ công đoàn các cấp bị bắt giam hoặc bị quản thúc, các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, cơ quan... chịu sự quản lý trực tiếp của công an và quân đội. Những công nhân viên chức không trở lại làm việc đều bị đưa ra tòa án quân sự xét xử. Các cơ sở vật chất của Công Đoàn Đoàn Kết từ trung ương đến địa phương đều bị tịch thu, các cơ sở in ấn tài liệu bị dẹp bỏ. Tổng cộng có 10.131 người bị bắt, 3.616 bị kết án tù vì vi phạm lệnh giới nghiêm, 1.196 máy in và 465 máy chữ bị tịch thu. Nhưng Công Đoàn Đoàn Kết không bị tiêu diệt, các cơ sở còn lại tiếp tục sinh hoạt trong bí mật. Hàng ngày cán bộ công đoàn rải truyền đơn tố cáo hành vi phát-xít của chính quyền quân sự; các đài phát thanh vẫn tiếp tục phát sóng kêu gọi dân chúng giữ vững tinh thần và tố cáo trước thế giới những vi phạm quyền con người của chế độ.

Sau 586 ngày áp dụng "tình trạng chiến tranh", phong trào đấu tranh của Công Đoàn Đoàn Kết không những không bị dập tắt mà còn lan rộng ra khắp nước. Thêm vào đó, chế độ cộng sản toàn trị tại Ba Lan bị cả thế giới lên án. Cuối cùng, ngày 22-7-1983 chính Jaruzelski đã phải tuyên bố chấm dứt "tình trạng chiến tranh" và giải thể Hội Đồng Quân Sự Cứu Nguy Dân Tộc. Công Đoàn Đoàn Kết được hoạt động công khai trở lại, những cuộc xuống đường ăn mừng chiến thắng diễn ra khắp nơi.

Lần này đã có kinh nghiệm, những nhà lãnh đạo Công Đoàn Đoàn Kết đẩy mạnh công tác ngoại giao thông qua các cơ sở của Công Đoàn ở nước ngoài, đặc biệt là 10 triệu kiều bào Ba Lan tại Mỹ. Tháng 10-1983, Lech Walesa được trao giải thưởng Nobel hòa bình. Tại Mỹ, chính phủ Mỹ thành lập Quỹ Công Đoàn Đoàn Kết với cố vấn là thượng nghị sĩ E. Kennedy để giúp đỡ về vật chất cho Công Đoàn Đoàn Kết. Tháng 11-1986, Công Đoàn Đoàn Kết là thành viên chính thức của tổ chức Lao Động và Công Đoàn Thế Giới. Từ ngày 8 đến 14-6-1987, giáo hoàng John Paul II về thăm lại quê hương Ba Lan và gặp Lech Walesa để biểu lộ sự ủng hộ tinh thần đối với Công Đoàn Đoàn Kết.

Ngày 1-8-1987, Ủy Ban Kỷ Niệm 200 Năm Ngày Hiến Pháp Mỹ công nhận Lech Walesa là thành viên danh dự của ủy ban và Hạ Viện Mỹ đã thông qua ngân sách một triệu đô-la giúp đỡ Công Đoàn Đoàn Kết.

Trong những năm sau khi chấm dứt "tình trạng chiến tranh", đời sống kinh tế của Ba Lan không sáng sủa gì hơn. Đảng cộng sản đã ra sức "cải cách" và "đổi mới" nhưng không đạt được tiến bộ nào đáng kể. Trong giai đoạn này Công Đoàn Đoàn Kết cũng thay đổi phương pháp đấu tranh, mềm dẻo hơn. Trong cuộc tranh luận công khai và trực tiếp trên đài truyền hình giữa chủ tịch công đoàn nhà nước và Lech Walesa, chủ tịch Công Đoàn Đoàn Kết, ngày 31-11-1988, phần thắng nghiêng hẳn về phía Walesa.

Trước sự lớn mạnh của Công Đoàn Đoàn Kết và sự ủng hộ của các nước phương Tây cùng với áp lực của những thành phần cấp tiến trong đảng, ngày 6-2-1989 đảng cộng sản Ba Lan chấp nhận tổ chức "hội nghị bàn tròn" với Công Đoàn Đoàn Kết. Hội nghị đã đạt được nhiều thỏa thuận, trong đó có thỏa thuận tổ chức cuộc bầu cử dân chủ vào quốc hội và thượng viện. Tòa án thành phố Warszawa cấp giấy phép hoạt động cho Công Đoàn Kết và nhiều tổ chức chính trị khác vừa được thành lập để tham dự bầu cử.

Trong cuộc bầu cử ngày 4-6-1989, các lực lượng đối lập đã thắng lớn. Công Đoàn Đoàn Kết, Đảng Nhân Dân Thống Nhất (ZSL), Đảng Dân Chủ (SD) chiếm 264 trong tổng số 452 ghế tại quốc hội. Ông T. Mazowiecki, tổng biên tập tạp chí "Solidarnosc" lên làm thủ tướng.

Kế hoạch chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường cùng với chương trình cải cách chính trị và xã hội toàn diện đã đặt nền móng cho các chính phủ kế tiếp biến Ba Lan thành một quốc gia dân chủ với sinh hoạt kinh tế thị trường ở mức độ cao.

Ngày nay Ba Lan là một trong 25 thành viên Liên Hiệp Châu Âu và là một quốc gia đồng minh trong khối NATO. Công Đoàn Đoàn Kết ngày nay cũng đã trở về vị trí một nghiệp đoàn bảo vệ quyền lợi của công nhân. Lech Walesa là vị tổng thống đầu tiên của nền Cộng hòa thứ III của Ba Lan. Nhiều cán bộ ưu tú của Công Đoàn Đoàn Kết đã đứng ra thành lập các chính đảng dân chủ và giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các chính quyền kế tiếp.

Để kết thúc, xin mượn lời của giáo sư Norman Daries, nhà sử học, nhà báo nổi tiếng của Anh: "Nếu không có Công Đoàn Đoàn Kết, Gorbachev có thể đã kéo dài thêm sự tồn tại của hệ thống cộng sản tại Đông Âu và lịch sử thế giới có thể cũng sẽ rẽ qua một bước ngoặt khác".

Ngày nay hệ thống cộng sản tại Liên Xô và Đông Âu không còn nữa, nhưng vẫn còn bốn quốc gia, trong đó có Việt Nam, mà đảng cộng sản vẫn còn tiếp tục cầm quyền. Các chính quyền cộng sản này nắm chặt mọi quyền lực và quyền lợi của đất nước, bóp nghẹt mọi sinh hoạt tự do của dân chúng. Bài học đấu tranh của Công Đoàn Đoàn Kết chính vì thế vẫn mang nặng tính thời sự và thời đại, nó là một ký ức nhắc nhở nhân dân các nước còn đang sống dưới ách cộng sản rằng tự do, dân chủ không phải là quà tặng tự nhiên của Thượng Đế, phải đấu tranh mới có.

Đinh Minh Đạo (Warsawa)

Cây thánh giá nhọc nhằn

Phạm Việt Vinh

Trên địa hạt chính trị, ngôn từ Việt Nam rất dễ gây ngộ nhận ; trong khi đó, nhiều khái niệm, danh từ nghe có vẻ như nhau, nhưng lại chứa đựng những nội dung hết sức đặc thù. Vì vậy, ngay cả việc xem xét kỹ hơn những khái niệm khởi điểm trong bài tiểu luận của Lâm Yến (1) cũng có thể là một điều cần thiết, vì nó dẫn đến những góc nhìn khác nhau để tiếp thu bài viết.

Khi nhận định về phong trào dân chủ Việt Nam, ngay từ đầu, tác giả đã phải lưỡng lự giữa hai lựa chọn : gọi những nhân vật như Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Lê Chí Quang,... là các "nhà bất đồng chính kiến", hay là các "nhà dân chủ" ? Thực chất, hai định danh này không hẳn là một. Bất đồng chính kiến minh định sự khác biệt về tư tưởng, về quan điểm đối với mô thức xây dựng và vận hành quốc gia, xã hội. Sự bất đồng này có thể tồn tại chỉ giữa hai cá nhân; nhưng ở đây - và nói chung, nó được hiểu là những suy tư khác biệt với ý thức hệ chính thống và bộ máy chính trị Việt Nam hiện hành. Như vậy, đại đa số dân chúng Việt Nam là những người bất đồng chính kiến, mặc dù họ đang là những công dân nén chịu, đang đặc chí hay vật vã trong những giải pháp cá nhân. Sự khác biệt giữa họ - những công dân uất ức -, và những người đã nêu - được gọi là những nhà bất đồng chính kiến - là những nhà bất đồng chính kiến đã dùng lý luận khá thâm sâu công khai bác bỏ, đòi hỏi thay chế độ thực tại, và sẵn sàng chịu đựng hy sinh. Dựa trên những tranh luận rất riêng tư với những câu từ chê trách thể chế độc tài và ngợi khen tự do tư tưởng rồi xếp những ông như Trần Mạnh Hảo, Đỗ Minh Tuấn,... vào hàng ngũ các nhà bất đồng chính kiến là rất không chính xác, làm sụt giảm và lu mờ vị thế của những con người có lý tưởng và dũng khí hơn.

Danh từ "nhà dân chủ" hầu như được dùng một cách hết sức thận trọng trong thế giới ngày nay. Thông thường, ai đó được gọi là người Dân chủ Thiên chúa giáo, Dân chủ Xã hội hay Dân chủ Hồi giáo,... chỉ đơn giản vì họ là một thành viên của đảng tương ứng, hay được gọi là một nhà Dân chủ Xã hội vĩ đại, khi nhân vật này là một lãnh tụ lỗi lạc hay là một nhà tư tưởng có những đóng góp xuất sắc cho ý tưởng Dân chủ Xã hội. Nhà dân chủ nói chung là để chỉ những người quyết tâm theo đuổi, phấn đấu cho những ý tưởng và cấu trúc xã hội dân chủ (có khi rất khác nhau), chứ hoàn toàn không chỉ ra tính cách của một cá nhân. Chất lượng của một nhà dân chủ, hay là của một chính trị gia trong guồng máy dân chủ, vì vậy, không được phép đo xét tỷ mỉ trong các hành xử riêng tư. Cách nhìn như vậy sẽ coi những cuộc đấu tranh hòa bình, hợp lệ để tranh giành ảnh hưởng, những xích mích cá nhân, những hành vi nhỏ nhen, thậm chí nhu nhược của một người hoạt động dân chủ là lẽ thường tình, là thực tế tự nhiên bao giờ cũng có. Những mâu thuẫn, mặt sát cá nhân gần đây giữa một số

người phấn đấu cho thể chế dân chủ ở Việt Nam không thể làm mất đi danh hiệu Nhà Dân Chủ của họ, mà chỉ bộc lộ sự chưa chín, chưa đạt tới tầm cao cần thiết của những tia lửa dân chủ mà đất nước đang và vẫn đặt nhiều hy vọng.

Nhưng không phải người Việt nào cũng nghĩ như vậy ; đối với nhiều người, nhà dân chủ là phải "dân chủ" (?) từ chính trường cho tới giường ngủ, và họ hoang mang bỏ chạy khi có hai nhà dân chủ cãi mắng nhau thậm tệ. Với người Việt, danh xưng nhà dân chủ hay gây ra ảo tưởng. Đồng thời, dù muốn hay không, ngay cả tại phương Tây, các nhà lãnh đạo chính trị, các nhà dân chủ lớn bao giờ cũng phải mang vai trò mẫu mực xã hội ở một mức độ nhất định. Tại châu Á nói chung và tại Việt Nam nói riêng, hiện tượng này càng rõ nét. Vì vậy, những tranh cãi được bộc lộ một cách thiếu khôn ngoan của những người đòi dân chủ sẽ mang lại những tác hại không nhỏ. Mâu thuẫn giữa họ là chuyện bình thường, nhưng thực trạng phức hợp về nhận thức do sự pha tạp của chủ nghĩa cộng sản với Khổng giáo, của chủ nghĩa tư bản (đỏ) rừng rú với tâm thức tiểu nông hiện nay đòi hỏi những nhà dân chủ tiên phong phải "phi thường", thậm chí, bất chấp những va chạm cá nhân, vẫn quý trọng, đùm bọc lẫn nhau vì đang cùng bị hiểm nguy và đàn áp.

Đòi hỏi "phi thường" này không liên quan nhiều tới "nguồn gốc", "nơi cư ngụ" và "tuổi tác" của các nhà bất đồng chính kiến (Hạn chế 1, 2 trong "Tiểu luận số 1"). Thành phần càng đa dạng thì suy tư, phân tích càng phong phú, toàn diện. Sự tương đối thuần nhất của phong trào Hiến Chương 77 tại Tiệp Khắc và Công đoàn Đoàn kết (Solidarnosc) tại Ba Lan trước đây không biện minh đủ cho nhu cầu đơn dạng về thành phần của một phong trào dân chủ. Coi sự đa dạng về nguồn gốc, thành phần là một hạn chế lớn, vì thế, là một điều khó hiểu. Sau nữa, hiện trạng kỹ thuật tin học và giao thông đã làm cho vấn đề nơi cư ngụ trở thành thứ yếu. Việc nhiều người cao niên, đã từng là đảng viên cộng sản, góp mặt trong phong trào dân chủ có tác dụng rất lớn cho sự cảnh tỉnh, chân nhận ra quá khứ sai lạc và giác ngộ ra những quy luật tất yếu của xã hội con người. Con số ít ỏi thanh niên tham gia phong trào là một minh chứng cho sự trẻ muộn của tuổi trẻ Việt Nam ; nhưng, tâm thức ganh ghét, nghi kỵ những "bạc lão thành" cũng sẽ sẵn sàng tuyên án những người nhập cuộc trẻ tuổi là "mất gốc", là "nhiễm độc tư tưởng phương Tây". Dùng độ tuổi để chỉ ra nguy cơ hẫng hụt về đội ngũ là chính đáng, nhưng chưa hẳn đã bộc lộ ra thực chất của phong trào dân chủ. Các nhà dân chủ Việt Nam chưa tập trung và phát huy được sức mạnh chủ yếu là do khả năng và phương sách tổ chức, và một điều rất quan trọng, là do quyết tâm ngăn chặn dân chủ, do sức mạnh phá phách và đàn áp của chính quyền đối với họ cũng như toàn xã hội. Nhận định của số đông chỉ có vai trò quyết định trong một phong trào quần chúng, hoặc là cho một cuộc cách mạng từ dưới lên trên. Trong khi đó, Việt Nam nên, và hoàn toàn có thể tiến hành một tiến trình thay đổi ngược lại - tức là trên xuống dưới. Nhiều nhà nghiên cứu về Việt Nam trên thế giới, trong đó có Gerhard Will - cố vấn của chính phủ Đức, đã cho rằng

dù sớm hay muộn, ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ phải chấp nhận những bước đi dân chủ hóa cơ bản đầu tiên. Sức ép cho sự chấp nhận này là một lực lượng dân chủ đủ tầm cỡ, được dựa trên một áp lực quốc tế phù hợp.

Độ lớn mạnh và tác động đòn bẩy của một lực lượng như vậy không phụ thuộc quá nhiều vào vấn đề là họ phải có những gương mặt "biểu tượng cho đạo đức và lương tri dân tộc" và phải dồn sức lực vận động quần chúng (Hạn chế 3, 4 trong "Tiểu luận số 1"). Hơn nữa, đòi hỏi này đối với xã hội Việt Nam ngày nay hoàn toàn phi thực tế. Đầu những năm 70 của thế kỷ trước, Đảng Tiểu Bình tại Trung Quốc đã thành công là do sự ủng hộ của nhiều trí thức và cán bộ cao cấp, chứ hoàn toàn không phải do là biểu tượng lương tri, đạo đức của hơn một tỷ người dân. Ngay cả trong các phong trào tại Tiệp Khắc và Ba Lan trước đây cũng không cần đến điều kiện đã nêu. Những gương mặt đại diện của họ là Havel, Walesa, thậm chí còn kém nổi trội hơn khi so với Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hộ hay Phạm Quế Dương; nhưng sau này, Havel cũng như Walesa đã trở thành những tổng thống đầu tiên của nước Tiệp và Ba Lan dân chủ. Ở thực tế Việt Nam, con số hơn 200 nhà bất đồng chính kiến không phải là quá nhỏ. Ngay cả 9 năm sau Mùa Xuân Praha 68 hừng hực lửa, nhóm Hiến chương 77 của Havel cũng chỉ thu thập được vài trăm chữ ký ủng hộ. Với đặc tính chờ thời của đại đa số dân chúng và trí thức Việt Nam, khi có điều kiện, con số này sẽ phát triển bùng phá; với một số tác nhân chủ quan và khách quan thuận lợi hơn, 200 con người này có đủ sức tạo ra thời cơ đó. Nhưng, từ xuất phát điểm hôm nay đến ngày X đó, còn là một chặng đường đầy gai góc. Từ sự tỉnh ngộ, bất đồng chính kiến, đòi thực thi dân chủ, đến vị thế tham gia chèo lái vận mệnh quốc gia, còn rất nhiều nấc thang dựng đứng. Và tại đây, cũng có vài ngữ nghĩa cần làm cho rõ.

Không những hai khái niệm "bất đồng chính kiến" và "đòi hỏi dân chủ" dễ bị hòa lẫn, mà nhiều người Việt còn hay đánh đồng các định nghĩa về "đối kháng" và "đối lập". Bất đồng chính kiến khi được biểu hiện qua những phát biểu công khai hay những hành vi chống đối, nhiều khi không cần định hướng chính trị rõ ràng, cũng có thể được xem là những dạng thức đối kháng. Biểu tình chống sự ức hiếp của chính quyền địa phương tại Thái Bình, Hà Tây, Hà Nội hay Sài Gòn, và ngay cả các cuộc biểu tình tại hải ngoại chống chính quyền trong nước, đòi Hà Nội bỏ điều 4 Hiến pháp, cũng chỉ là những hoạt động đối kháng. Chúng chỉ ra những vấn nạn của xã hội, nhưng không mang tải những giải pháp. Các nhân vật đòi dân chủ ở Việt Nam đã bước qua được nấc thang này. Sau những phân tích minh định gốc rễ lạc hậu của thể chế hiện hành, những lý luận của Phan Đình Diệu, Nguyễn Thanh Giang, Trần Độ, Nguyễn Đan Quế,... đã đề xuất ra một số bước tiến cơ bản để chuyển đất nước về hướng dân chủ. Lâm Yên đã quá vội vã khi cho rằng các nhà dân chủ tại Việt Nam "không tiếp xúc được với lý thuyết và thực tế vận động dân chủ trên thế giới" (Hạn chế 5 trong "Tiểu luận số 1"). Hơn nữa, việc coi các luận cứ ban đầu của các nhà dân chủ là "cũng giáo điều, khô cứng" (Hạn chế 6 trong "Tiểu luận số 1")

như các diễn văn của các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam, là hết sức chủ quan. Tính giáo điều của các lý thuyết gia chính thống là do chúng được dựa trên những "thánh chú" lỗi thời, những suy luận khiên cưỡng ở mức tối đa, và hoàn toàn không đếm xỉa đến những quy luật và vận động thực tiễn. Trong khi đó, các phân tích của các nhà dân chủ hầu như chỉ dựa hoàn toàn vào những kinh nghiệm và suy tư từ thực tiễn. Vì vậy, nguồn gốc của cảm nhận là chúng "khô cứng, không hấp dẫn" có lẽ phải tìm ở tri thức và tâm thức người tiếp thu - tức là giới được gọi là "tinh hoa" của Việt Nam, chứ không phải là ở các nhà lý luận dân chủ.

Đương nhiên, thiếu thông tin và thiếu tiếp xúc với vận động dân chủ trên thế giới là một thực tế. Nhưng dùng những nhận định đơn giản, sai lệch của một người như Trần Mạnh Hảo nhằm minh chứng cho sự "non đại" về lý luận của các nhà dân chủ Việt Nam, lại là một điều ngậy thơ không kém. Qua những ví dụ về kết quả biên dịch tại phụ lục của bài tiểu luận, điều dễ thấy là các nhà dân chủ Việt Nam hoàn toàn có khả năng tiếp cận với những vấn đề cấp bách của thời đại, kể cả khái niệm "xã hội dân sự" mà Lâm Yên đã đề cập. Vấn nạn nặng nề và cơ bản nhất của Việt Nam hiện nay là việc bưng bít, bóp méo thông tin, che mắt và bịt miệng những suy tư trí thức. Tự do báo chí, tự do tư tưởng là cánh cửa chính đầu tiên dẫn đến dân chủ hóa. Mở được nó, tư tưởng và tri thức sẽ sổ lồng để thiết kế thể chế dân chủ, văn minh. Sau nữa, một trong những bước thang vất vả nhất của các nhà dân chủ là: từ những tiếp thu kiến thức của nhân loại và sự hiểu biết sâu rộng về thực tiễn Việt Nam, thiết kế và "minh biện" một cách thuyết phục mô hình cấu trúc xã hội dân chủ Việt Nam. Với thực trạng hiện nay, đây là một đòi hỏi quá đáng, phi lý đối với các nhà dân chủ (Hạn chế 7 trong "Tiểu luận số 1"). Về bản chất, đó là nội dung của "đối lập". Trong thực tế, không hề có các cá nhân đối lập riêng rẽ; chỉ có các nhà đối lập trong các tổ chức, đảng phái đối lập, và thường được hoạt động công khai hoặc bán công khai ở một mức độ nào đó. Những nhà dân chủ tỉnh táo hiểu rằng trong điều kiện còn bị truy bức, đàn áp, họ chỉ có khả năng và nhiệm vụ đưa ra những ý tưởng và định hướng chung. Thực tế đã chứng minh việc sao chép các khuôn mẫu thế giới cho Việt Nam bao giờ cũng mang theo tai họa. Một mô hình sơ phải là kết quả suy tư, tranh luận công khai của một đội ngũ trí thức tại chỗ và rộng lớn. Mô hình chi tiết phải là kết quả của những số liệu chuyên sâu. Những điều này không được phép là nhiệm vụ của các nhà dân chủ hiện nay. Trách nhiệm cao cả trước mắt của họ là chỉ ra tính bất buộc cho sự khai tử hệ thống chính trị hiện hành, cổ vũ cho những quy luật tất yếu cho việc xây dựng một quốc gia hạnh phúc, phú cường, và song song với đó, là góp những bước đi hòa bình, khoa học và hợp tình để mở toang được cánh cửa đầu tiên dẫn đến dân chủ: tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tự do lập hội đoàn chính trị, tự do bầu cử và ứng cử... Sau đó, xây dựng một nhà nước dân chủ, một xã hội phồn vinh là trách nhiệm của mọi công dân.

Có thể, vì lẽ đó nên tại các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây, phong trào dân chủ và các nhà tranh đấu cho

dân chủ thường được gọi là "phong trào dân quyền" và các "nhà dân quyền". Phong trào Hiến chương 77, có lúc trở thành diễn đàn chung cho các nhà dân quyền Đông Âu, đã chỉ phê phán các bất cập của chính quyền đương thời và đưa ra những yêu sách đòi tự do chủ yếu là của thành phần trí thức. Công đoàn Solidarnosc, trong thực tế lúc đầu, cũng đã chỉ là những đòi hỏi dân chủ nghiệp đoàn bảo vệ quyền lợi của nhân dân lao động. Việc ngay sau khi giành được thắng lợi với sự sụp đổ của nhà nước cộng sản, nhiều lãnh tụ Solidarnosc quyết định không tham gia lãnh đạo chính trị đã chứng tỏ phong trào này hầu như hoàn toàn không có một mô hình thể chế rõ ràng. Gạt bỏ một chế độ đã quá tồi dở, về lâu dài, không bao giờ là một phiêu lưu chính trị. Không còn bị giam hãm bởi bức màn sắt chiến tranh lạnh, những nhà dân chủ - hoặc nói chính xác hơn là những nhà dân quyền Việt Nam, có những bước tiến xa hơn trong việc xác quyết một thể chế dân chủ cho đất nước : đa nguyên, đa đảng đã trở thành giá trị đồng thuận ; Phan Đình Diệu, Nguyễn Thanh Giang... đã nghiên cứu và xem ý tưởng Dân chủ Xã hội là một định hướng chính trị phù hợp với Việt Nam.

Điều còn lại là đã gần 15 năm sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa toàn cầu phá sản, đất nước vẫn mỗi mất trông chờ một thành tựu đột phá, một hé mở cơ bản cho tiến trình dân chủ. Thực tế đó là một kết luận phũ phàng về kết quả của phong trào dân chủ và về chất lượng của các nhà dân chủ Việt Nam. Việc bài tiểu luận của Lâm Yến cố gắng nhìn thẳng vào những hạn chế của phong trào và các nhân vật này, là một điều đáng trân trọng, và có tác dụng đóng góp thúc đẩy. Tuy vậy, bài tiểu luận cũng chứa đựng những chi tiết cần được mổ xẻ kỹ hơn, trong đó, việc tách phong trào dân chủ trong nước rời hẳn ra khỏi phong trào dân chủ tại hải ngoại có thể là một phương pháp sai, khiến cường, làm mất hẳn những liên hệ hữu cơ của một hệ thống, và làm giảm hiệu quả của bài tiểu luận. Các kết luận của Lâm Yến không sai, nhưng chưa đủ và chưa sâu. Những bất đồng được đăng tải công khai với những lời lẽ "phi chính trị gia" của các nhà dân chủ hàng đầu trong nước như Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến gần đây đã chỉ ra những hạn chế lớn hơn - có lẽ là căn bản của phong trào. Đó có thể là sự lung lay trong tình yêu đối với lý tưởng dân chủ và phụng sự quốc gia. Đó có thể là sự chưa vững trải xứng đáng với tư cách của các nhà chính trị lớn. Nhưng trên hết, rất có thể là vì các nhà dân chủ Việt Nam vẫn chưa cố gắng tìm ra phương sách cộng lực, trong đó, một hình thức kết hợp thông minh với một định chế dân chủ hữu hiệu chắc chắn sẽ là một giải pháp không thể bỏ qua, được thực hiện càng sớm càng tốt. Một tổ chức với định chế khoa học luôn có những phép màu để vượt qua những hạn chế cá nhân ; nó có sức mạnh vô định không dám đông nào sánh nổi. Nếu không đủ quyết tâm và trí tuệ để thực thi nó, thì câu chuyện : "Khi có một nhà dân chủ Việt Nam, thì đó là nhà dân chủ. Nhưng khi ba nhà dân chủ Việt Nam ngồi bên nhau, họ dễ nhanh chóng trở thành độc tài hay vô chính phủ", tuy bị thổi phồng méo mó, nhưng lại không kém giá trị cảnh báo.

Tản mạn


BỆNH HOANG TƯỚNG

Sau 30 năm tranh đấu cho một nước Việt Nam dân chủ, những người dân chủ gặt hái được những thành quả nào ? Nhìn lại không thấy một thành tích nào lớn lao. Đảng cộng sản vẫn còn ngang nhiên ngự trị trên đất nước. Những chiến sĩ dân chủ vẫn tiếp tục bị cô lập hoặc bị giam giữ trong tù. Cộng đồng người Việt hải ngoại có rất nhiều tổ chức, có rất nhiều tài năng, có rất nhiều nghị lực nhưng những năng lực đó đang tan biến vào hư không, không đủ sức để đánh bật chế độ độc tài đảng trị này, mặc dù nó đang trên đà tự hủy.

Tại sao ?

Có hai tác nhân chính trong cuộc thư hùng này : một bên là cộng đồng người Việt đấu tranh cho dân chủ và một bên là Đảng Cộng Sản Việt Nam. Ở đây chúng ta không bàn đến những kế hoạch của đảng cộng sản nhằm lũng đoạn tinh thần và làm suy thoái sinh hoạt của cộng đồng người Việt tại hải ngoại để xuất hiện như là lực lượng chính trị duy nhất có quyền cai trị đất nước. Vấn đề đặt ra ở đây cho phía những người đấu tranh cho dân chủ. Chúng ta có nên xét lại tư duy, phong cách và phương cách làm việc của mình không ? Chúng ta đã làm những cố gắng nào để thay đổi cục diện, hay chỉ quanh quẩn ngồi lại với nhau nuôi tiếc dĩ vãng, hứa bừa với tương lai, sau cùng là đưa ra một vài tuyên bố cho có lệ, rồi trở về với cuộc sống hàng ngày của mình với ảo tưởng là đã làm được một cái gì đó cho mình và cho đất nước. Tâm lý này gọi là hoang tưởng.

Trong những năm rời bỏ đất nước chạy sang Thái Lan, Mã Lai, Phi Luật Tân và các nước láng giềng trốn chế độ cộng sản, đa số người Việt tin rằng chỉ sau vài năm là họ sẽ trở về quê hương vì nghĩ rằng chủ thuyết cộng sản không thể tồn tại lâu trên đất nước Việt Nam. Lâu dần ước vọng đó biến thành ảo tưởng, rồi nhiều người tin là thực tế đang diễn ra như thế. Cứ thế chúng ta mắc bệnh hoang tưởng tự hồi nào mà không hay biết.

Năm 1989, Liên Bang Xô Viết tan vỡ, các nước Đông Âu dẹp bỏ chế độ cộng sản để thiết lập dân chủ, ai cũng nghĩ rằng chế độ cộng sản Việt Nam sẽ tan vỡ theo vì không còn chỗ nương tựa. Nhiều người tin vào sấm Trạng Trình như một chân lý : "bất chiến tự nhiên thành", "thân dậu niên lai kiến thái bình", do đó không cần phải tranh đấu gì cả, mọi chuyện đã được an bài. Tâm lý này đã ăn sâu vào não trạng của người Việt để trở thành một 

Thực tại con đường dân chủ hóa Việt Nam còn quá nhiều trắc trở. Cây thánh giá dân chủ Việt Nam vẫn phải nhọc nhằn chờ đợi những cánh tay khỏe mạnh mang vác đến chặng đích cuối cùng.

Phạm Việt Vinh (Berlin)

© 2005 talawas

Chú thích :

(1) "Tiểu luận số 1 : Bảy hạn chế lớn nhất của bất đồng chính kiến Việt Nam" của Lâm Yến (talawas, 15-7-2005).

hoang tưởng. Nhưng rồi 30 năm sau, đảng cộng sản vẫn tiếp tục độc quyền ngự trị trên đất nước. Có một cái gì đó không bình thường trong tâm lý người Việt. Tại sao ?

Người Việt thờ ơ với đất nước

Sau nhiều năm vất vả nơi xứ người, cộng đồng người Việt đã khá thành công tại các nước tiếp cư và được các quốc gia tiếp nhận khen ngợi. Nhiều người đã lấy quốc tịch của quốc gia tiếp cư để trở thành người Pháp, người Đức, người Anh, người Thụy Sĩ, người Mỹ, vân vân. Nguồn gốc Việt chỉ còn là một trang sức văn hóa để hãnh diện và khoe khoang với người nước ngoài, không ai còn quan tâm đến lịch sử kể cả văn hóa mà họ tự hào. Đời sống của người dân trong nước ra sao mặc kệ, nhiều người còn về nước chỉ để khoe khoang sự giàu có và sung túc của mình ở nước ngoài trước những người khốn khó, và ngay với gia đình mình ở trong nước.

Những người còn quan tâm đến đất nước Việt thì lập ra đủ loại tổ chức chính trị rồi... dừng lại ở đó. Ít người đầu tư vào những định hướng nào cho Việt Nam, ai cũng nói dân chủ, đa nguyên, hòa giải nhưng ít ai hiểu rõ nội dung của những cụm từ đó. Nói chung không ai quan tâm đến kết quả của việc mình muốn làm. Nhiều người hoạt động vì muốn có việc gì đó để làm... cho đỡ buồn. Nhiều người khác tỏ ra rất năng nổ để mọi người không quên sự hiện diện của mình, và cũng có những người hoạt động để kiếm chút danh. Những người này hoạt động có chủ đích rõ rệt, họ không phải là những người mắc bệnh hoang tưởng. Ngược lại chính họ càng mong những người khác mắc bệnh hoang tưởng càng lâu càng tốt để dễ bề khuynh loát.

Nhờ tiến bộ của khoa tin học, bệnh hoang tưởng bộc lộ rõ nét hơn. Chỉ cần tham gia một vài diễn đàn điện tử (yahoogroups, chatroom, paltalk,...), những người mắc bệnh hoang tưởng rất dễ nhận diện. Phần đông tham gia các diễn đàn chính trị để đả kích cá nhân, bôi nhọ, chửi bới lẫn nhau mặc dù không biết người đối diện là ai (vì không thấy và không biết). Những người mắc bệnh hoang tưởng này nhìn đâu cũng thấy kẻ thù để đánh phá.

Tuy ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã chấm dứt cách đây 30 năm, nhưng cho đến hôm nay vẫn còn những tranh cãi về ý nghĩa của ngày này và ai cũng nghĩ mình có lý.

Năm 1995, một người Đức tên Benjamin Wilkomirski xuất bản một tập hồi ký có tựa đề "*Fragments*" (Những mảnh vụn), nội dung mô tả cuộc sống trong trại tập trung quốc xã của một thiếu niên. Quyển sách được dịch ra nhiều thứ tiếng và ai cũng cảm động khi đọc chuyện của cậu bé này. Vài năm sau, Daniel Ganzfried, một ký giả Do Thái điều tra tung tích của tác giả và biết được nội dung quyển sách chỉ là do óc hoang tưởng của một người Thụy Sĩ tên Bruno Grojean. Ông này không hề sống một ngày nào trong trại tập trung quốc xã cả nhưng đã tưởng tượng ra hình ảnh của một nạn nhân để đề cao mình.

Dẫn chứng như để cho thấy bệnh hoang tưởng không là sở trường của quốc gia nào cả, nó là một tâm lý lan tràn bàng bạc khắp nơi. Những cảm tử quân của tổ chức khủng bố Al Qaeda đã dám hy sinh tính mạng của mình vì nghĩ

rằng sau khi chết linh hồn của họ sẽ lên thiên đàng để hưởng cuộc sống sung túc với nhiều gái đẹp. Những người này là những kẻ cùng khổ bị các cấp lãnh đạo Al Qaeda chiêu dụ và nhồi sọ để trở thành những trái bom sống cho mục tiêu hoang tưởng của họ : Hồi giáo hóa toàn thế giới.

Người Việt tin vào thuyết định mệnh

Bệnh hoang tưởng cũng đã thấm nhập rất sâu vào tâm tính của một số rất đông người Việt. Họ nghĩ rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam đang sụp đổ đến nơi nên, thay vì đầu tư cố gắng để khiến đảng này sụp đổ nhanh hơn, họ tập trung vào việc thành lập các "chính phủ lưu vong" trong đó họ và bạn bè họ đóng những vai trò quan trọng, chờ ngày về tiếp thu cai quản đất nước. Họ tin chắc chắn như vậy.

Một số khác, chịu khó hơn, cố gắng thành lập những tổ chức đấu tranh chính trị có chủ trương, tôn chỉ hẳn hoi (do chép lại ở đâu đó) rồi rầm rộ tổ chức lễ ra mắt, ra tuyên bố, tuyên ngôn hô hào lật đổ chính quyền, ai nói ngược lại đều bị coi là kẻ thù... để chửi bới. Tổ chức nào cũng nghĩ mình thỏa mãn được ước vọng của quần chúng với hy vọng được ủng hộ. Kết quả là chính những tổ chức này đã nhắm nhí mọi hình thức đấu tranh chính trị tại hải ngoại.

Đó là về mặt tổ chức, những cá nhân cũng có những hoang tưởng của mình. Nhiều người tin rằng văn hóa Á Đông nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng, đặt căn bản trên Kinh Dịch, coi đó là nền tảng nhân sinh quan và vũ trụ quan của nền văn minh châu Á. Đối với người Việt Nam, cuộc sống này nằm trong luật tuần hoàn của vũ trụ. "Sinh ký tử quy" (Sống gửi thác về). Mọi sự vật biến đổi để hoán chuyển từ tình trạng này sang tình trạng khác. Kinh Dịch ghi rõ: "Vật cùng tắc biến, biến tắc thông". Mọi sự việc đến lúc cùng tận đều sẽ biến hóa, biến hóa rồi mọi sự lại trở lại bình thường. Đây là điển hình của tâm lý chấp nhận định mệnh : không nên cố gắng làm gì, mọi việc đều có chu kỳ của nó, tất cả đã được xếp đặt trước, không ai cải được số trời. Họ quan niệm rằng vận nước đang "cơ bĩ cực", ngay mai sẽ đến "hồi thái lai". Cố gắng thay đổi chế độ cho tốt đẹp hơn để làm gì ? Nhưng vấn đề là thời gian. Đến bao giờ mới thái lai trong khi Việt Nam đang bị thế giới xếp vào hạng nghèo khổ nhất ? Không lẽ người Việt Nam cứ chịu để các nước ngoài khinh khi mãi sao ? Chính vì tâm lý định mệnh này mà ít người Việt Nam nào dám đứng ra hoặc đứng lên thay đổi thời cuộc. Chính vì tâm lý này mà chúng ta vẫn là chúng ta ngày hôm nay, kiệt quệ về tinh thần và ích kỷ trong cuộc sống.

Hoang tưởng là một căn bệnh rất khó chữa. Chính lúc biết mình mắc bệnh, người ta càng muốn đắm chìm trong đó. Bao lâu người Việt không rũ bỏ được bệnh hoang tưởng, bấy lâu chúng ta sẽ còn bị ngoại bang khinh khi và chi phối. Chừng nào người Việt chưa kết hợp được thành một tổ chức chính trị lương thiện và có tầm vóc, Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ vẫn tiếp tục ngự trị trên đất nước. Đến khi nào người Việt thôi tìm một lãnh tụ ảo để phò, ngày đó bệnh hoang tưởng mới tan. Và nếu bệnh này còn, chúng ta chỉ là một đàn cừu được chăn dắt bởi một bầy sói.

Nguyễn Gia Thường (Bruxelles)

Sự cần thiết của những ý kiến dị biệt

Où Myre Tân

Khi phái đoàn Nguyễn Trường Tộ đi sứ về điều trần, nói người tây phương có thuyền bằng sắt chạy trên sông, thì trong triều thần có kẻ tâu với vua nhà Nguyễn : "*Khi quân thậm khi quân, nói cục sắt mà nổi trên mặt nước tức là coi quân thần là ngu dốt, đối với thiên tử là mắc tội khi quân. Tội này đáng xử trảm* (chép đầu)" - và như ta đã thấy : cái bo bo thủ cựu không viễn quan của Tự Đức, cùng với chính sách bế quan tỏa cảng đã là mấu chốt đưa tới 100 năm lệ thuộc Pháp.

Phiền một nỗi là lịch sử đã tái diễn đều đều, và ngày hôm nay, người Việt chúng ta vẫn phần lớn khăng khăng không bao giờ chấp nhận những ý kiến hoặc những quan sát, tầm nhìn dị biệt, thậm chí có người coi bất cứ ai có ý kiến khác với mình là kẻ thù "còn tệ hơn cộng sản, phải diệt (nó) trước cộng sản (!), vì (nó) ở ngay nách mình". Điều này đã làm trở ngại không ít cho sự tiến hóa của tư tưởng nói chung và Việt nam nói riêng. Nay hãy thử quan sát một số hiện tượng.

Hiện tượng Nguyễn Gia Kiểng và cuốn *Tổ Quốc Ân Năn*

Trong cuốn *Tổ Quốc Ân Năn*, Nguyễn Gia Kiểng đã gần như cố ý khích động để người đọc theo dõi những điều ông viết. Sự khích động cố ý này đã ít nhiều làm sôi máu một số người. Ông Kiểng đã không ngại ngùng hạ bệ những biểu tượng về anh hùng dân tộc (Nguyễn Huệ) và triết lý đạo đức (Khổng Tử) để đi tới một tiêu đề : văn hóa Khổng Mạnh là sai, cái văn hóa tôn thờ bạo lực là sai, và ông nêu lên một câu hỏi đáng cho ta suy ngẫm : "Đất nước ta trải dài ngàn dặm bờ biển với nhiều hải sản và tiềm năng thiết lập nhiều hải cảng tốt, tọa lạc tại một vị thế quan trọng về giao thương ở Đông Nam Á và là trung tâm điểm của một Đông Nam Á đang phát triển mạnh. Dân ta đông, cần cù, sáng dạ và hiếu học... Nhưng tại sao ta vẫn đứng gần sau chót các nước trên thế giới ?".

Ông Kiểng đưa ra một số nhận định làm "chạm nọc" một số người - đã chính đáng hay không chính đáng - có tự hào dân tộc cao, níu kéo mãi cái hào quang "phá Tống, bình Chiêm" của thời quá vãng mà quên mất vị thế thực tế của đất nước mình hiện tại. Ông nhận định : nguyên nhân chính là cái văn hóa tôn thờ Khổng Mạnh, tôn thờ từ chương, trọng sĩ khinh thương đã lỗi thời, cái văn hóa tôn thờ bạo lực (Nguyễn Huệ) là sai... Người Việt ta không dung được nhau và ác độc với nhau ; ta không có óc sáng tạo và đã tôn trọng bằng cấp quá mức ; ta không biết làm việc chung một cách có phương pháp (team work) với nhau

; ta khó hòa giải với nhau ; và điều cản trở lớn nhất để đất nước ta đi tới thịnh vượng là : ta chưa có tự do dân chủ.

Để làm đảo ngược lại sự "đội sổ" của đất nước, ta phải có can đảm nhìn thẳng vào ta, vào con người Việt Nam một cách khách quan, không khoan nhượng, để nhận ra những ưu khuyết điểm, và từ đó ta lại phải có can đảm sửa đổi. Tự do và dân chủ là động cơ chính thúc đẩy kinh tế và tiến triển xã hội, nhưng không phải là cây đũa thần có thể làm thay đổi tất cả. Nếu quả thực muốn đứng chung với nhau để xây dựng đất nước và đưa đất nước tiến lên, con người Việt Nam phải thay đổi hoàn toàn về văn hóa : từ bỏ bạo

"Một con người lúc nào cũng thiên về một phía sau bao tang thương biến đổi, thì hoặc là một kẻ kiên định lập trường, nhưng cũng có thể là một kẻ cực đoan đầu óc có sạn. Một tờ báo mà bài vở thấy đều viết mãi theo một chiều, thì tờ báo hóa ra tẻ nhạt. Một đất nước mà tất cả mọi người đều nói chung một luận điệu, thì ngoại trừ trường hợp có ngoại xâm, đất nước này chỉ có thể là đất nước cộng sản".

lực, từ bỏ những văn hóa Khổng Mạnh lỗi thời. Ta phải thay đổi một số niềm tin, cách hành xử : khoan nhượng với nhau, chấp nhận nhau, phải biết làm việc chung với nhau một cách có phương pháp, từ bỏ quan niệm trọng sĩ khinh thương

mà đặt nặng quan niệm trọng thương mại, một tâm lý kinh doanh, ham mê làm giàu, từ đó, nền kinh tế thị trường mới có thể phát triển. Về chính quyền, thì phải là một chính quyền nhẹ, ít can thiệp để kinh tế được tự do phát triển theo quy luật tự nhiên của thị trường, thay vì gò bó theo kế hoạch.

Ông Kiểng đã đưa ra một số định luật và nhận thức để đưa đất nước ta đi lên, và định luật này có thể được tóm gọn trong bốn chữ : "dân chủ đa nguyên" và ông cũng đã đưa ra khá nhiều chi tiết thực tế cần phải có để phát triển đất nước.

Tiếc thay cuốn sách của ông đã tạo nên một sự la ó khác thường- Người ta chẳng cần biết ông Kiểng đã nhận định và đề nghị những gì về đất nước và con người Việt nam để xoay chuyển thế cờ, người ta chỉ nhìn thấy bị chạm nọc về một số điều ông Kiểng nêu lên về lịch sử (cổ xưa và cận đại), hoặc văn hóa (Khổng Mạnh) để phê bình mạt sát ông. Việc phê bình mạt sát ông Kiểng đã trở thành thời thượng - thậm chí có ông thú thực "chưa hề đọc cuốn *Tổ Quốc Ân Năn*" của ông Kiểng, nhưng cũng vẫn đánh hỏi vì ông Kiểng đã dám chọc giận ông này về một lỗi "nhìn về lịch sử cận đại".

Tuy nhiên, dù xỉ vả ông Kiểng cách mấy đi nữa, tôi vẫn chưa thấy ai trả lời được câu hỏi khá sâu sắc mà ông Kiểng đã nêu ra : đất nước ta có ngàn dặm bờ biển, là cửa ngõ của Đông Nam Á, dân ta đông và cần cù, thông minh, hiếu học... vậy tại sao nước ta vẫn đội sổ trong các nước trên thế giới ? Ông Kiểng đã đưa ra một giải pháp, một câu trả lời thực tế. Còn từ những người xỉ vả ông bằng những danh từ khá nặng nề như : trở cờ, phản bội... ta ít thấy những câu trả lời hoặc góp ý những giải pháp chính đáng, nhưng chỉ

thấy một lần nữa chứng minh những điều ông Kiểng nêu lên trong cuốn sách là đúng : ta không dung được nhau, ác độc với nhau, nhất là ta không dung được những tư tưởng dị biệt - đầu là những tư tưởng đó xây dựng và thẳng thắn.

Hiện tượng những người trẻ

Gần đây, một số các anh chị em trẻ, nhiều người nói tiếng Anh, Pháp rành hơn tiếng Việt nhưng với tấm lòng thiết tha không quên cội nguồn, đã không ngần ngại đóng góp một số ý kiến về việc xây dựng đất nước đau khổ của chúng ta. Những người này, theo thiển ý, thì lòng ưu tư trăn trở về đất nước có thể nhiều hơn một số những người rành tiếng Việt, nhưng lại chẳng bao giờ mấy may suy nghĩ gì về đất nước. Tuy nhiên, khi các anh chị em trẻ này lên tiếng, thì một lần nữa, lại bị các đàn anh la ó ồn ào bằng những danh từ khá thô bạo.

Tới đây, tôi xin minh xác là tôi không phản đối những góp ý của các bậc cha chú có tính cách xây dựng cho các anh chị em trẻ... nhưng tôi chỉ muốn nhắc tới những "góp ý" có tính cách chặt đứt đối thoại, và đưa đối thoại và góp ý về tư tưởng vào ngõ cụt. Hãy đọc những giòng phê phán : những kẻ đầu hàng, thỏa hiệp, quỳ gối, khấu đầu, ô hợp, a dua... và đặc biệt về phía giới trẻ : thiếu ngay thẳng, thiếu lương thiện, thiếu suy nghĩ, biết một mà không biết hai, ấu trĩ v.v. Ta tự hỏi : lối tranh luận này là tranh luận xây dựng, khuyến khích sự góp ý trăm hoa đua nở, hay đã là con dao bầu để chặt đứt đối thoại và không cho góp ý - và quả thực, từ đó, một số các anh chị em trẻ có những ý kiến xây dựng, nhưng sợ bị phỉ báng tàn nhẫn, đã tự động rút lui, hoặc giữ im lặng nhưng trong lòng không vui, mang cảm tưởng xấu xa về lớp đàn anh mà họ cho là thủ cựu, đầu óc có sạn. Cái hố ngăn cách giữa trẻ - già lại càng bị đào sâu. Và ta chỉ còn lại những lập luận một chiều, nhằm chấn, những lời hô hào nghe thật kêu, nhưng làm không được (giải phóng quê hương, quang phục đất nước, lật đổ bạo quyền cộng sản v.v.), nhai đi nhai lại những ảo tưởng không bao giờ trở thành sự thực.

Hiện tượng Trịnh Công Sơn

Tôi biết là nói về Trịnh Công Sơn là đã phạm vào một "taboo", một điều cấm kỵ - nhưng tôi nghĩ, điều tệ hại hơn là nếu không nói ra, tôi đã không sống thực với lòng mình.

Trịnh Công Sơn là một nhân tài, một thiên tài về âm nhạc và lời ca. Đa số chúng ta ít nhiều đều công nhận là nhạc Trịnh Công Sơn đã vượt thời gian và có lẽ sẽ còn sống mãi nhiều thập niên sau này. Những bài hát như "Diễm Xưa", "Tuổi Đá Buồn", những lời hát : "*Làm sao em biết bia đá không đau... Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau*"... mà đối với thính giả, lần đầu tiên nghe, nổi rung động đã là dấu mốc thời gian cho những quãng đời mà mỗi lần nghe lại, lại gợi nhớ những kỷ niệm của quãng đời đó. Đối với tôi, những bản nhạc của Trịnh Công Sơn đã gợi lại cả một dĩ vãng, một tuổi trẻ, những ngày mà trái tim vô cùng dễ xúc động nay đã qua đi.

Tiếc thay là sau ngày vật đổi sao dời 1975, Trịnh Công Sơn bị nhiều người ghét bỏ, và thậm chí căm thù - không

phải là không có duyên cớ. Một trong những duyên cớ lớn nhất, có lẽ là vào ngày miền Nam mất, Trịnh Công Sơn đã "hô hời" lên đài phát thanh hát bài : "Nói Vòng Tay Lớn" : đây là hành động xoa ớt vào vết thương đang rỉ máu của đồng bào miền Nam. Rồi sau đó, khi mà Joan Baez đã thay đổi lập trường phản chiến của mình, thì Trịnh Công Sơn lại một lần nữa biên thư xỉ vả Baez, và cho Beaz là kẻ đào ngũ, đã phản bội lý tưởng phản chiến. Rồi những bản nhạc Trịnh Công Sơn sáng tác từ những năm 1975-1980, tuy không nhiều, nhưng có một số mang tính chất phục vụ chế độ mới như : "Em ra nông trường, em ra biên giới", v.v., đã là những cái gai trước mắt đa số đồng bào miền Nam đang bị đọa đày trong ngục tù cộng sản.

Ngày Trịnh Công Sơn lên đài phát thanh hát bài "Nói Vòng Tay Lớn", thì chính tôi - kẻ viết bài - cảm thấy một nỗi uất hận xâu xa : miền Nam mất, bản thân tôi mất hết : chức vụ, địa vị xã hội, tiền lương, gia sản, và sau này, có khi cả mạng sống mà sao lại có kẻ trăn tráo vui mừng hơn hở lên ca hát "Gặp nhau mừng như bão cát quay cuồng..." Quả thực hôm đó và những năm dài sau đó trong tù cải tạo, tôi căm giận tới thù ghét họ Trịnh : mỗi lần có ai nhắc nhở tới Trịnh Công Sơn là tôi lảng xa : tôi không muốn nghe, không muốn nhắc tới con người đó.

Nhưng nay sau 30 năm, khói lửa đã lắng chìm, ta hãy bình tâm nhìn lại quá khứ, nhìn lại Trịnh Công Sơn và những điều ông ta đã làm : Trịnh Công Sơn là một kẻ phản chiến. Sự phản chiến của họ Trịnh không hề phải giấu giếm mà đã được công khai hóa qua những lời nhạc : "*Hai mươi năm nội chiến từng ngày, gia tài của mẹ một rừng xương khô, gia tài của mẹ một dãy nhà mồ*...". Sự phản chiến của họ Trịnh, nay nhìn lại, đã giải thích một số hành động :

- Ngày 30-4-1975, Trịnh Công Sơn lên đài phát thanh, lòng không giấu nổi nỗi vui mừng, hát bài *Nói Vòng Tay Lớn*. Nay ta thử đặt câu hỏi : năm 1975, cộng sản thắng - nhưng nếu ngày đó, phía tự do thắng và thống nhất đất nước, chấm dứt chiến tranh ... thì họ Trịnh có lên đài phát thanh hô hời hát bài *Nói Vòng Tay Lớn* hay không ? Theo tôi, câu trả lời là chín mươi chín phần trăm Trịnh Công Sơn cũng sẽ lên đài phát thanh và cũng sẽ hát bài hát đó. Một kẻ phản chiến khi đất nước không còn chiến tranh, nghĩa là khi giấc mơ của anh ta sau bao năm dài nay đã thành sự thực, thì sẽ không thể giấu nổi nỗi vui mừng, bất kể bên nào thắng, bên nào thua. Dù là nỗi vui mừng đó đã làm phiền lòng biết bao kẻ khác, phía bên này hoặc bên kia.

- Cũng vì lý do phản chiến, họ Trịnh là một kẻ trốn quân dịch (trốn ở nhà Lưu Kim Cương). Đây là một điều mà một số người cho Trịnh Công Sơn là hèn nhát, vô tư cách. Nhưng tôi nghĩ Trịnh Công Sơn, một kẻ phản chiến, đã tự giải thích chuyện trốn lính của ông ta qua lăng kính của một kẻ phản chiến : một kẻ phản chiến không thể cầm súng tham dự chiến tranh vì như vậy là phản lại lý tưởng của mình (nếu có thể gọi "phản chiến" là một lý tưởng). Hơn nữa, người có thẩm quyền giải quyết vấn đề này và kết tội Trịnh Công Sơn không phải là chúng ta, mà là Tòa án quân sự miền Nam lúc đó.

- Cũng vì theo tư tưởng thù ghét chiến tranh ngay từ đầu, Trịnh Công Sơn đã trả lời Joan Baez theo cung cách cố hữu của một kẻ phản chiến, trước sau không hề thay đổi.

- Trở lại vấn đề Trịnh Công Sơn đã sáng tác một số nhạc phẩm có tính cách phục vụ chế độ mới mà một số người cho rằng tại sao không giữ im lặng như Văn Cao, đừng sáng tác, thì còn có thể coi là có chút tư cách. Theo tôi, ta nên nhớ những người nghệ sĩ (như Trịnh Công Sơn) không nên được lầm lẫn với những anh hùng; và ngược lại, người nghệ sĩ có những lúc còn mềm yếu hơn một con người bình thường, và dễ bị thếp sức làm cho run sợ. Ta hãy nhìn lại lúc mà gần 1 triệu quân dân miền Nam bị bắt đi tù cải tạo trong nhiều năm, trong đó có các vị tướng tá, thì trong thời gian cải tạo, ngày ngày trong những bài tự kiểm thảo kể kể "tội ác"(sic) mình đã làm - chúng ta (trong đó có kẻ viết bài) đã viết những gì, đã cảm ơn và khen ngợi "cách mạng" ra sao? Nay, trong thời gian đó thì Trịnh Công Sơn đang làm việc ở bên ngoài xã hội (Trịnh Công Sơn lúc đó là thành viên của Hội Trí Thức Yêu Nước, trực thuộc Bộ Văn Hóa, dưới sự chỉ đạo của các cán bộ cộng sản). Mỗi lần họ Trịnh cầm đàn lên hát là đã có cán bộ cộng sản đứng kèm và soi mói từng lời ca (như trong bức hình chụp năm 1980 của ký giả Nhật Kusano). Ta phải hiểu rằng: sự thực Trịnh Công Sơn đang ở trong một nhà tù lớn mà nhất cử nhất động của họ Trịnh đã bị theo dõi rất sát. Nay ta có thể tha thứ cho chính chúng ta lúc ta viết những bài tự kiểm thảo trong tù cải tạo, nhưng sao ta lại khất khe với một người trong cùng một hoàn cảnh, nhưng ở ngoài xã hội, đã phải làm vừa lòng chế độ để sống còn?

Để kết luận về Trịnh Công Sơn, tôi xin có lời này. Nếu ngày xưa, trong thập niên 1950 - ta ồn ào phản đối việc cộng sản đàn áp nhóm "Nhân Văn Giai Phẩm" như Phan Khôi, Trần Dân, Phùng Quán... (không được sáng tác, bị đuổi ra khỏi Hội Nhà Văn, bị quản thúc v.v.), chỉ vì những người này đã dám... tự do sáng tác, khác với ý của chế độ. Nay, hãy cứ cho là Trịnh Công Sơn khác chính kiến với chúng ta, ta có nên đối xử với họ Trịnh như cộng sản đã đối xử với nhóm Nhân Văn Giai Phẩm hay không? Người tự do chúng ta tự hào là hơn cộng sản, nay nếu ta vẫn dầy ải, tẩy chay những người khác ý kiến, dù rằng người đó là thiên tài... thì thử hỏi ta tôn trọng nghệ thuật vì nghệ thuật, hay nghệ thuật vì chính trị, chính kiến, và ta hơn cộng sản ở chỗ nào? Vậy xin trả lại Trịnh Công Sơn vị thế xứng đáng cao cả của ông ta trong nền âm nhạc Việt Nam.

Một vài suy nghĩ : Về cuộc chiến Nam Bắc

Nội chiến hay xâm lăng? Chiến tranh Việt Nam đã được mô tả bằng những từ ngữ khác nhau. Một số người quả quyết đây hiển nhiên là một cuộc xâm lăng của miền Bắc tiến chiếm miền Nam; một số khác thì nhắc tới chiến tranh Việt Nam như một cuộc nội chiến: vậy thì nội chiến hay xâm lăng? Theo tôi thì cả hai đều đúng nếu ta nhìn theo những góc cạnh khác nhau. Nếu nói về phương diện đất nước thì đây là một cuộc xâm lăng từ miền Bắc, đất nước đã chia làm hai quốc gia có chủ quyền Nam và Bắc

Việt Nam, thì sự xâm lăng của Bắc Việt là không thể chối cãi. Nhưng nếu xét về phương diện dân tộc, thì đây là một cuộc nội chiến, vì hai bên cùng là dân tộc Việt. Dân tộc Việt không thể... xâm lăng dân tộc Việt, mà đây là... nội chiến tương tàn, nổi da xáo thịt trong lòng dân tộc máu đỏ da vàng.

Sau 30 năm, những bài viết về cuộc chiến, về những chiến công, tiêu diệt được bao nhiêu quân thù... "Nhất tướng công thành vạn cốt khô"... thì theo dòng thời gian, ngày nay đọc lại cũng chỉ cảm nhận là niềm đau của dân tộc.

30 năm trước đây, dòng Bến Hải chia đôi đất nước. Năm 1972, tôi là bác sĩ phụ trách Trại Bài Lao và Tù Binh tại Quân y viện Nguyễn Văn Nhứt Vũng Tàu. Một tù binh cộng sản bị mất máu nặng được đưa vào gặp tôi. Khám xong, tôi bảo y tá chuyển cho anh ta một chai nước biển. Khi tôi quay đi, anh tù binh này thu hết sức tàn, nắm chai nước biển nhắm ném vào đầu tôi và hét lớn: "Tao không thèm chai thuốc dơ bẩn của bọn bán nước chúng mày". Viên y tá đứng cạnh tôi không dằn nổi tức giận đã xông lại muốn cho anh Việt Cộng kia một bài học. Nhưng tôi cản lại nói: "Tên Vẹm này đã được bác của hấn nhồi sọ kỹ quá rồi. Nếu cậu sinh ra ở miền Bắc, cậu cũng cư xử như hấn mà thôi. Thôi cột tay hấn lại, ráng cứu sống hấn - mình là con người mà...". Người Việt từ hai miền đã tranh đấu, giết chóc nhau trong hận thù, dù rằng đã bị nhồi sọ, hay là thực sự bảo vệ lý tưởng tự do, thì sau này 100 hay 200 năm sau, hãy xin nhớ lại những câu thơ của Đặng Phương về giồng sông Gianh:

*Đây sông Gianh nơi biên cương thống khổ,
Nơi sa trường, nơi nấm mộ trời Nam
Đây dòng sông dòng máu Việt còn loang...
Đây dòng sông hận phân ly nòi giống
Sông còn đây cơn ác mộng tương tàn...*

Tất nhiên có một số quý vị sôi máu và phản đối: ta bị xâm lăng và ta chỉ tự vệ... Ngày hôm nay thì lập luận này còn đứng vững - nhưng 200 năm sau, hậu duệ chúng ta nhìn lại thì sự thực vẫn là một cuộc huynh đệ tương tàn, nổi da xáo thịt, cũng như ngày nay chúng ta nhìn và cảm nghĩ về cuộc Trịnh-Nguyễn phân tranh 300 năm trước giống như Đặng Phương, dù rằng lúc đó Trịnh nói Trịnh giỏi, Nguyễn nói Nguyễn hay.

Người Mỹ bỏ rơi Việt Nam

Trong rất nhiều bài viết, nhiều nhân vật có tiếng tăm đổ lỗi cho Mỹ đã bỏ rơi miền Nam do đó Miền Nam mới mất về tay cộng sản. Nay hãy bình tâm và suy xét lại. Người Mỹ đã tới và đổ quân vào giúp miền Nam 10 năm (1963-1973) và đã hy sinh bao nhiêu xương máu, tiền bạc trong thời gian đó. Câu hỏi đặt ra là ta muốn người Mỹ ở lại Việt Nam tới bao giờ? Tất nhiên họ không thể ở lại mãi mãi. Và ngược lại: "Tiên trách kỷ, hậu trách nhân". Đặt câu hỏi, nếu quân dân miền Nam ta chiến đấu và tổ chức được như Nam Hàn thì liệu người Mỹ có bỏ không? Ta đã từ sự thực tự tìm ra câu trả lời: nhìn sang Nam Hàn, 50 năm sau cuộc chiến, người Mỹ vẫn còn ở lại. Vậy thì lý do chính

đáng của việc mất miền Nam là gì ? Có lẽ ta phải nhìn thẳng vào sự thực, dù rằng sự thực có đau lòng, để rút ra một bài học cho mai sau. Và xin đừng đổ lỗi cho người, nếu quả thực không phải là lỗi của người.

Theo tôi, lý do lớn nhất là trong suốt 10 năm chiến tranh, ta đã không có một lãnh đạo có tầm vóc, có viễn quan, đặt nền tảng tự túc tự cường, xây dựng hạ tầng, lập lò đúc súng, đạn... để có thể đứng vững một mình. Do đó khi bạn ta (người Mỹ) phải rời bỏ ta vì nhiều lý do, sau 10 năm ta vẫn chỉ là một đứa bé bị dứt sữa : ta đã không có đủ đạn để bắn, máy bay không có bom để thả và miền Nam đã bị bó tay, dù sức chiến đấu còn rất kiên cường.

Tất nhiên đã nói qua thì cũng phải nói lại. Những người có chí xây dựng nền tự chủ cho miền Nam như ông Diệm - thì đã bị người Mỹ trực tiếp hay gián tiếp loại bỏ. Tuy nhiên, phải nói thẳng là bị loại bỏ cũng là kém trí, thua một nước cờ mà thôi. Ngày xưa thời Tam Quốc, Chu Du bị Gia Cát Lượng phỗng tay trên nhiều chiến công, nhưng Du không thể đổ lỗi cho Lượng, mà cuối cùng trước khi chết Du vẫn phải chấp nhận là thua trí Lượng mà thôi "Trời hời đã sanh Du sao còn sanh Lượng". Ta đã không có nhân tài, lãnh tụ có tầm vóc đứng lên tổ chức đất nước, có viễn quan sắp đặt để đối phó với mọi chuyện khi người Mỹ ra đi.

Nhìn về tương lai :

Việc trở về giúp Việt Nam

Sau 30 năm, có lẽ đã đến lúc để hận thù lắng xuống và hướng về dân tộc. Như đã nói trên, theo tôi việc la ó ồn ào, biểu tình đòi dân chủ nhân quyền cho Việt Nam tại hải ngoại chỉ có tác dụng giới hạn : có thể áp lực cộng sản thả những tù nhân lương tâm, tù chính trị, nhưng không thể buộc Việt Nam phải thay đổi thể chế. Muốn thực sự thay đổi Việt Nam ta phải nghĩ tới những chuyện khác có tính cách lâu dài, thực tế và sách lược hơn :

- Khuyến khích việc Tây du cho sinh viên Việt Nam và đối xử tử tế khi tiếp xúc với họ ở nước ngoài. Khi họ trở về, họ sẽ là những hạt nhân đóng góp những tư tưởng mới, tầm nhìn mới góp phần nhuộm trắng Việt Nam.

- Việc người Việt Nam hải ngoại trở về Việt Nam : tuy một số không nhỏ về để mua vui, trác táng, nhưng dù muốn dù không cũng mang những tư tưởng, tầm nhìn, lối sống tự do của người phương Tây và người Việt tại quốc nội dù vô tình hay cố ý, cũng nảy ra ý so sánh và tự cải tiến theo phương Tây (sự việc này ta thấy hiển nhiên trong xã hội Việt Nam bây giờ).

- Tạo nhịp cầu dân tộc với người trong nước : không cần phải làm việc gì to lớn. Làm lớn quá thì cộng sản cũng chẳng cho làm vì chúng sợ khuynh đảo, và ta cũng chưa chắc có khả năng làm được. Vậy hãy nghĩ tới những việc nhỏ nhỏ như giúp người mù ở Việt Nam mổ mắt, như nhóm "Vietnam Vision" và một số các vị hảo tâm khác đang âm thầm bỏ tiền ra mướn các bác sĩ tại Việt Nam mổ mắt cho những người mù lòa ; giúp các bà sơ, tu sĩ làm việc trong những cơ quan từ thiện, viện cô nhi, các cơ sở giúp người tàn tật... ; trực tiếp tận tay mang tiền quà về giúp các phé

Ý kiến

Lại vấn đề dòng họ

Trong bài "Các vua nhà Nguyễn, giới Văn Thân và sự bại vong của Việt Nam" đăng trong Thông Luận, số 191 và 193, ông Tôn thất Thiện cho rằng chừng nào xã hội Việt Nam "còn mang nặng dấu ấn của nền văn hóa Khổng giáo, khuôn mẫu Trung Hoa" thì dù thể chế chính trị có thay đổi chẳng nữa, xã hội Việt Nam vẫn không thể tiến bộ được. Tôi rất đồng ý với ông Tôn Thất Thiện về điểm ấy. Tuy nhiên khi chứng minh trách nhiệm của giới sĩ phu trong việc suy vong thời đó ông Thiện lại kết luận : "*hy vọng sẽ có nhiều học giả trẻ, nhất là học giả thuộc tộc Nguyễn Phước, chịu bỏ công bỏ thì giờ và áp dụng những lối tiếp cận mới, để làm sáng tỏ việc này*".

Tôi thấy trong câu nói ấy tác giả lại sa lầy vào cái vũng văn hóa Trung Hoa ngàn đời không thay đổi. Tôi không hiểu tại sao ông Thiện lại cho rằng những người có mang họ Nguyễn Phước phải có trách nhiệm làm sáng tỏ vấn đề bại vong thời Tự Đức hơn những người khác. Nhưng có phải chỉ những người đó mới là con cháu họ Nguyễn Phước chăng ? Thế còn những cháu ngoại các vua Thành Thái, Đồng Khánh, Khải Định không phải là con cháu của họ Nguyễn Phước ? Và họ không có trách nhiệm bằng những người trên trong việc làm sáng tỏ vấn đề thời Tự Đức ? Tôi cho rằng đây cũng là quan niệm lỗi thời trọng nam khinh nữ của Trung Hoa, cho rằng con cháu ngoại không đáng kể, và đối với một người, họ chỉ biết tổ tiên và bà con

binh Việt Nam Cộng Hòa cũ nay đang lang thang đầu đường xó chợ, bán thuốc lá lẻ... trực tiếp giúp đỡ những người già yếu - hiện tràn đầy các tỉnh ở Việt Nam - mà vẫn phải buồn thúng bán bưng để kiếm tiền nuôi miệng già v.v. Những việc này không có gì là khó khăn, và không có lý do gì để từ chối khi ta về Việt Nam... vì nó chẳng liên quan gì tới việc giúp chính quyền cộng sản - trừ phi thực sự là ta không muốn giúp.

Sau cùng, ta cũng phải nghĩ tới chuyện trở về đứng trong hàng ngũ những người đối lập sau này, không phải để mưu đồ lật đổ chính quyền (vì nếu chủ trương như vậy, cộng sản sẽ tìm cách hại ta ngay từ đầu) mà là để góp phần đưa khối óc, tầm nhìn hải ngoại về việc tổ chức lại đất nước trong tinh thần của người tự do. Ngày mà cộng sản chấp nhận đối lập, theo tôi nghĩ, cũng không còn xa lắm.

Để kết luận, tôi xin mượn lời trong một bài hát của Nguyễn Đình Toàn :

Có chăng một ngày

Quê hương ta không còn hận ngăn ghét trối

Đón đau sẽ nguôi - đói no cũng vui

Biết buông sầu oán với thương đầy.

Nhìn nhau ra con người

Cũng một đời thôi...

Vũ Ngọc Tấn (Sydney)

bên nội thôi, còn bên ngoại thì xem như là người xa lạ.

Chỉ kể riêng cha mẹ tôi mà thôi, nếu cha tôi họ Nguyễn, mẹ tôi họ Lê thì tôi phải vừa là con cháu họ Nguyễn vừa là con cháu họ Lê, chứ có phải riêng gì họ Nguyễn ? Kể lên đến đời ông bà, nếu bà nội tôi họ Trần, bà ngoại tôi họ Phạm thì có phải tôi là con cháu của bốn họ, Nguyễn, Trần, Lê, Phạm không ? Kể lên thêm mấy đời nữa thì tôi là con cháu của rất nhiều họ, chứ không riêng của một họ nào. Bởi vậy nói rằng tôi chỉ là con cháu họ Nguyễn không thôi thật là vô lý. Và cũng vô lý không kém nếu nói rằng những vấn đề gì của các họ kia đều không dính dáng gì đến tôi cả.

Vì quan niệm dòng họ hẹp hòi như vậy nên người Việt Nam chỉ biết đến một dòng họ mà thôi, ít ai chú ý đến những bà con khác trong xã hội. Phải biết rằng với một số dân đông đúc sống trên một mảnh đất chật hẹp và có một lịch sử lâu dài như Việt Nam, việc pha trộn huyết thống và chủng tộc diễn tiến tối đa và mỗi một người Việt Nam, dù mang họ nào đi nữa, đều là con cháu của tất cả mọi dòng họ trong nước và là bà con với nhau hết thảy. Không có người nào chỉ mang huyết thống của một dòng họ.

Quan niệm sai lầm về dòng họ này là một trong những nguyên nhân chính làm cho xã hội Việt Nam bị phân tán, chia rẽ, các dòng họ kinh địch, ganh tỵ lẫn nhau... Người ta thường có khuynh hướng lập quỹ học bổng giúp cho con em trong dòng họ mình ăn học, gây quỹ tương tế giúp đỡ bà con trong họ hàng, hoặc gây thanh thế cho họ mình giành vinh hiển hơn những họ khác, ít ai quan tâm đến khối đông đảo người cùng khổ, không được nâng đỡ vì không có tên trong gia phả của những họ có tiếng tăm, mặc dù tất cả cũng là bà con xa gần của chúng ta cả.

Trở lại vấn đề thời Tự Đức, tôi cho rằng mọi người Việt Nam có tâm huyết đều có bốn phận "làm sáng tỏ vấn đề" ngang nhau. Nếu nói rằng con cháu của tộc Nguyễn Phước phải có trách nhiệm hơn những người khác trong việc này thì tất cả chúng ta, dù có mang tộc hiệu Nguyễn Phước hay không, đều mang trong người ít nhiều máu mủ của dòng họ Nguyễn Phước cũng như của tất cả mọi dòng họ khác. Thật ra, chúng ta nên ôn lại lịch sử thời Tự Đức, không phải để quy trách nhiệm cho ai, mà để rút tỉa những kinh nghiệm của quá khứ.

Một người quen ở Việt Nam nói với tôi rằng anh ta cũng biết những quan niệm của chúng ta về dòng họ là rất hẹp hòi và lạc hậu, nhưng tập tục ấy đã ăn sâu vào tâm khảm người mình lâu lắm rồi, không sửa đổi được. Thật là một thái độ đáng buồn. Chúng ta cần phải mạnh dạn chuyển hướng những quan niệm về nhân quần, xã hội để tiến cho kịp người hay vẫn bo bo giữ những lề lối làm việc, tư duy và ý thức hệ lạc hậu, lỗi thời, làm cho Việt Nam càng ngày càng thua kém các nước khác ?

Nguyễn Mừng (Champaign)

Tìm đọc **THÔNG LUẬN**
và nhiều tiết mục khác trên internet :
<http://www.thongluan.org>

Phản ứng

Đảng cộng sản khui lại vụ Ôn Như Hầu

Báo *Nhân Dân*, cơ quan của Đảng Cộng Sản Việt Nam, ngày 19-8-2005 đã đăng bài "*Vụ án phố Ôn Như Hầu*" của thiếu tướng công an Lê Hữu Qua, nhắc lại vụ án Ôn Như Hầu.

Lê Hữu Qua tự giới thiệu như là người trực tiếp chỉ huy một tiểu đội tấn công cơ sở của đảng Đại Việt ngày 12-7-1946 ở phố Duvigneau và nhiều cơ sở khác của Đại Việt sau đó. Trong bài viết này Lê Hữu Qua chỉ nhắc tới vụ Ôn Như Hầu nhưng không nói ông ta có phải là người chỉ huy hay tham gia việc tấn công cơ sở Ôn Như Hầu của Việt Nam Quốc Dân Đảng hay không.

Cần nhắc lại là vào lúc đó hai đảng Đại Việt Quốc Dân Đảng do ông Trương Tử Anh lãnh đạo và Việt Nam Quốc Dân Đảng đã đi tới thống nhất dưới danh xưng chung là Việt Nam Quốc Dân Đảng, gọi tắt là Quốc Dân Đảng.

Bài báo cáo Lê Hữu Qua khoe khoang chiến tích của đơn vị ông, kể cả những miếng võ ngoạn mục của đội xung kích do ông chỉ huy, nhưng với người đọc có óc nhận xét nó là một tố giác đối với Đảng Cộng Sản Việt Nam vì ông ta viết một cách khờ khạo.

Trước hết, Lê Hữu Qua nói rằng Đại Việt âm mưu bạo động, "*đào công sự chiến đấu, canh gác ngày đêm, tăng cường lực lượng bảo vệ, nội bất xuất ngoại bất nhập*". Nhưng ông ta thuật lại rằng chỉ tấn công cơ sở này với một tiểu đội (khoảng 10 người) và thành công dễ dàng vì chỉ có một "*tên lính canh ngủ gật*" và khoảng 20 người đang ngủ say. Rõ ràng là một mâu thuẫn ngớ ngẩn chứng tỏ đây chỉ là một chỗ làm việc bình thường của Đại Việt bị tấn công trong lúc không nghĩ là mình sẽ bị tấn công. Lê Hữu Qua cũng không nói tới bất cứ một vũ khí nào, điều này chứng tỏ những đảng viên Đại Việt này hoàn toàn tay không. Như vậy không hề có cơ sở chiến đấu, không có việc chuẩn bị bạo động. Và đây là sự thực.

Mặt khác, Lê Hữu Qua cũng xác nhận là Đảng Cộng Sản Việt Nam vô cơ tấn công. Lê Hữu Qua viết "*theo nhận xét của Nha, bọn chúng sẽ ra tay vào ngày 14-7*". Chỉ "nhận xét" thôi là ra đòn, và nhận xét theo bằng chứng nào thì Lê Hữu Qua hoàn toàn không nói, vì không có. "Nha" mà Lê Hữu Qua nói đến là Nha Công An, lúc đó do Lê Giản làm giám đốc, cơ quan này chỉ huy toàn bộ công an cộng sản lúc đó. Vẫn theo giọng điệu gian trá và khùng bố của cộng sản lúc đó, Lê Hữu Qua nói về "âm mưu" của Đại Việt như sau :

"*Vậy là "kịch bản" của chúng đã rõ ràng : khi bọn Pháp diễu binh ngày 14 tháng 7, bọn Đại Việt sẽ ném lựu đạn vào đoàn duyệt binh, chúng còn ghi rõ, chỉ ném vào bọn lính da đen !!! Pháp sẽ vu khống Việt Minh đánh chúng và lập tức đánh úp các cơ quan đầu não và bắt các lãnh tụ của ta. Đại*

Việt sẽ đảo chính tại Hà Nội và các cơ sở của chúng ở địa phương sẽ nổi dậy hưởng ứng âm mưu của thực dân Pháp và tay sai quả là thâm độc và nguy hiểm nếu công an ta không đánh được một đòn quyết định và kịp thời này".

Nhưng Lê Hữu Qua không thể đưa ra bằng cứ nào về "kịch bản" này, vì hoàn toàn không có.

Về vụ án Ôn Như Hầu, Lê Hữu Qua viết :

"Trong đợt tấn công Đại Việt lúc đó, sau được gọi là "Vụ án phố Ôn Như Hầu". Đó là tại số nhà 7 phố Ôn Như Hầu (sau này là phố Nguyễn Gia Thiều), ta bắt được tên Phan Văn Kích, ủy viên trung ương của Quốc Dân Đảng, tại đây có một phòng giam, còn hai người bị trói đang nằm đó cùng với rất nhiều dụng cụ đánh đập tra tấn... những người bị chúng bắt cóc về để tống tiền, máu me còn be bét trên tường, không khí nồng nặc hôi thối. Ở sân, đào lên còn thấy ba hố chôn người. Có hố mới chôn, xác nạn nhân bị chặt ra nhiều đoạn !!! Bấy giờ mới vỡ lẽ ra là nhiều chị hàng rong, anh xích lô, cả thầy giáo, cả thầy thuốc... trước kia bị mất tích là do "các nhà ái quốc" này bắt cóc về để hãm hiếp, tống tiền, sau đó là thủ tiêu tại chỗ !!!".

Cũng lại là một trò dựng đứng vô lý với lời lẽ thô bỉ của một kẻ hạ cấp đặc chí. Cái gì bảo đảm rằng những xác chết, những vết máu không phải là do chính công an mang tới ? Đây là một trò vu khống cố hữu của công an cộng sản. Năm 1984 họ đã đem vũ khí vào trong chùa lấy cơ bắt hai đại đức Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát về tội âm mưu bạo loạn để tuyên án tử hình. Bấy giờ thì họ mặc nhiên nhìn nhận là không có gì và đã trả tự do cho hai vị này dưới áp lực của dư luận. Họ cũng đã ném truyền đơn do chính họ in ra vào các trụ sở Tin Lành để lấy cơ đóng cửa các nhà thờ và bắt giam các mục sư. Đó là hơn 40 năm sau, khi họ đã văn minh nhiều so với ngày trước.

Tôi là một đảng viên trẻ của Việt Nam Quốc Dân Đảng có mặt tại Hà Nội vào thời gian xảy ra vụ Ôn Như Hầu, cũng như những vụ tấn công trụ sở Đại Việt. Tôi cũng có tới lui trụ sở Ôn Như Hầu. Tôi được tiếp xúc khá thường xuyên với một số đàn anh lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng lúc đó trong vai trò của một liên lạc viên. Các vị này hoàn toàn không có một âm mưu nào cả. Tôi khẳng định là đây chỉ là một vụ khủng bố đơn phương của Đảng Cộng Sản Việt Nam để tiêu diệt những người quốc gia mà thôi.

Có cần nhắc lại đợt khủng bố kinh khủng trong giai đoạn này không ? Tất cả những người bị phát hiện, có khi chỉ bị nghi ngờ thôi, là đảng viên của Đại Việt hoặc Việt Nam Quốc Dân Đảng đều bị tàn sát thẳng tay. Cứ căn cứ vào tình trạng của mỗi gia đình đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng thì phải nói là khoảng 2/3 đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng đã bị giết trong giai đoạn 1945-1950. Ít nhất cũng phải có 50.000 đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng đã thiệt mạng. Chính thân phụ tôi, chỉ bị tình nghi là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, cũng đã bị thủ tiêu. Đây là một vụ án phải được làm sáng tỏ sau này khi các sử gia có điều kiện để nghiên cứu đích xác. Tất cả những người đã sống qua giai đoạn 1945-1954 đều có thể làm chứng về đợt khủng bố kinh hoàng này mà chính ông Hồ Chí Minh phải chịu trách nhiệm. Đây là một vết nhơ và

một tội ác mà Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ phải trả lời trước lịch sử.

Trái với Đảng Cộng Sản Việt Nam, Việt Nam Quốc Dân Đảng chúng tôi không theo một chủ nghĩa quốc tế, không kêu gọi hận thù giai cấp giữa người Việt, không là phân bộ của một phong trào thế giới nào cả ; những người lãnh đạo và đại bộ phận đảng viên không phải là những người giàu có, khoa bảng. Chúng tôi là những người Việt Nam nên tảng, kết hợp với nhau chỉ vì lòng yêu nước thương dân. Chúng tôi không phải là những kẻ sát nhân khát máu như những người lãnh đạo cộng sản. Và chúng tôi cũng đã hy sinh xương máu cho tổ quốc rất lâu trước người cộng sản. Chỉ vì chúng tôi không có hậu thuẫn, và phần nào cũng do sự thiếu kinh nghiệm của cấp lãnh đạo mà anh em chúng tôi đã bị tàn sát. Chúng tôi đã thất bại vì cô thế, bị cả thực dân Pháp lẫn đảng cộng sản với hậu thuẫn của Liên Xô và Trung Quốc tàn sát. Tuy nhiên đất nước thế nào cũng có một tương lai dân chủ, mới là sự kiện sẽ được làm sáng tỏ. Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng lịch sử sẽ ghi nhận lý tưởng trong sáng của chúng tôi.

Tôi phủ nhận hoàn toàn những xuyên tạc trắng trợn và những lời lẽ nhơ bẩn của Lê Hữu Qua. Tôi không căm thù gì ông ta vì nghĩ rằng ông ta chỉ là một thủ hạ cuồng tín vì thiếu văn hóa mà thôi.

Còn một điều cũng rất đáng lưu ý : ông Lê Giản lúc đó chỉ huy tất cả các vụ tàn sát này. Từ hơn 10 năm qua ông đã đứng vào hàng ngũ những người đòi dân chủ và công khai đả kích đảng cộng sản. Ông không nói gì về vụ này. Sự im lặng của ông cũng rất có ý nghĩa.

Sau cùng, lệnh đàn áp đã đến từ Huỳnh Thúc Kháng, một ông đồ nho lẩm cẩm hoàn toàn do đảng cộng sản khống chế. Tôi thành thực không hiểu vì sao người ta vẫn còn dành cho ông sự kính trọng nào đó. Thật ra ông chẳng có một kiến thức hay một lý luận nào đáng kể cả. Việc làm duy nhất của ông là đã đặt bút ký lệnh phát động một đợt đàn áp đẫm máu mà những người yêu nước chân chính đã là nạn nhân. Ông không biết gì và cũng không có ác ý, ông chỉ là một công cụ ngoan ngoãn và ngậy ngô trong tay đảng cộng sản mà thôi.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

"Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận định rằng tình hình Việt Nam đã gần chín muồi cho một chuyển biến hòa bình về dân chủ. Áp lực dân chủ hóa đang gia tăng nhanh chóng, chẳng bao lâu sẽ buộc chính quyền cộng sản phải nhượng bộ để tránh sụp đổ trong hỗn loạn. Trong cuộc vận động để gia tăng áp lực dân chủ hóa và để xây dựng mặt trận dân chủ, cộng đồng người Việt hải ngoại có vai trò chiến lược quyết định và cũng có khả năng để đảm nhiệm vai trò đó. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên khẳng định rằng đấu tranh để buộc chế độ cộng sản phải chấp nhận bầu cử tự do là một cuộc đấu tranh chắc chắn sẽ thắng lợi và trong đó những người dân chủ Việt Nam dù ở trong hay ngoài nước đều có vai trò quan trọng như nhau".
(Thành Công Thế Kỷ 21, trang 139).

7. Xứ Nam Trung Bộ của đại vùng văn hóa ven biển miền Trung

Lê Văn Hào



Chênh Đá Đĩa (Phú Yên)

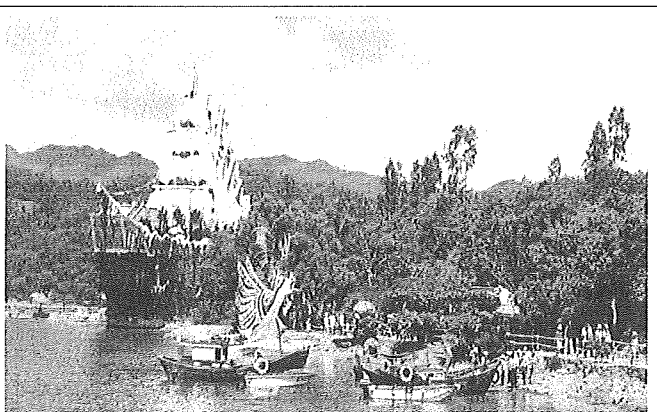
Trong cuộc hành trình xuyên Việt, sau hai vùng văn hóa xứ Quảng và xứ Tây Sơn là vùng văn hóa xứ Nam Trung Bộ, cũng là vùng đất cực nam của vương quốc Champa xưa.

Dõi theo bước chân của người Việt mãi miết tiến về Nam, ta thấy : năm 1611 chúa Nguyễn lấy đất Phú Yên, 1653 làm chủ Khánh Hòa, 1692 Ninh Thuận và Bình Thuận thuộc về Đàng Trong của Đại Việt. Đại vùng văn hóa ven biển miền Trung đã định hình từ ấy.

Nam Trung Bộ có thể tự hào về một số chùa miếu cổ kính vài ba trăm tuổi (Đá Trắng, Chùa Hang, Trà Kú...) và một số lễ hội đông vui (Đầm Ô Loan, Dinh Thầy, lễ hội Cá Voi...), nhưng đáng nói nhất là các thắng cảnh biển, các thành tựu ẩm thực và vốn dân ca phong phú.

Tiểu vùng văn hóa Phú Yên đã ngót 400 tuổi

Phú Yên có diện tích 5.300 km² và dân số 800.000 người ; phía tây là vùng núi và bán sơn địa Trường Sơn Nam mà đỉnh cao nhất là Hòn Vọng Phu (2.064 m), phía đông là những cánh đồng bầu bạn với ba đồng sông Đà Rằng, Kỳ Lô và Bàn Thạch.



Thủy cung Trí Nguyên - Hòn Miếu (Nha Trang)

Phú Yên nằm giữa Đèo Cù Mông phía bắc và Đèo Cả phía nam. Quốc lộ 1, đoạn qua Phú Yên là đoạn đẹp nhất với những vùng biển thơ mộng :

"Vũng Đông, Vũng Lắm, Vũng Chèo

Vũng La, Vũng Sứ, vũng nào cũng thương".

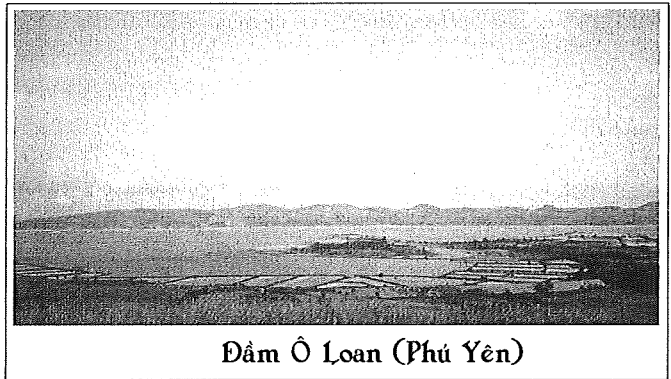
Quả thật Phú Yên có những thắng cảnh khó quên.

Đầm Ô Loan (huyện Tuy An) là một đầm nước lợ rộng 1.200 hecta, với cảnh trí xinh xắn và nhiều đặc sản ngon lành : hào, sò huyết, cua Huỳnh Đế, tôm rằn, tôm bạc... với lễ hội đua thuyền tưng bừng vào dịp Tết xuân.

Ghềnh Đá Đĩa (huyện Tuy An) ở ngay bờ biển có cấu tạo kỳ lạ : vô số trụ đá hình ngũ giác đều đặn xếp chồng lên nhau, xa trông như một tổ ong, lại gần giống như những chồng đĩa chén, đá có màu sắc đen tuyền nửa chìm nửa nổi bên biển.

Bãi biển Mỹ Á (huyện Tuy An) là một trong những bãi tắm đẹp trải dài dưới bóng dừa xanh.

Khu bảo tồn thiên nhiên Krong Trai (huyện Sơn Hòa)



Đầm Ô Loan (Phú Yên)

rộng hơn 22.000 hecta, còn khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Đèo Cả tuy chỉ có 8.800 hecta rừng nhưng lại có một quần thể thực vật và động vật phong phú : 191 loài cây, 55 loài chim, 22 loài thú quý (trĩ sao, khỉ mặt đỏ, tê tê, báo hoa, gấu ngựa...).

Người Phú Yên tự hào về những đóng góp vào kho tàng ẩm thực Việt Nam : chả giông (một loài bò sát sống ở vùng đất cát), sò huyết Đầm Ô Loan, ghe Đầm Cù Mông (hấp, rang muối, rim me đều rất ngon), gỏi cá ngừ Đại Dương, gỏi sứa biển Tuy Hòa, tôm hấp nước dừa, mắm cá mòi, mắm cá thu, bánh ít lá gai, v.v.

Tiểu vùng văn hóa Khánh Hòa - Nha Trang nay đã hơn 350 tuổi

Khánh Hòa, với 5.300 km² và dân số hơn một triệu người, là một tỉnh lớn của Việt Nam vì có thành phố Nha Trang, Vịnh Cam ranh nổi tiếng và huyện Trường Sa ngoài khơi Biển Đông.

Bờ biển Khánh Hòa dài 200 km với trên 200 đảo lớn

nhỏ. Hải sản đặc biệt quý là *yến sào*, sản lượng hàng năm trên 2,5 tấn. Cam Ranh là một cảng biển vào loại tốt nhất thế giới.

Nhưng viên ngọc quý ở đây trước hết là thành phố biển Nha Trang, với bãi tắm trải dài 7 km dọc theo đại lộ Trần Phú (Độc Lập cũ). Những đêm đẹp trời, bãi biển trở thành nơi hẹn hò lý tưởng của những người yêu nhau. Nhờ kinh tế thị trường, các dịch vụ thể thao biển phát triển mạnh : lướt ván buồm, dù bay trên biển, thuyền máy cao tốc kéo người lướt sóng...

Không xa bãi biển thành phố có *trung tâm suối khoáng nóng Tháp Bà*, là chỗ tắm bùn rất tốt cho sức khỏe.

Ở ngay Nha Trang mà thích vừa leo núi vừa ngắm cảnh biển và nghỉ ngơi thì nên đi thăm thắng cảnh Hòn Chồng, một khu vực nửa nằm trên bờ nửa dưới biển, dân gian quen gọi là *Hòn Chồng*, *Hòn Vợ*, một quần thể những khối đá lớn nhỏ, nhiều tầng, nhiều lớp, với những hình thù kỳ dị xếp chồng lên nhau chạy từ bờ cao xuống biển.

Viện Hải Dương Học và Bảo Tàng Hải Dương Học Nha Trang, thành lập từ 1923, có hơn 20.000 mẫu vật của hơn 4.000 loài sinh vật biển và nước ngọt, bên cạnh thủy cung của những mẫu vật sống được nuôi thả trong những bể gương lớn.

Hấp dẫn kỳ thú nhất là đi quanh một vòng các đảo biển. Nếu chỉ có quãng thời gian từ sáng đến chiều thì đi theo lộ trình : *Thủy Cung Trí Nguyên, Hòn Mun, Hòn Tằm* (ăn trưa), *Làng Chài* trên Hòn Miếu (thưởng thức hải sản).

Hòn Miếu (Đảo Bồng Nguyên) là nơi có Thủy Cung Trí Nguyên được xây dựng từ 1971 : đó là một vùng hồ trên biển được ngăn lại bằng hệ thống kè đá, trong đó được nuôi thả hàng trăm loài sinh vật biển quý hiếm và đẹp mắt.

Phía bên kia đảo là *Làng Chài* với nhiều lồng nuôi hải sản nổi. Đặc sản nổi tiếng là món *tiết canh tôm pha rượu* và có một trò rất vui là *chèo thuyền thúng* trên biển.



Thắng cảnh Hòn Chồng, Hòn Vợ (Nha Trang)



Thúng chài vùng biển Nam Trung Bộ

Hòn Tằm không có dân ở nhưng nhờ có bãi cát đẹp lại khuất gió nên đã trở thành điểm dừng chính của cuộc du lịch.

Hòn Mun có vách đá cheo leo dựng đứng đen tuyền như mun, là nơi yến thích làm tổ và đang được khai thác. Hơn những nơi khác, nước biển chung quanh Hòn Mun trong vô cùng, tầm nhìn vươn tới độ sâu 30 m, đáy biển ánh lên một màu tím biếc huyền ảo.

Hòn Nội (Đảo Yến) là hòn đảo chính của nghề khai thác yến, nơi đây có tổ đình nghề yến.

Hòn Lớn (Hòn Tre) là đảo lớn nhất. Tuy nó không nằm trong lộ trình du lịch thông thường nhưng có *Bãi Trữ* với cát trắng mịn và nước đặc biệt trong xanh nên đã được xem là bãi cát đẹp nhất của vùng biển Khánh Hòa với hai khu du lịch : Con Sẻ Tre và Hòn

Ngọc Việt.

Còn nhiều địa điểm khác đáng thưởng ngoạn : *suối Ba Hồ, dốc Lết, đầm Nha Phu, vịnh Văn Phong, bãi biển Đại Lân...*

Khánh Hòa - Nha Trang còn là địa điểm của văn hóa ẩm thực sang trọng và bình dân.

Món sang trọng ở đây là *yến sào* (tổ kết bằng nước miếng chim én biển) với giá trị dinh dưỡng cao. Hấp dẫn nhất là các món : *yến sào thịt gà mái tơ, yến chưng cách thủy với gà giò, yến tần với chim câu ra ràng, yến hấp đường phèn và nhân sâm, yến nấu với hạt sen* thành chè yến.

Nem chua Ninh Hòa chế biến từ thịt heo Đất Đỏ, xứng đáng cạnh tranh với nem Huế, nem Thủ Đức, nem Lai Vung (Đồng Tháp).

Mắm cá thu Nha Trang, nhất là *mắm Bà Tô*, được xếp vào hàng quý tộc của các loại mắm. *Nước mắm cốt Nha Trang* đủ sức cạnh tranh với nước mắm Cát Hải, Phan Thiết, Phú Quốc.

Các thành tựu khác của ẩm thực Khánh Hòa - Nha Trang là *bún lá cá dầm, bún cá Chợ Đầm, gỏi cá cầu Hà Ra, thịt vịt Ninh Hòa...*

Tiểu vùng văn hóa Ninh Thuận - Phan Rang

Với 3.500 km² diện tích và dân số chưa đến nửa triệu người, Ninh Thuận là một tỉnh nhỏ của miền Trung. Năm 1998, thiên tai lại ập tới : đầu năm hạn hán trầm trọng, cuối năm 6 cơn bão lũ liên tiếp đi qua làm cho các nhà nghiên cứu kinh tế đã đánh giá Ninh Thuận là một trong 6 tỉnh nghèo nhất, với tỷ lệ đói nghèo là 17% và tốc độ tăng trưởng chỉ có 2,5%, thấp hơn bình quân cả nước, lại nằm trong khu vực có vùng khô hạn nhất nước, nhiệt độ trung bình 27°C, lượng mưa trung bình 705 mm (vùng miền núi 1.100 mm).

Bất chấp thiên nhiên khắc nghiệt ấy, Ninh Thuận vẫn luôn phấn đấu để trở thành một trong những ngư trường lớn, một vùng sản xuất chuyên canh khá thành công về nho, mía, bông, hành, tỏi, và nuôi trồng thủy sản. Cái đáng nói nhất là Ninh Thuận nằm trong cụm du lịch quốc gia thuộc tam giác Đà Lạt-Nha Trang-Phan Rang Tháp Chàm và xuất hiện như một bức tranh hài hòa giữa đồng bằng, đồi núi và biển cả. Các tháp Chăm ở đây hầu như còn nguyên vẹn và một số thắng cảnh Ninh Thuận đã được du khách quốc tế đánh giá cao : *đèo Ngoạn Mục, bãi biển Ninh Chữ, bãi biển Cà Ná, vịnh Vĩnh Hy, núi Đá Trắng...*

Gọi là *núi Đá Trắng* (huyện Ninh Phước) bởi vì núi chỉ toàn đá trắng phau với những bụi cây nhỏ lúp xúp, phong cảnh trầm lặng hùng vĩ, phía trước cánh đồng lúa nhấp nhô lượn sóng, xa xa phía bắc đỉnh Po Klong vươn cao, phía nam tháp Po Romé đứng trầm tư mặc tưởng trước nắng gió, phía tây núi Đá Trắng là một góc nam Trường Sơn trùng điệp để cho Ninh Thuận dựa lưng vào mà nhìn ra Biển Đông.

Cách Phan Rang 5 km, *bãi biển Ninh Chữ* (huyện Ninh Hải) là một trong những bãi tắm đẹp, với một bờ biển hình vòng cung bằng phẳng dài 10 km, chung quanh là rừng dương và những núi Đá Chồng, Tân An, Cà Đú.

Cách đó không xa về phía nam, ngay bên quốc lộ 1, là *bãi biển Cà Ná* nổi tiếng đẹp, yên tĩnh, xa dân cư. Một làng du lịch đầy đủ tiện nghi vừa được thành lập, du khách có thể tắm lặn, đi chơi rừng và thăm các thắng cảnh hấp dẫn : hang Ông Phật, Ghềnh Ông Nông, Giếng Dục, Núi Bạc...

Xa hơn một chút, vịnh Vĩnh Hy bắt đầu thu hút nhiều du khách, vì đây là một vùng vịnh thiên nhiên, còn nhiều nét hoang sơ.

Tiểu vùng văn hóa Bình Thuận - Phan Thiết

Khác với Ninh Thuận, Bình Thuận là một trong những tỉnh lớn. Với 8.000 km² và hơn một triệu dân, Bình Thuận là ngư trường lớn nhất miền Trung, với một bờ biển dài 200 km. Nhiều nhánh Trường Sơn Nam đâm thẳng ra biển tạo nên các mũi : La Gàn, Mũi Nhỏ, Mũi Rơm, Mũi Né, Kê Gà, chia bờ biển thành những đoạn lõm tạo ra những vùng cửa biển tốt.

Bãi tắm Phan Thiết sạch đẹp, chỉ cách trung tâm thành phố một cây số với nhiều khách sạn, quán ăn đặc sản trông thẳng ra biển. Cạnh bãi tắm là *Vạn Thủy Tú*, một vạn chài độc đáo. Các

vạn chài ven biển miền Trung thường xây *dinh* để thờ cá voi. Dinh Vạn Thủy Tú trải hơn 200 năm tồn tại đang bảo quản hơn một trăm bộ xương (cốt ông, cốt bà, cốt cậu). Giữa sân trước dinh có trưng bày một bộ xương cá voi khổng lồ dài hơn 20 m.

Ở vùng ngoại ô thành phố Phan Thiết, trên đường đi Mũi Né có thắng cảnh *Suối Tiên* : một con suối đẹp từ độ cao hơn 6 m lướt qua những rừng dừa êm ả, những đồi cát đỏ cao vút rồi chảy xuống. Dưới lòng suối là những lớp đất sét vàng pha cát.

Từ Suối Tiên tiếp tục đi trên con đường ngoạn mục chạy dọc bờ biển, du khách sẽ đến *Mũi Né*, một trung tâm du lịch biển điển hình. Mười năm trước đây Mũi Né còn hoang sơ lắm, nhưng rồi dân Sài Gòn và cả nước đổ xô tới xem nhật thực toàn phần (mùa thu 1995). Xem nhật thực thì không vừa ý lắm vì trời có mây mù nhưng cảnh quan quá đẹp mà tắm biển thì tuyệt vời, từ đó *khu du lịch Mũi Né* ra đời, cung cấp những thú vui của thể thao biển, câu cá, du thuyền, chơi cù (golf) giữa môi trường thiên nhiên trong lành, cảnh quan hùng vĩ : *Bãi Ông Địa, Bãi Trước, Bãi Sau, Đồi Cát* đã trở thành những đề tài sáng tác của nghệ thuật nhiếp ảnh.

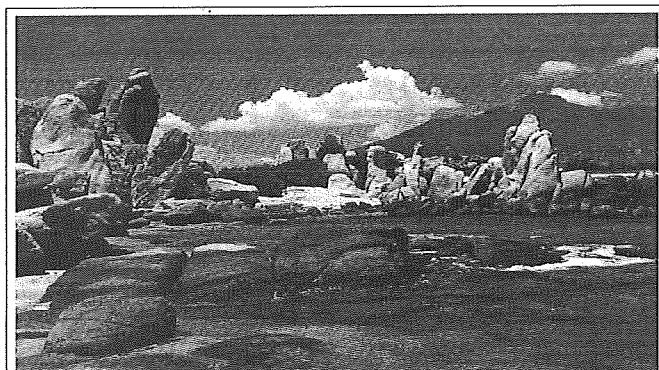
Gần huyện lỵ Hàm Tân là *bãi biển Đồi Dương*, một bãi tắm lý tưởng dài hàng chục km, với những bãi cát trắng xen lẫn với những đồi đất thấp thoải dần ra biển.

Khu du lịch nghỉ dưỡng Vĩnh Hảo - Tuy Phong đã được xây dựng chung quanh suối nước khoáng *Vĩnh Hảo* nổi tiếng, từng được so sánh với Vichy của Pháp. Tuy Phong, huyện phía bắc của

Bình Thuận có bờ biển dài hơn 50 km, với các khu nghỉ dưỡng Hòn Lao Câu, Ghềnh Sơn và các di tích Việt, Chăm như Chùa Hang, tháp Po Dam.



Thắng cảnh Ghềnh Sơn (Ninh Thuận)



Bãi biển Cà Ná (Ninh Thuận)

Một thắng cảnh khác của Bình Thuận rất hấp dẫn là *Núi Trà Kú*, lưng chừng núi có *Chùa Linh Sơn Trường Thọ*, với tượng Phật nằm lớn nhất Việt Nam dài 49 m, được dựng năm 1962, thu hút nhiều khách hành hương. Vào những ngày lễ lớn, có trên 10.000 tín đồ. Vài ngàn người qua đêm trong khuôn viên chùa. Tham quan núi Trà Kú nên đi vào những ngày không có lễ hội và những đêm trăng : giữa rừng tre, rừng bằng lằng rậm rạp, không có chỗ cho bụi trần, chỉ có tiếng tụng kinh sáng sớm, tiếng chuông thu không xé chiều, rồi trắng lên, gió hát, sương rơi, cơn trùng rỉ rả đưa ta vào giấc mơ thoát tục.

Văn hóa ẩm thực Ninh Thuận - Bình Thuận đã để lại nhiều kỷ niệm tốt đẹp cho du khách. Ở thành phố Phan Thiết, nhà hàng Nam Thanh Lâu có món *cơm cháy* ngon độc đáo được giới thiệu là món gia truyền bốn đời.

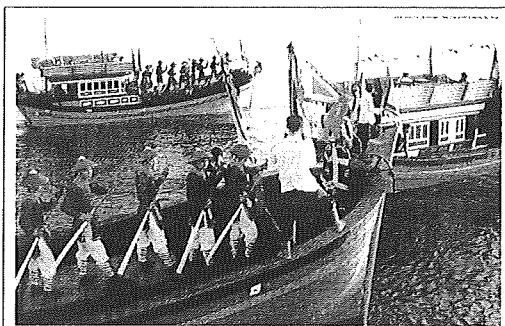
Hấp dẫn nhất ở Ninh Thuận - Bình Thuận là *gỏi cá mai*, *cá suốt* dọn lên mâm trông huy hoàng rực rỡ như bức tranh lụa đầy đủ sắc màu. Cá cơm sông Vu Gia được chế biến thành nhiều món hấp dẫn như *cá cơm rút xương rán vàng*, *cá cơm kho khô*, *cá cơm làm mắm nêm* và ngon hơn cả là *canh cá cơm nấu me đất*.

Nếu Khánh Hòa Nha Trang có yến sào thì Bình Thuận có *hải sâm*. Hải sâm (địa biển) được khai thác tại đảo Phú Quý, con nhỏ nhất bằng ngón tay cái, lớn nhất nặng tới 2 kg. Hai loại hải sâm quý nhất là *huyền sâm* (loại đen) và *hoàng sâm* (loại vàng). Bất được đem về moi ruột, luộc rồi xắt lát mỏng, ướp ngũ vị hương và hành tỏi xào chín, cuốn với bánh tráng rau thơm, khế, chuối chát, chỉ có thể mà ngon nhớ đời.

Giông, một loài các kè đã thấy ở Phú Yên, là một con vật nhỏ mà giới ẩm thực Bình Thuận rất trọng nề qua những bữa tiệc nhậu có *giông nướng* hay *giông xào sả ớt*, *giông làm chả* hay *giông nấu lẩu*. Nổi tiếng là *mực tươi nướng Mũi Né*, cần được xử lý bằng than hoa, xé từng sợi mực tươi trắng ngà chấm với tương ớt vừa dòn lại vừa mềm dẻo với cái vị ngọt đậm, cay nồng cùng mùi thơm đặc biệt khó quên.

Nói về văn hóa ẩm thực mà không đề cập đến nghệ thuật âm thanh là một thiếu sót, hướng chỉ dân ca Nam Trung Bộ là một đóng góp tốt đẹp vào kho tàng folklor Việt Nam.

Có những điệu hò lao động chung cho cả vùng như *hò*



Hát bả trạo (Khánh Hòa - Nha Trang)

giã gạo, *hò xay lúa*, *hò đi cấy*, *hò đập xe nước*... Hò bài chòi thì còn phổ biến rộng hơn : từ xứ Huế đến tận Bà Rịa.

Nhưng cũng có những điệu hò đặc biệt của một vùng như *hò mài dũa*, *hò đẩy xe mía*, *hò khiêng xe nước*... của Bình Định, *hò leo dốc*, *hò già đậu*, *hò khoan*... của Phú Yên. Lại có những làn điệu cùng tên hay gần cùng tên nhưng giai điệu và nhịp điệu lại khác nhau từ tiểu vùng này sang tiểu vùng kia : *hò chèo thuyền Quảng Nam*, *hò chèo dò Quảng Ngãi*, *hò dò Bình Định*, *hò dò Phú Yên*, *hò dò Ninh Thuận* hay các điệu hát huê tình đối đáp khác nhau từ tỉnh này sang tỉnh khác, mặc dù chúng cũng bao gồm những *hát chào*, *hát hỏi*, *hát đố*, *hát nhân ngãi*, *hát kết*, *hát nhẩn*, *hát chờ*, *hát trách*, *hát tạ từ* :

"Ai về nhẩn với bạn nguồn
Mít non gửi xuống cá chuồn gửi lên" .
"Anh tới đây đất nước lạ lòng

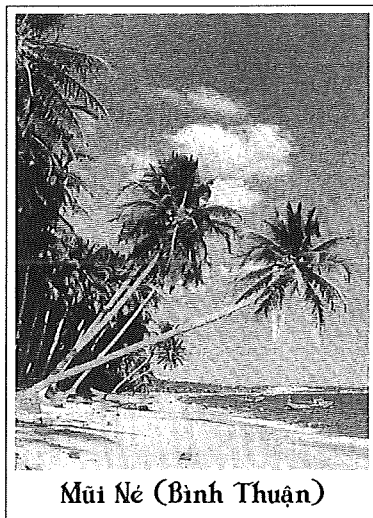
Con chim kêu cũng sợ, con cá
vùng cũng kiêng".
"Anh ra về em cũng muốn về theo
Sợ trường cát nóng, sợ đèo đá
dẫm".
"Giã chàng cho thiếp hồi hương
Kẻo cha mẹ thiếp trăm đường chờ
trông"...

Hai điệu dân ca mà người dân Nam Trung Bộ ưa thích nhất có lẽ là hai điệu hát hội hè : *hò bài chòi* và *hát bả trạo*. Hò bài chòi gắn với trò chơi đánh bài chòi rất bình dân và hào hứng trong các dịp Tết xuân. Còn hát bả trạo là điệu hát không thể thiếu trong các lễ hội thờ cúng cá ông ở những vịnh chài ven biển.

Nhiều nhà biên soạn tuyển tập văn học dân gian đã phê phán nội dung hát bả trạo là lạc hậu, nặng tính chất mê tín nên không đưa vào các tuyển tập, đó là điều đáng tiếc vì trong thực tế đồng đảo ngư dân Việt vẫn tha thiết với tín ngưỡng thờ cá ông, vẫn hoan nghênh nhiệt liệt các đoàn nghệ nhân bả trạo dưới sự điều khiển của các tổng lái, tổng mũi, tổng khoang, vừa cầm chèo vừa hát múa thật là uyển chuyển và trịnh trọng :

"Bớ chú Tổng, chú Tổng,
Trước mũi kia có chú, sau lái nọ có tui
Giữ thuyền lan dừn có sụt sùi
Lặng gió sẽ lặn qua bể ải" ...
"Làm người quân tử lao tâm
Tiểu nhân lao lực trong lòng vô lo
Bây giờ trời đã im rồi
Chúng ta cất bước nhỏ thời neo lên"...

Lê Văn Hảo (Paris)



CÁNH HỮU ĐỨC SẮP LÊN CẨM QUYỀN ?

Chỉ còn hơn hai tuần lễ nữa cử tri Đức sẽ bầu một quốc hội mới. Liên minh Dân Chủ Thiên Chúa Giáo (CDU) dẫn đầu 15 điểm so với đảng Xã Hội (SPD) của đương kim thủ tướng Schroeder.

Câu hỏi được đặt ra không phải là liên minh cánh hữu có thắng đảng Xã Hội hay không, mà là sẽ thắng như thế nào ? Đây là một câu hỏi quan trọng, bởi vì nếu liên minh Dân Chủ Thiên Chúa Giáo không thắng một cách quyết định họ sẽ phải thành lập một chính phủ liên hiệp với đảng Xã Hội như đã từng xảy ra trong quá khứ và các biện pháp cải tổ kinh tế sẽ rất khó thực hiện, vì phải thỏa hiệp giữa hai khuynh hướng trái ngược nhau. Như thế kinh tế Đức có thể sẽ vẫn tiếp tục trì trệ.

Nếu cánh hữu thắng thì lần đầu tiên Đức sẽ có một phụ nữ làm thủ tướng, và hơn thế nữa một phụ nữ xuất thân từ Đông Đức cũ. Lãnh tụ liên minh Dân Chủ Thiên Chúa Giáo (gồm hai đảng CDU và CSU-Xã Hội Thiên Chúa Giáo) là Angela Merkel, lớn lên và được đào tạo tại Đông Đức, chủ trương một chính sách kinh tế hoàn toàn tự do và một chính sách thân Mỹ tận tình.

Angela Merkel và liên minh của bà đáng lẽ phải thắng một cách áp đảo vì cách quản lý kinh tế của thủ tướng Schroeder đã bị đa số người Đức coi là thất bại. Tỷ lệ tăng trưởng của Đức gần như ở số không và tỷ lệ thất nghiệp lên đến 12%. Nhưng bà Merkel đã mất một phần uy tín sau khi tỏ ra lúng túng trong những phân tích về kinh tế. Có lúc bà lầm lợi tức ròng với lợi tức gộp. Các nhân vật quan trọng trong liên minh của bà cũng không tỏ ra thận trọng giúp bà đắc cử, nhiều khi đưa ra những lời tuyên bố rất vụng về. Thí dụ cựu lãnh tụ liên minh Stoiber tuyên bố rằng chính trường Đức dành quá nhiều quan trọng cho Đông Đức. Lời nói này đã tạo ra cả một loạt bình luận phản nộ.

Trước mặt Angela Merkel là một thủ tướng Schroeder rất hùng biện và đầy sức thu hút. Tuy nhiên lập luận chống Mỹ không còn ăn khách và thành tích của đảng SPD quá kém để thu hút sự ủng hộ của người Đức. Hai lãnh tụ đã tranh luận công khai ngày 4-9-2005, mặc dù tài hùng biện của Schroeder có lấn át bà Merkel, nhưng vẫn chưa đủ để Schroeder có thể chuyển bại thành thắng.

Nếu Angela Merkel đắc cử với một đa số đầy đủ trong quốc hội để không phải liên hiệp với đảng Xã Hội thì sự phân phối ảnh hưởng trong Liên Hiệp Châu Âu sẽ thay đổi lớn. Trục Đức-Pháp kể như không còn nữa vì bà Merkel thân với Mỹ và Anh hơn là Pháp. Và đây cũng sẽ là một khó khăn khác cho tổng thống Pháp Jacques Chirac, một người rất gắn bó với thủ tướng Schroeder. Những biện pháp cải tổ kinh tế mạnh bạo của bà Merkel cũng có thể giúp Đức, và Liên Hiệp Châu Âu, ra khỏi sự trì trệ đã kéo dài từ nhiều năm qua.

MỘT CUỘC CÁCH MẠNG TẠI NHẬT ?

Ngày 11-9 sắp tới có lẽ thủ tướng Junichiro Koizumi sẽ đi vào lịch sử như là người đã làm thay đổi một cách quan trọng nhất chính trường Nhật Bản trong 60 năm qua, từ sau thế chiến II.

Koizumi đã quyết định giải tán quốc hội sau khi thượng viện bỏ phiếu chống dự luật giải tư Tổng cục bưu điện ngày 8-8-2005. Nhiều nghị sĩ thuộc chính đảng Tự Do Dân Chủ của Koizumi đã bỏ phiếu chống lại ông. Trước đó, trong cuộc biểu quyết về dự luật này tại hạ viện ngày 5-7-2005, 37 dân biểu thuộc đảng Tự Do Dân Chủ của Koizumi cũng đã biểu quyết chống lại ông.

Việc giải tư Tổng cục bưu điện tự nó là một vấn đề rất quan trọng. Bưu điện Nhật không phải chuyển thư từ, nó còn là một ngân hàng có số dự trữ khổng lồ 3.000 tỷ USD, nó là ngân hàng cho vay nhiều nhất nước Nhật và theo dự luật cho vay một cách rất cầu thả vì những đặc quyền đặc lợi hơn là theo các tiêu chuẩn kinh doanh đứng đắn. Con nợ chính của ngân hàng này không ai khác hơn là chính nhà nước Nhật. Số nợ của chính quyền Nhật lên tới 150% tổng sản lượng quốc gia. Ngân hàng này cũng là dụng cụ kiểm phiếu của đảng Tự Do Dân Chủ bằng cách phân phát những ơn huệ trước các cuộc bầu cử. Việc thủ tướng Koizumi tự ý muốn bỏ một vũ khí chiến lược của đảng mình là một hành động can đảm vì quyền lợi quốc gia, đáng được hoan nghênh. Nhưng dĩ nhiên nó không làm vừa lòng các phe phái thủ cựu trong đảng.

Tuy vậy, đây chỉ là giọt nước làm tràn ly. Kể từ ngày lên cầm quyền, tháng 4-2001, Koizumi đã không giấu giếm ý định cải tổ một cách toàn diện đảng Tự Do Dân Chủ và cùng với đảng Tự Do Dân Chủ, thay đổi hẳn sinh hoạt chính trị tại Nhật.

Chính trường Nhật có một đặc điểm là tuy liên tục do một đảng cầm quyền, nhưng chính phủ lại rất bất ổn, ít có thủ tướng nào cầm quyền dân chủ quá hai năm. Chính phủ Koizumi là một trong những kỷ lục sống lâu. Lý do là vì đảng Tự Do Dân Chủ (cầm quyền liên tục từ 1955 trừ một giai đoạn ngắn ngủi bị mất chính quyền năm 1993 do chia rẽ nội bộ) không phải là một đảng đứng nghĩa. Nó là một liên minh của nhiều phe nhóm với quyền lợi mâu thuẫn. Mỗi chính phủ đều là một chính phủ liên hiệp và có thể bị đánh đổ khi các liên minh trong nội bộ "đảng" tan vỡ. Koizumi muốn chấm dứt tình trạng bê bối này và ông hoàn toàn có lý.

Đã đến lúc phải cải tổ một cách toàn diện sinh hoạt chính trị tại Nhật. Mô hình chính trị Nhật đã kéo dài quá lâu và đã bộc lộ những tệ hại của nó. Nhật gần như bị suy thoái liên tục từ hơn 30 năm nay, sau khi phát triển một cách ngoạn mục trong ba thập niên sau thế chiến II. Theo chính các chuyên gia Nhật thì hiện nay sức cạnh tranh của Nhật rất yếu. Năng suất lao động của Nhật kém Mỹ 30%, năng suất tư bản kém Mỹ 40%.

THỜI SỰ QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM

Một cách cụ thể, chương trình của Koizumi là thiết lập trật tự trong đảng Tự Do Dân Chủ, dẹp các phe nhóm, tiến tới một ban lãnh đạo thống nhất, thực sự có thẩm quyền. Trong cuộc bầu cử ngày 11-9 sắp tới, Koizumi sẽ lao động một đảng Tự Do Dân Chủ do chính ông kiểm soát sau khi khai trừ các phần tử chống đối.

Dù thắng hay bại, Koizumi cũng sẽ thay đổi hẳn nước Nhật. Nếu ông thắng, Nhật sẽ có sinh hoạt đảng phái bình thường, với một đảng cầm quyền thực sự và những đảng đối lập thực sự. Nếu ông thất bại, đảng Tự Do Dân Chủ của ông cũng sẽ là một đảng Tự Do Dân Chủ mới, do những chí hữu của ông lãnh đạo, các phe phái trong đảng Tự Do Dân Chủ sẽ tách ra làm những đảng nhỏ mất dần ảnh hưởng.

Đối thủ chính của đảng Tự Do Dân Chủ, và Koizumi, là đảng Dân Chủ, một đảng đang lên. Đảng này qui tụ phe tả trước đây và một số thành phần ly khai từ đảng Tự Do Dân Chủ. Đảng Dân Chủ cũng chủ trương cải tổ nhưng thiếu chương trình cụ thể, và khó có thể cạnh tranh được với Koizumi về chính sách đối nội. Trái lại, đảng này dựa trên tâm lý chống Mỹ khá mạnh tại Nhật, một phần vì những ty hiềm trong quá khứ, một phần vì muốn một vị thế độc lập hơn cho Nhật đối với Mỹ. Lãnh tụ đảng Dân Chủ Otaka tuyên bố nếu đắc cử và cầm quyền ông sẽ rút quân Nhật khỏi Iraq.

Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy càng gần ngày bầu cử Koizumi càng được ủng hộ mạnh hơn. Có những cuộc thăm dò dư luận cho thấy đảng Tự Do Dân Chủ của ông có thể đạt đa số tuyệt đối 53%. Cử tri Nhật bị lôi kéo bởi diện mạo đẹp trai (Koizumi có bộ tóc dày như bờm sư tử) và tài hùng biện của Koizumi, nhưng họ cũng cảm phục sự dũng cảm của ông qua các đề nghị cải tổ mạnh bạo và vô vị lợi.

Một điều cũng rất đáng chú ý, và có lẽ cũng là một nguyên nhân khiến Koizumi tranh thủ được cảm tình của dân Nhật, là Koizumi sắp mãn nhiệm kỳ chủ tịch đảng Tự Do Dân Chủ và chỉ còn một năm nữa ông sẽ rút lui. Cho nên ngay cả nếu Koizumi thắng thì trong một tương lai gần người lãnh đạo đảng Tự Do Dân Chủ, và làm thủ tướng Nhật, sẽ không phải là Koizumi mà là một trong những cộng sự viên hiện thời của ông. Điều này càng khiến cử tri Nhật tin tưởng Koizumi đã hành động vì quyền lợi của nước Nhật chứ không phải vì quyền lợi cá nhân. Koizumi đã tuyên bố từ lâu là sẽ từ chức chủ tịch đảng Dân Chủ Tự Do và chức thủ tướng vào cuối năm 2006, và người ta tin ông. Các chính khách Nhật có thể có nhiều khuyết điểm nhưng họ không có tập quán không giữ lời hứa.

Có thể cuộc chuyển hóa hòa bình này không gây ra những xôn xao lớn trên thế giới nhưng một nước Nhật mới sẽ bắt đầu sau ngày 11-9-2005.

KATRINA cái nhọc của chính quyền Bush

Từ trước đến nay người ta chỉ nói đến viện trợ Mỹ, chỉ có Mỹ viện trợ cho các nước khác. Ngày nay, lần đầu tiên,

đến lượt các nước khác cứu trợ Mỹ.

Cơn bão Katrina (cấp 5, sức gió 250 km/giờ) đã tàn phá ba tiểu bang miền nam Hoa Kỳ : Louisiana, Mississippi và Alabama hồi cuối tháng 8 vừa qua, ở một mức độ kinh khủng không ngờ. Số nạn nhân có thể lên đến vài chục ngàn người. Chính tổng thống Bush đã phải nhìn nhận chính quyền ông đã đối phó một cách chậm chạp không thể chấp nhận được. Ông đã ra di ngay sau khi thăm viếng các tiểu bang này trước sự phẫn nộ của các gia đình nạn nhân.

Điều mọi người nhận xét là đa số nạn nhân là những người da đen không có điều kiện di tản kịp thời. Điều này càng khiến chính quyền Mỹ bị cáo buộc là kỳ thị màu da. Bush còn rất điều đứng khi bị cáo buộc là đã dùng ngân khoản đáng lẽ phải dùng để bảo trì con đê ở New Orleans cho chi phí chiến tranh tại Iraq. Chính sự tràn ngập của con đê này đã là nguyên nhân chính đưa tới số nạn nhân to lớn như vậy.

Katrina sẽ được ghi nhớ là tai họa về nhân mạng lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ và đồng thời cũng là thiên tai trong đó chính quyền Mỹ đã đối phó một cách cẩu thả nhất.

LÚA BIẾN GEN thử nghiệm ngay trên 1,3 tỷ người

Nguyệt san *Science & vie*, phát hành tại Pháp số tháng 7-2005, cho biết : Cuối năm 2005 và chậm lắm là đầu năm 2006, Trung Quốc sẽ nuôi hơn một tỷ dân bằng gạo biến gen (genetically modified) và sẽ là quốc gia đầu tiên trên thế giới tiêu thụ loại thực phẩm biến gen này trên qui mô toàn quốc.

Theo viện Hàn lâm khoa học Trung Quốc, trước đây gia tăng dân số (trên 1,6 tỷ người năm 2050, 75% dân số tập trung vào các vùng thành thị và năng suất lúa gạo ngày càng giảm do hiện tượng đô thị hóa và đất đai kém màu mỡ), mức sản xuất lúa gạo hiện nay của Trung Quốc không đáp ứng đủ nhu cầu về lương thực của người dân Trung Quốc trong những năm sắp tới. Yêu cầu kinh tế bắt buộc, Trung Quốc phải sử dụng lúa giống biến gen để nuôi dân. Với giống lúa này, năng suất lúa gạo của Trung Quốc sẽ tăng từ 10 đến 15% so với mức sản xuất hiện nay.

Theo thống kê của cơ quan lương nông quốc tế (FAO), từ 1999 đến 2003, diện tích trồng lúa của Trung Quốc giảm 10% (từ 31 triệu ha xuống còn 28 triệu ha) ; năng suất của lúa giảm 3% (từ trên 6,3 tấn/ha xuống dưới 6,1 tấn/ha) ; tổng sản lượng lúa giảm 17,5% (từ 200 tấn xuống còn 167 tấn) ; trong khi dân số tăng thêm 50 triệu người (từ 1,27 tỷ lên 1,32 tỷ, tức 0,4%).

Giống lúa biến gen này mang tên KMD (Kemingdao), được ghép từ gen *Crylab* lấy từ một loại vi khuẩn sống dưới đất (*bacillus thuringiensis*, Bt), có đặc tính điều tiết một cách tự nhiên chất trừ sâu ăn lúa. Cũng nên biết loại sâu này (pyrales) mỗi năm tàn phá 75 % diện tích ruộng lúa ở Trung Quốc. Ngoài giống lúa KMD các nhà nghiên cứu Trung Quốc còn tìm ra nhiều loại lúa giống khác có đặc tính tương tự (GM II-Youming 86, GM Xianyou 63) hoặc có đặc tính chống lạnh, chống mặn, chống khô, v.v. Nếu

tất cả nông dân Trung Quốc đều dùng loại giống GM. Với các loại lúa giống mới này tổng số tiền tiết kiệm liên quan đến thuốc trừ sâu sẽ trên 4 tỷ USD mỗi năm.

Đến nay, chưa ai chứng minh được là ăn gạo biến gen có nguy hại cho sức khỏe của con người và môi trường, nhưng phải là những người lãnh đạo cộng sản Trung Quốc mới dám làm cuộc thử nghiệm trên sinh mạng của 1,4 tỷ người. Vấn đề là cuộc thử nghiệm này gắn liền với Việt Nam.

Từ vài năm trở lại đây, Việt Nam không còn khả năng tự cung cấp lúa giống, khả năng này giảm từ 40% xuống còn 10% và sẽ mất hẳn trong tương lai. Lý do là nhà nước Việt Nam không có chính sách phát triển các trung tâm nghiên cứu hay sản xuất các loại lúa giống mới. Ngược lại, Hà Nội khuyến khích nhập các giống lúa mới từ Trung Quốc, tạo cơ hội cho một số công ty trung gian do đảng cộng sản đỡ đầu làm giàu trên thị trường này. Không có gì bảo đảm rằng trong tương lai người Việt Nam sẽ không ăn gạo biến gen của Trung Quốc ?

ĐÀI LOAN

giảm đầu tư vào Trung Quốc

Thống kê đầu tư ra nước ngoài của Đài Loan ngày 20-7-2005 cho biết trong 6 tháng đầu năm 2005, tổng số tiền đầu tư trực tiếp của Đài Loan vào Trung Quốc là 2,63 tỷ USD, giảm 22,4% so với cùng thời kỳ của năm 2004.

Đài Loan đang bắt đầu dè dặt trước thái độ hung hăng của giới lãnh đạo Trung Quốc khi ban hành Luật chống ly khai và đe dọa sẽ dùng vũ lực nếu Đài Loan tuyên bố độc lập. Thêm vào đó, giới đầu tư Đài Loan lo ngại những bất trắc về tỷ giá đồng nguyên khi bị áp lực tăng giá 2,1% vào mùa thu này. Cũng nên biết giới đầu tư Đài Loan nắm rất vững sinh hoạt kinh tế tại Trung Quốc vì là quốc gia đầu tiên đầu tư vào Trung Quốc và cũng là quốc gia đầu tư nhiều nhất.

Trước năm 2000, phong trào đầu tư vào Trung Quốc tại Đài Loan trở nên rất sôi nổi : đến năm 2004 đã có hơn một triệu doanh nhân Đài Loan ở luôn tại Trung Quốc để làm ăn. Năm 2003 vốn đầu tư trực tiếp từ Đài Loan sang Trung Quốc đạt đến con số kỷ lục : gần 7,7 tỷ USD, năm 2004 khựng lại còn 6,94 tỷ USD và trong 6 tháng đầu năm 2005 là 2,63 tỷ. Đúng là giới đầu tư Đài Loan bắt đầu lo ngại cho đồng tiền của họ bỏ ra tại Trung Quốc.

Tuy vậy, tỷ lệ đầu tư của Đài Loan vào Trung Quốc vẫn còn chiếm 70% tổng số tiền đầu tư ra nước ngoài. Giới hữu trách Đài Loan đang khuyến khích giới công nghiệp phân tán đầu tư sang các quốc gia khác nhiều hơn nữa để tránh rủi ro khi chỉ tập trung vào Trung Quốc.

Khu vực bị ảnh hưởng trước tiên là các ngành sử dụng nguồn lao động đông đảo như các ngành dệt và áo quần may sẵn, hiện nay đang là tranh chấp giữa Trung Quốc với các quốc gia phương Tây. Doanh nhân Đài Loan đang có kế hoạch di dời các cơ xưởng dệt và áo quần may sẵn sang các quốc gia Đông Nam Á, nhất là Việt Nam và Ấn Độ. Còn các ngành điện tử cao cấp và tin học thì theo thứ tự ngược lại : Ấn Độ, Singapore và Việt Nam.

TRUNG QUỐC

tăng giá đồng nhân dân tệ

Từ khi mở cửa ra thế giới bên ngoài và tham gia vào thị trường kinh tế thế giới, đồng nhân dân tệ (CNY-China Yuan Renminbi) luôn giữ nguyên trị giá : 1 USD bằng 8,28 CNY. Tỷ lệ này không mấy thay đổi từ mấy chục năm nay, mặc dù tỷ lệ phát triển kinh tế của Trung Quốc tăng đều 9% mỗi năm. Điều này không thể chấp nhận được.

Giá đồng nguyên cố định và thấp có lợi cho Trung Quốc trong ngắn hạn : hàng hóa sản xuất với giá rẻ sẽ bán được nhiều. Nhưng sự kiện này không thể kéo dài với thời gian, nếu tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc bằng 9% mỗi năm thì đồng tiền cũng phải tăng cùng tỷ lệ mới trung thực, nghĩa là phải tăng ít nhất 40% mới phù hợp với sự tăng trưởng kinh tế liên tục trong mấy năm qua.

Trên nguyên tắc, không tăng trị giá đồng tiền tức là phủ nhận trị giá sức lao động (vì không được tăng lương), mãi lực nội địa bị giảm, tỷ lệ phát triển kinh tế phải giảm theo. Tại Trung Quốc thì ngược lại, tỷ lệ phát triển kinh tế vẫn ở mức cao. Lý do là vì tổng số tiền đầu tư vào Trung Quốc vẫn tiếp tục gia tăng và lượng ngoại tệ do xuất khẩu mang về quá nhiều nên Bắc Kinh vẫn có thể tiếp tục kềm chế cơ chế thị trường nội địa. Nhưng về lâu về dài tình trạng này sẽ bất lợi cho Trung Quốc vì ai cũng muốn cất giữ đồng đô la Mỹ thay vì đồng nguyên, nhất là đồng nguyên lại gắn chặt với đồng đô la Mỹ, Trung Quốc sẽ mất độc lập về tiền tệ. Thêm vào đó không ai muốn đầu tư hay trao đổi bằng đồng nguyên vì quá yếu so với đồng đô la Mỹ, sinh hoạt công nghiệp cả nước sẽ yếu theo. Đó là chưa kể khủng hoảng khi đồng nguyên bị giới đầu cơ tung đô la Mỹ ra mua trên các thị trường chứng khoán hay giới tư sản trong nước lấy đồng nguyên ra mua đồng đô la Mỹ để cất giữ.

Cái khó của ban lãnh đạo cộng sản Bắc Kinh là ở chỗ đó, tăng giá đồng nguyên thì sẽ khó xuất khẩu hàng hóa, giữ nguyên thì sẽ bị khủng hoảng tài chính. Nhất là từ khi gia nhập Tổ chức Mậu dịch Quốc tế (WTO) năm 2001, Trung Quốc cam kết tuân theo luật chơi của nền kinh tế thị trường quốc tế.

Để lấy lòng Hoa Kỳ, trước khi ông Hồ Cẩm Đào, chủ tịch nhà nước cộng sản Trung Quốc, chính thức viếng thăm Mỹ tháng 9-2005 này, ngày 21-7-2005 Bắc Kinh tuyên bố sẽ tăng giá đồng nguyên lên... 2,1% (1 USD = 8,11 CNY). Một tỷ lệ rất quá nhường không phản ánh đúng thực tế kinh tế của Trung Quốc. Tuy vậy, trong những ngày sắp tới Bắc Kinh còn phải làm rất nhiều nhượng bộ khác để đồng nguyên có được địa vị là một đồng tiền quốc tế, nghĩa là được tự do buôn bán trên các thị trường năm 2006.

ĐẦU TƯ NHẬT BẢN

một cơ may cho Việt Nam ?

Từ sau những vụ xuống đường bài xích Nhật Bản hồi tháng 4 vừa qua của dân chúng Trung Quốc trong các thành phố lớn, giới đầu tư Nhật Bản đang tìm cách rút lui khỏi Trung Quốc. Chính quyền và giới đầu tư đang hướng tầm

nhìn vào Việt Nam với tất cả sự quan tâm. Việt Nam được đánh giá cao trên danh sách các nước trong vùng có thể tin nhiệm được để làm đối tượng hợp tác đầu tư mới.

Đối với giới đầu tư Nhật Bản, ngoài những xung đột trong các cuộc biểu tình chống phá Nhật Bản và dịch bệnh SARS, Trung Quốc hiện nay bị coi là quốc gia có nhiều rủi ro cho đầu tư vì giá đồng nguyên tăng và thế giới e ngại hàng hóa của Trung Quốc tràn ngập các thị trường bản địa. Theo thống kê của cơ quan phát triển ngoại thương Nhật Bản (JEIRO), các xí nghiệp Nhật mất hứng thú trong việc mở rộng dịch vụ ở Trung Quốc. Số công ty định gia tăng công việc ở Trung Quốc chỉ chiếm 54,8%, giảm thật nhiều so với con số 86,5% hồi tháng 12-2004. Số công ty, xí nghiệp định bỏ Trung Quốc lên 4,1% so với 0,2% cuối năm ngoái.

Thay vì đợi Trung Quốc phát triển đúng định hướng, giới đầu tư Nhật Bản muốn dồn vào Việt Nam. Cũng nên biết vốn đầu tư trực tiếp từ Nhật vào Việt Nam nửa đầu năm 2005 lên đến 161,8 triệu USD, tăng 3,3 lần so với cùng thời kỳ của năm trước. Đầu tư Nhật vào Việt Nam đứng hàng thứ 4 trong các nguồn đầu tư nước ngoài. Cho đến nay phần lớn là các loại đầu tư trung hạn hoặc ngắn hạn. Nhưng nếu chính quyền cộng sản Việt Nam biết nắm lấy cơ hội này, tổng số tiền đầu tư dài hạn sẽ gia tăng đáng kể, mặc dầu hiện nay Nhật là quốc gia đứng đầu về số tiền đầu tư trực tiếp từ nước ngoài : 347,2 triệu USD với các công ty Canon, Honda, Toto...

Chính quyền và giới đầu tư Nhật Bản hy vọng chính quyền Việt Nam sẽ làm nhiều cố gắng hơn nữa, nhất là về luật pháp và hạn chế nạn tham nhũng, để tiếp đón nguồn đầu tư mới và ô ạt này. Nhật Bản cũng mong Việt Nam sẽ được nhận vào WTO cuối năm nay, vì đó là một bảo đảm cho những số tiền đầu tư sẽ đổ vào Việt Nam.

Năm 2006 sắp tới đây sẽ là năm quyết định tương lai của Việt Nam. Không biết định hướng của đại hội đảng cộng sản Việt Nam lần thứ 10 trong năm 2006 có biết nắm lấy cơ hội này không ? Chỉ cần vài năm nhận vốn đầu tư của Nhật Bản, sinh hoạt kinh tế của Trung Quốc đã ngóc đầu một cách hùng dũng.

VIỆT NAM tù nhân chính trị

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày 2-9-1945, ngày quốc khánh của chế độ, chính quyền cộng sản Việt Nam đã trả tự do cho hơn 10.000 người tù nhân. Hầu như tất cả đều là tù hình sự. Chỉ có 5 người được coi là "vi phạm an ninh quốc gia", nghĩa là tù chính trị, trong số này chỉ có mục sư Nguyễn Hồng Quang là được dư luận biết tới.

Ông Nguyễn Hồng Quang, mục sư giáo phái Tin Lành Menonite, bị bắt giam từ tháng 3-2004 vì một tội danh rất khó tin tại Việt Nam là "chống người thi hành công vụ", nói cách khác chống lại công an đến điều tra. Mới đầu họ còn cáo buộc ông hành hung công an. Mục sư Nguyễn Hồng Quang đã phủ nhận tội danh này. Tuy vậy ông vẫn bị xử 3 năm tù trong phiên tòa chớp nhoáng ngày 12-4-

2005. Trong lúc ông bị giam giữ thì công an đã xông vào đập phá bàn thờ trong tư thất của ông, cũng là nơi hành đạo của giáo phái này.

Một trong số những tù nhân được phóng thích trong đợt này là Trần Mai Hạnh, cựu ủy viên ban chấp hành trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam và tổng thư ký Hội Nhà Báo Việt Nam, bị bắt và xử tù vì bao che cho băng đảng tội ác Năm Cam, một vụ án rất lớn, kéo dài 55 ngày với 155 can phạm. Trong vụ này, ba đảng viên cao cấp nhà nước cùng với hàng chục sĩ quan công an bị giải tòa. Trong ba người này, ngoài Trần Mai Hạnh, còn có Bùi Quốc Huy, trung tướng thứ trưởng bộ nội vụ, và Phạm Sỹ Chiến, chủ tịch Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao. Cho đến nay tất cả đều đã được trả tự do. Ngay cả ba người này cũng không phải là ba người cao cấp nhất trong vụ Năm Cam, càng ngày người ta càng nói đến ba ủy viên bộ chính trị Trương Tấn Sang, trưởng ban kinh tế trung ương đảng, đã bị cách chức một cách không chính thức, Nguyễn Văn An, chủ tịch quốc hội, và Nguyễn Tấn Dũng, phó thủ tướng thứ nhất.

Như vậy Đảng Cộng Sản Việt Nam đã phóng thích những người có tội lớn trong đảng của họ và tiếp tục giam giữ những người yêu nước vô tội như Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn.

ÔNG HOÀNG MINH CHÍNH sang Mỹ chữa bệnh

Ông Hoàng Minh Chính, một nhà đối kháng lão thành ở Hà Nội mà dư luận hải ngoại biết tiếng từ lâu, vừa được chính quyền Hà Nội cho xuất ngoại để chữa bệnh ; ông đã tới San Jose (California) ngày 31-8-2005. Ông Chính mắc bệnh ung thư tuyến tiền liệt (prostate). Bà Hoàng Minh Chính được đi theo để săn sóc ông.

Chuyến đi và sự trị bệnh của ông Hoàng Minh Chính do bác sĩ Nguyễn Xuân Ngãi, là thành viên Ủy ban y tế và sức khỏe công cộng (Medicine and Public Health Board) của Hoa Kỳ, bảo trợ. Ông Nguyễn Xuân Ngãi còn là phó chủ tịch Đảng Nhân Dân Hành Động, một tổ chức tự giới thiệu là đối kháng ngay trong quốc nội xuất hiện tại hải ngoại giữa thập niên 1990, với ông Nguyễn Xuân Ngãi là phó chủ tịch (chủ tịch là ông Nguyễn Sỹ Bình).

Trước khi rời Hà Nội, ông Hoàng Minh Chính cho công bố một thư ngỏ nhân dịp kỷ niệm ngày 2-9 (tuyên ngôn độc lập 1945), yêu cầu Hà Nội trả tự do cho ba chiến sĩ dân chủ còn bị giam giữ là Nguyễn Khắc Toàn, Phạm Hồng Sơn và Nguyễn Vũ Bình. Ông cũng đã trả lời phỏng vấn của đài Á Châu Tự Do (RFA) ở phi trường Nội Bài trước khi rời Việt Nam và ở phi trường San Francisco khi vừa mới đến.

Trong hội nghị do Mạng Lưới Nhân Quyền ở Los Angeles tổ chức ngày 3-9-2005, ông Hoàng Minh Chính và ông Bùi Tín đã nhận lời phát biểu trong buổi khai mạc. Cuối cùng chỉ có ông Bùi Tín tới tham dự, cử tọa đã chỉ nghe bài diễn văn của ông Hoàng Minh Chính qua điện thoại, vì đã nhập viện để giải phẫu bệnh nghẹt đường tiểu.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cùng các thân hữu kính chúc ông Hoàng Minh Chính sớm hồi phục sức khỏe.

Chủ nghĩa

Tôi gặp hắn ngay hôm sau khi đến nghỉ hè ở bãi biển này. Hắn đang ngồi thiền trên đồi cát hướng về biển cả vào sáng sớm khi tôi chạy qua.

Thì ra là hắn. Hắn là một người tài giỏi, thông thái, hoạt bát, bằng cấp và kiến thức cao nhưng cực kỳ xảo trá. Khoảng mười lăm năm trước đây hắn cướp giật toàn bộ tài sản của một công ty trong đó nhiều bạn tôi có phần hùn bằng một thủ đoạn rất đều nhưng hợp pháp. Kiện cáo kéo dài rồi kết thúc một cách lằng xẹt vì hắn vào tù vì một lý do khác. Các bạn tôi khán tận.

- Tôi không thiền, hắn giải thích khi tôi tới chào hỏi. Tôi suy nghĩ. Thiền là trút hết khỏi đầu óc, để đầu óc thật rỗng. Cái đó tôi không cần, tôi cần cái đầu đầy chứ không cần cái đầu rỗng. Tôi cần nhiều ý kiến. Sáng sớm là lúc tốt nhất để suy nghĩ, nhất là trước biển cả mênh mông.

- Thế anh suy tư về vấn nạn nào ?

- Vấn đề lớn lắm. Tôi suy nghĩ về một chủ nghĩa cho giai cấp của tôi. Tôi chưa biết phải gọi là giai cấp, thành phần hay chủng loại, hay một danh từ nào khác. Các anh gọi chúng tôi là bọn lưu manh gian ác nhưng thực ra khái niệm này rộng hơn nhiều, nó là một nhân sinh quan, nó chủ trương thủ lợi và thụ hưởng tối đa bằng mọi phương tiện.

- À, tôi hiểu đây là trường phái khoái hưởng, *hedonism*.

- Hoàn toàn không. Bọn khoái hưởng, thụ hưởng, xi-ních, hiện sinh gì gì đó chỉ là loại thấp kém của chúng tôi. Chúng chỉ nhắm hưởng thụ nhất thời, chúng không ham tiền và quyền lực, chúng sợ tội ác.

- Nói tóm lại là anh muốn tìm ra một triết thuyết lưu manh. Quả thực là độc đáo. Xin bái phục. Nhưng vì đâu mà anh có cao kiến này ?

- Cảm ơn lời khen và khuyến khích của anh. Chắc anh cũng biết là khi các bạn anh đang kiện tôi thì tôi phải vào tù. Tôi đã suy nghĩ nhiều trong giai đoạn này. Sau khi ở tù ra được ít lâu thì tôi lại vào tù vì một vụ khác. Tôi lại càng suy nghĩ sâu xa hơn. Tôi khám phá ra rằng chúng tôi, tôi muốn nói những người như tôi, đã là nạn nhân của một sự nghịch lý lớn. Anh thử nghĩ coi, đại đa số những nạn nhân là chúng tôi. Các nhà thương và các nghĩa trang đầy ắp những nạn nhân của sida, nghiện hút. Đó là ở mức độ thấp nhất, mức độ của thụ hưởng lười biếng vô ý thức. Ở mức độ cao hơn, các nhà tù phần lớn là để chứa những phần tử được gọi là lưu manh gian ác như tôi. Thưa anh, có một cái gì rất không ổn. Chúng tôi là một thành phần đông đảo, có thể là đa số, có rất nhiều phương tiện, lại rất thông minh và đã hy sinh rất nhiều mà sao cứ thất bại ? Chúng tôi chịu nhiều tổn thất nhưng thiếu liệt sĩ, có vô số người tử đạo nhưng lại không có thánh tử đạo, cũng không có anh hùng. Chúng tôi táo

MỤC LỤC

1. Thế giới trước cuộc thách đố năng lượng
Thăng Luận
2. Chính sách năng lượng của Trung Quốc
Nguyễn Minh
3. Quá trễ và chưa đủ
Nguyễn Sơn Bá
4. Vấn đề đại đoàn kết dân tộc
Tiêu Dao Bảo Cự
6. Năm văng những lý luận về nhân quyền
Trọng Kim
9. Bài học về chữ Dân
Đặng Phong
12. Công Đoàn Đoàn Kết
Đình Minh Đạt
14. Cây thánh giá nhọc nhằn
Phạm Việt Vinh
16. Bệnh hoang tưởng
Nguyễn Gia Thường
18. Sự cần thiết của những ý kiến dị biệt
Vũ Ngọc Tấn
21. Lại vấn đề dòng họ
Nguyễn Minh
22. Đảng cộng sản khai lại vụ Ôn Như Hầu
Nghiêm Văn Thạch
24. Xứ Nam Trung Bộ
Lê Văn Hào
28. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Chủ nghĩa
Đáy

bạo, nếu cần sẵn sàng hung bạo, thế mà lại không được coi là dũng cảm ? Chúng tôi vẫn bị bọn lương thiện khống chế, bách hại, bỏ tù, nhục mạ mặc dù chúng chỉ là một thiểu số nhút nhát và lưỡng lự. Theo tôi, đó là vì chúng tôi thiếu sức mạnh của một chủ thuyết. Tôi đang cố gắng xây dựng chủ thuyết này.

- Nhưng đó là một cố gắng vô vọng. Thế giới ngày càng lương thiện và nhân đạo hơn, thành phần lưu manh gian ác đang bị đào thải nhanh chóng.

- Thưa anh, không nhất thiết như vậy nếu chúng tôi tìm ra một chủ nghĩa. Trong lịch sử nhân loại cho đến thế kỷ 19, tất cả mọi vua chúa đều là thành phần gian ác. Cho đến giữa thế kỷ 20, đa số các chính quyền vẫn ở trong tay chúng tôi. Sự thắng thế của bọn lương thiện chỉ mới gần đây thôi. Nhưng tình thế chưa đến nỗi tuyệt vọng và vẫn có thể đảo ngược được. Một số đông đảo các công ty lớn vẫn còn kinh doanh một cách gian trá, bất chấp mọi giá trị đạo đức. Lực lượng và phương tiện của chúng tôi còn rất dồi dào. Chúng tôi cũng vẫn còn nắm được chính quyền ở một số quốc gia, thí dụ như tại Việt Nam. Ở đó không phải bọn lương thiện bỏ tù chúng tôi mà chính chúng tôi bỏ tù chúng nó.